

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH
GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nghệ An, tháng 09 năm 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH
GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nghệ An, tháng 09 năm 2021



DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất
(Kèm theo Quyết định số: 122/QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Trần Bá Tiến	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Nguyễn Ngọc Việt	Trưởng khoa GDTC	Phó Chủ tịch	
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thư ký	
5	Ông Hoàng Vĩnh Phú	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
8	Bà Đặng Thị Thu	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
9	Ông Đinh Đức Tài	Phó Trưởng phòng PT phòng KH&HTQT	Thành viên	
10	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
11	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
13	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Trí Lục	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Thành viên	
15	Ông Lê Minh Hải	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Thành viên	
16	Ông Võ Văn Đăng	TBM PPGD GD Thể chất	Thành viên	
17	Ông Châu Hồng Thắng	Phó TBM Thể dục - Võ và TT dưới nước	Thành viên	
18	Ông Văn Đình Cường	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thành viên	
19	Nguyễn Thị Mỹ	Sinh viên lớp 59, GD Thể chất	Thành viên	

Danh sách này gồm có 19 người./.

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	9
1.1. Đặt vấn đề.....	9
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	9
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá.....	10
1.2. Tổng quan chung.....	11
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ.....	15
Tiêu chuẩn 1 MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	15
Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....	15
Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo	17
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	21
Tiêu chuẩn 2 BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	25
Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật	25
Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	28
Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	31
Tiêu chuẩn 3 CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	35
Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	35
Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....	38
Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	42

Tiêu chuẩn 4 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	47
Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....	47
Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	50
Tiêu chuẩn 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC.....	58
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	58
Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	61
Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	63
Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....	67
Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	70
Tiêu chuẩn 6 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN	73
Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	73
Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.....	76
Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	81
Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.	84

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	86
Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	88
Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	92
Tiêu chuẩn 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	96
Tiêu chí: 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm đảm bảo chất lượng, trường thực hành sư phạm và các dịch vụ hỗ trợ khác...) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	96
Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	99
Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	101
Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	105
Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	107
Tiêu chuẩn 8 NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.	110
Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.....	110
Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá	115
Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.....	117

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học	120
Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học	126
Tiêu chuẩn 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	130
Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	130
Tiêu chí 9.2: Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.	132
Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	135
Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	137
Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	139
Tiêu chuẩn 10 NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	143
Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.....	143
Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....	146
Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	148
Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.....	151

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....	156
Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	159
Tiêu chuẩn 11 KẾT QUẢ ĐẦU RA.....	163
Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	163
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	167
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	169
Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.....	171
Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	172
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	177
1.Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy	177
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo	182
3. Kế hoạch hành động.....	184
PHẦN IV. PHỤ LỤC	191

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
BCN	Ban Chủ nhiệm
BGH	Ban Giám hiệu
CB	Cán bộ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GDTC	Giáo dục Thể chất
GV	Giảng viên
HTSV&QHDN	Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp
HV	Học viên
KHĐT	Khoa học và Đào tạo
KHCN	Khoa học công nghệ
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KTX	Ký túc xá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PP	Phương pháp
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PVCD	Phục vụ cộng đồng
SV	Sinh viên
TTTTV	Thông tin - Thư viện
TS	Tiến sĩ
THPT	(Trường) Trung học phổ thông
TDTT	Thể dục thể thao

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Bảng tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức, kĩ năng, các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTĐH.....	36
Bảng 6.1. Số lượng giảng viên (từ 2015-2020)	74
Bảng 6.2.1. Thống kê số lượng tuyển sinh trong các năm 2016-2020	77
Bảng 6.2.2. Số GV quy đổi của giai đoạn 2016 - 2021	78
Bảng 6.2.3. Tỷ lệ GV quy đổi/SV của giai đoạn 2016 - 2021	79
Bảng 6.3. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2016-2021	82
Bảng 6.4. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2015-2020	86
Bảng 6.5. Số giờ NCKH của GV (trích từ quy chế chi tiêu nội bộ, trang 113). 93	
Bảng 8.1. Thống kê tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):.....	113
Bảng 8.2. Thống kê số người học đang học chương trình GDTC	113
Bảng 8.3. Kết quả học tập và rèn luyện của SV năm học 2019 - 2020	118
Bảng 8.4. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT	122
Bảng 8.5. Đánh giá mức độ hài lòng của người học và cựu người học trong 5 năm gần đây.....	123
Bảng 10.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây	152
Bảng 10.2. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây.....	152
Bảng 10.3. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây.....	154
Bảng 10.4. Thành tích NCKH của SV	154
Bảng 11.1. Tỷ lệ sinh viên thôi học giai đoạn 2016-2020 ngành GDTC	164
Bảng 11.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2016-2020 ngành GDTC	165
Bảng 11.3. Bảng tỉ lệ SV tốt nghiệp của 5 khóa học gần nhất.....	167
Bảng 11.4: Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp	170
Bảng 11.5. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây.....	173

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Từ khi thành lập đến nay, Trường Đại học Vinh luôn luôn kiên trì với mục tiêu chất lượng; lấy việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, đào tạo giáo viên nói riêng làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường. Có thể nói, trong lịch sử hơn 60 năm phát triển, dù ở giai đoạn nào, thời điểm nào, Trường Đại học Vinh vẫn luôn luôn giữ gìn, phát huy truyền thống đào tạo sư phạm của mình; xứng đáng là một trong 8 trung tâm đào tạo giáo viên và cán bộ (CB) quản lý giáo dục chủ chốt của cả nước.

Khoa Giáo dục Thể chất (GDTC) của Trường Đại học Vinh được thành lập từ năm 1994. Trải qua gần ba thập kỉ đào tạo, ngành Sư phạm GDTC đã cung cấp cho xã hội hàng ngàn giáo viên GDTC chính quy có trình độ đại học, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển công tác GDTC và thể thao trường học của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Khoa Giáo dục Thể chất là một trong những đơn vị của Nhà trường sớm quan tâm đến hoạt động đảm bảo chất lượng. Vì thế, chất lượng đào tạo của khoa được đảm bảo và không ngừng được nâng cao, trở thành một địa chỉ đáng tin cậy trong đào tạo giáo viên phổ thông. Tập thể CB, giảng viên (GV) của Khoa đã ý thức được một cách sâu sắc tầm quan trọng của kiểm định chất lượng giáo dục, nhất là kiểm định chương trình đào tạo (CTĐT). Do đó, trong quy trình kiểm định CTĐT, Khoa đã thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC bao gồm 5 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp (PP) và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng đã mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể*; (2) *Nêu*

những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá.

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục theo công văn số 1074 và công văn số 2085 (thay thế công văn số 1075) của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành GDTC được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và PP tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 tự đánh giá về đội ngũ CB, giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất (CSV) và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành GDTC.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành GDTC theo ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học (GDDH)*** của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành GDTC tự tìm hiểu, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học NCKH (NCKH), nhân lực, CSV, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu đứng đầu cả nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Khoa Giáo dục Thể chất trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, còn phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành GDTC theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá: Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: Thực hiện đánh giá CTĐT ngành GDTC được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu... Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

1.2. Tổng quan chung

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Nghị định số 375/NĐ ngày 16/7/1959 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Sau ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh theo Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số

62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Chuyển sang đào tạo đa ngành, Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo CB khoa học, kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ (KH-CN) của khu vực Bắc Trung bộ; đào tạo giáo viên và CB khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh NCKH - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng CB; xây dựng đội ngũ CB cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động là "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và CB kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển GDTC - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước".

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp GD&ĐT.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình GDTC - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ: "Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản

trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, GD&ĐT, KHCN, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu GDTC theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển GDTC - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển GDTC - xã hội của địa phương và cả nước.

Trong thời gian vừa qua, Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chu kỳ 2 vào năm 2016, đánh giá ngoài vào năm 2017 và được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định Chất lượng của Bộ GD&ĐT ban hành. Trong thời gian qua, Trường cũng đã có nhiều hoạt động cải tiến chất lượng sau Tự đánh giá và sẽ đánh giá giữa kỳ năm 2019.

Ngày 27 tháng 10 năm 1994, Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 3090/GD-ĐT về việc thành lập khoa GDTC thuộc Trường ĐHSV Vinh, nay là Trường Đại học Vinh. Khoa GDTC Trường Đại học Vinh có chức năng đào tạo trình độ đại học và sau đại học ngành GDTC và NCKH về lĩnh vực GDTC-TDĐT.

Khoa GTC Trường Đại học Vinh thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có

kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

- Đào tạo trình độ đại học ngành: Giáo dục Thể chất
- Đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành: Giáo dục Thể chất
- Giảng dạy chương trình GDTC không chuyên cho sinh viên toàn trường
- NCKH về lĩnh vực giáo dục nói chung và GDTC nói riêng nhằm phục vụ đào tạo và phục vụ sự nghiệp phát triển GDTC - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Trong thời gian qua, Khoa Giáo dục Thể chất, Trường Đại học Vinh đã đào tạo hơn 2500 Cử nhân hệ chính quy, đào tạo 3 khóa với 45 Thạc sĩ. Hiện nay, khoa đang đào tạo 66 sinh viên, 22 học viên cao. SV tốt nghiệp từ Khoa Giáo dục Thể chất có thể đảm nhận và thành đạt ở nhiều vị trí việc làm khác nhau trong các cơ sở giáo dục.

Hiện nay, đội ngũ GV của Khoa có 19 người, được đào tạo đại học và sau đại học ở các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, trong đó có 06 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh, 08 GV chính, và 11 thạc sĩ. Hầu hết GV của Khoa được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ thường xuyên. Ngoài ra, Khoa còn có mối quan hệ thường xuyên với các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

Sinh viên Khoa Giáo dục Thể chất năng động và sáng tạo, luôn nằm trong tốp đầu của Nhà trường khi tham gia các phong trào văn hóa - văn nghệ TDTT và SV tình nguyện. Đây là những sân chơi bổ ích cho SV để họ có cơ hội giao lưu và học hỏi lẫn nhau, giúp SV có các trải nghiệm thực tế với nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi sau này.

Cán bộ và SV Khoa Giáo dục Thể chất có truyền thống đoàn kết, tinh thần tương thân, tương ái. Các cựu SV, GV của khoa có quỹ học bổng hỗ trợ cho các SV có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích SV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

Từ khi thành lập đến nay, Khoa Giáo dục Thể chất luôn là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài; là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành GDTC có uy tín nhất khu vực Bắc Trung bộ, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

PHẦN II.

TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Khoa Giáo dục Thể chất, Trường Đại học Vinh là một trong những cơ sở đào tạo giáo viên hàng đầu về ngành GDTC tại Khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

CTĐT trình độ đại học ngành GDTC được xây dựng theo tiếp cận năng lực trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành với các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Vinh. CTĐT đã thể hiện được quy định về CDR của CTĐT, bao trùm kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu CDR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1: *Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học*

1. Mô tả

Căn cứ vào mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục 2005: Đào tạo trình độ đại học giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng trong bản mô tả CTĐT [H1.01.01.01] với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn để gắn với tầm nhìn và sứ mệnh của Nhà trường [H1.01.01.02]. Cụ thể, mục tiêu của CTĐT ngành GDTC hiện nay là SV sau khi tốt nghiệp xác định: “*Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành GDTC có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục các cấp trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*”. [H1.01.01.03].

GV trong Khoa Giáo dục Thể chất đều tìm hiểu, nắm vững tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, của Khoa và thể hiện vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT. CTĐT được rà soát, điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. CTĐT được công khai trên trang thông tin điện tử của khoa. Đó là Trường Đại học Vinh là: *”Cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”* và với tầm nhìn là *”Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”* [H1.01.01.04].

Đặc biệt từ năm 2016, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học Vinh, Khoa Giáo dục Thể chất đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành GDTC theo tiếp cận năng lực [H1.01.01.05] nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động hiện nay. Sau khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, CDR và đề cương chi tiết các học phần, Khoa đã khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và chuyên gia, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng [H1.01.01.06]. Kết quả khảo sát cho thấy, Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC đáp ứng yêu cầu của xã hội; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của Trường. [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được định kỳ rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành GDTC còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn	Bộ phận ĐBCL, Khoa GDTC	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành GDTC	Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KHĐT khoa GDTC	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành GDTC xác định được những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV ngành GDTC đạt được khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT được xây dựng và ban hành từ năm 2010, được cập nhật và điều chỉnh vào các năm 2013, 2015, 2017. Năm học 2018 - 2019, CĐR của CTĐT tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực [H2.02.01.01]. CĐR của CTĐT cử nhân sư phạm ngành GDTC đã phản ánh được thể mạnh đào tạo chuyên sâu của ngành về đào tạo giáo viên sư phạm GDTC. Các CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi cho người học, giảng viên và các bên liên quan trên website của Trường và Khoa và tờ rơi quảng bá tuyển sinh về CTĐT

[H1.01.02.02]. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cần đạt được sau quá trình đào tạo. CĐR cũng chính là cam kết của Nhà trường với người học và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo.

CĐR của CTĐT ngành GDTC bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.03]; phù hợp với chiến lược và tầm nhìn của khoa và trường [H1.01.02.04]. Cụ thể:

Về kiến thức và lập luận ngành, CTĐT ngành GDTC trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức tâm lý học, giáo dục học, toán học thống kê, ngoại ngữ (chuẩn Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu), sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu.

Những kiến thức Cơ sở ngành về các môn lý luận GDTC; Sinh lý TDDT; GDTC trường học; Tâm lý TDDT, hiểu biết PP luận NCKH chuyên ngành; những kiến thức các môn thể thao chuyên ngành giúp SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành GDTC và của từng chuyên ngành chuyên sâu về phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho học sinh các cấp học và sinh viên trong các trường ĐH-CĐ ... giúp SV vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành vào việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch dạy học và giáo dục; kỹ năng thực hiện và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục, kiến tập và thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình kiến tập và thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp kiến tập và thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động nghề nghiệp. CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT.

CĐR ngành GDTC xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong khoa học TDDT; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống trong GDTC. Bên cạnh đó, sinh viên có kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CĐR ngành GDTC. Cụ thể, SV phải có kỹ năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và xử lý thông tin, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CĐR

ngành GDTC cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như: Yêu nghề; thích nghi với nghề nghiệp đặc thù; tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; có sức khỏe tốt, chịu đựng được vất vả và áp lực; tự chủ và tự chịu trách nhiệm, ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp.

Đồng thời, SV ngành GDTC có kỹ năng làm việc nhóm, bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện.

Nhóm CĐR cuối cùng mà SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức nhà trường. Liên quan đến nhận thức bối cảnh xã hội và giáo dục SV phải Xác định được vai trò và trách nhiệm của giáo viên GDTC, phân tích ảnh hưởng của GDTC đối với xã hội, phân tích tác động của xã hội đối với GDTC, hiểu biết lịch sử văn hóa địa phương, xác định vai trò GDTC trong bối cảnh toàn cầu hóa. SV phải nhận thức bối cảnh nhà trường như: Nhận diện bối cảnh giáo dục của nhà trường, hiểu biết về vai trò, chức năng, hoạt động của nhà trường, xác định được các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của nhà trường. CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến *Thiết kế* mục tiêu chương trình giáo dục cụ thể, khả thi; *Xây dựng* kế hoạch giáo dục, *Thiết kế* kế hoạch đánh giá sự tiến bộ về các môn thể thao của người học, *Thiết kế* nguồn học liệu; SV phải *Thực hiện* được kế hoạch tập luyện các môn thể thao cho học sinh các cấp phù hợp, *Giải quyết* tình huống giáo dục, *Lập* và quản lý hồ sơ huấn luyện – giảng dạy theo nhóm lớp ở các cấp học. CĐR còn chú trọng đến năng lực *Đánh giá* chương trình GDTC, đánh giá sự phát triển của người học; *Cải tiến* chương trình GDTC [H1.01.02.05]. Dựa vào đó, CTĐT xây dựng được bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDTC được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều

chính, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CĐR của CTĐT thiết kế phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV. SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể, tôn trọng cá nhân.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ của các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng các báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT ngành GDTC	Phòng Đào tạo, Khoa GDTC.	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật ý kiến người học tốt nghiệp về CĐR của CTĐT đáp ứng các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và triển vọng việc làm trong tương lai.	- Ban phát triển CTĐT; - Hội đồng KHĐT Khoa GDTC.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				x		

Tiêu chí 1.3: *Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.*

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành GDTC được xây dựng và rà soát chỉnh sửa dựa trên sự tham gia đóng góp, nhận xét của các bên liên quan, đặc biệt là các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đề xuất một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội, CĐR ngành GDTC đã được Hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường thông qua, nghiệm thu và được Trường phê chuẩn, ra quyết định thực hiện [H1.01.03.01]. Sau nhiều lần điều chỉnh, CĐR phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Giáo dục Thể chất đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [H1.01.03.02]. Trong quá trình rà soát, chỉnh sửa, Khoa Giáo dục Thể chất đã tham khảo CĐR của CTĐT một số trường đại học (ĐH) uy tín ở Việt Nam như CTĐT ngành GDTC của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2, Trường ĐHSPT Thái Nguyên; phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh [H1.01.03.03], nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành GDTC. Đồng thời, CTĐT phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần.

Trong giai đoạn tự đánh giá, CĐR của CTĐT ngành GDTC đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện [H1.01.03.04]. CĐR của CTĐT được xây dựng năm 2013 và công bố lần đầu năm 2014. Năm 2015, khoa tiến hành rà soát, chỉnh sửa CĐR trên cơ sở: kết quả Hội nghị Trường Khoa Giáo dục Thể chất vào năm 2015 bàn về phát triển CĐR của các CTĐT ngành GDTC và ý kiến phản hồi của các cơ sở giáo dục, cựu SV, Sở GD và ĐT... Năm 2016, Nhà trường triển khai nghiên cứu và vận dụng tiếp cận CDIO vào việc phát triển CTĐT. CĐR của CTĐT ngành GDTC được xây dựng mới theo quy trình chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan, chú trọng cập nhật xu thế mới của quốc tế trong phát triển năng lực giáo viên. Đầu năm 2019, CĐR tiếp tục

được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được khi SV tốt nghiệp có đủ năng lực sư phạm, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO [H1.01.03.05].

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, CDR của CTĐT được công bố công khai và rộng rãi tới các CB GV và người học, nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường, subweb của Khoa, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cảm nang SV, đợt sinh hoạt công dân đầu khóa [H1.01.03.06].

Tóm lại, giai đoạn 2015 - 2020, CDR của CTĐT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn giáo dục, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành GDTC được xây dựng một cách khoa học, chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan tham gia và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa cập nhật và đáp ứng yêu cầu công tác của các cơ sở GDTC.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi về CDR của các bên liên quan chưa thường xuyên và rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CDR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ, rà soát, chỉnh	Phòng Đào tạo, Khoa GDTC.	Hàng năm	

		sửa CTĐT			
2	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng hình thức công bố công khai CĐR CTĐT như thông qua các trang mạng xã hội như facebook, instagram, zalo, youtube...bên cạnh các kênh truyền thống như website, tờ rơi quảng bá, cảm nang sinh viên, truyền hình...	- Ban phát triển CTĐT; - Hội đồng KHĐT Khoa GDTC.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC đã xác định rõ ràng hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng CB, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

CĐR ngành GDTC được công bố công khai đến các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được phổ biến cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng học phần cụ thể.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường; số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT còn chưa nhiều; Khoa cần chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, tạo

nhiều kênh thông tin để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV và SV hiện đang học tập.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 1 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 2

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường Đại học Vinh ban hành. Bản mô tả CTĐT được rà soát, bổ sung hàng năm (2013, 2014, 2015, 2016, 2017) theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập mong đợi, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về PP tiếp cận trong dạy, học, kiểm tra đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan hàng năm một lần và được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lí:

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Quyết định số 70/2014/QĐ - TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;
- Thông tư số 08/2011/TT - BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Quyết định số 17/2004/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành khung chương trình giáo dục đại học ngành GDTC trình độ cao đẳng.

Bản mô tả CTĐT được Khoa Giáo dục Thể chất thiết kế dựa trên chương trình khung ngành GDTC của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01] được Trường Đại học Vinh cụ thể hóa bằng các văn bản hướng dẫn [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC năm 2014 bao gồm các nội dung chính [H2.02.01.03].

1) Thông tin chung tên: phần này giới thiệu các thông tin chung về CTĐT: tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là trường Đại học Vinh; tên gọi của văn bằng: Bằng tốt nghiệp cử nhân sư phạm GDTC; tên CTĐT là SP GDTC trình độ đại học, loại hình đào tạo chính quy tập trung.

2) Mục tiêu của CTĐT: bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

3) Các quy định chung của CTĐT: thời gian đào tạo 4 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 125 tín chỉ, đối tượng tuyển sinh và các yêu cầu tiêu chí tuyển sinh áp dụng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT.

4) Thang đánh giá kết quả học tập: quy định theo thang điểm chữ.

5) Nội dung và cấu trúc của chương trình học được mô tả thành khối kiến thức đại cương và khối kiến thức thể hiện cấu trúc của CTĐT, tạo thuận lợi cho việc quản lý và phát triển CTĐT.

6) Chương trình dạy học được mô tả dưới chương trình khung và kế hoạch dạy học sự kiện và mô tả văn tắt môn học.

7) Các thông tin và điều kiện thực hiện CTĐT.

Năm 2016, Nhà trường xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO. Website của Trường có trang thông tin và hướng dẫn về xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO. Theo đó, năm 2017, bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo tiếp cận CDIO. Năm 2019, bản mô tả đã được rà soát và cập nhật theo văn bản hướng dẫn mới [H2.02.01.04], bao gồm các nội dung chính:

1) Thông tin chung

2) Mục tiêu CTĐT

3) Nội dung CTĐT: 1) mô tả 4.1) Số tín chỉ tổng cộng và phân theo từng khối kiến thức; 4.2) kế hoạch giảng dạy dự kiến; 4.3) Mô tả tóm tắt các học phần.

4) Ma trận CDR (ma trận kỹ năng)

5) Cách thức đánh giá kết quả học tập

6) Điều kiện thực hiện CTĐT

7) Hướng dẫn thực hiện CTĐT

Những thông tin trong các nội dung trên bao hàm đầy đủ các thông tin như phiên bản trước, Điểm mới của bản mô tả này là ma trận CDR và nâng cao tỷ trọng đánh giá quá trình.

Từ năm 2014 đến nay, CTĐT đã được rà soát, cập nhật 3 lần [H2.02.01.05], trung bình ít nhất 2 năm/lần.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều, thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động tích cực hơn. - Đối sánh CDR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.	Khoa GDTC, Bộ phận ĐBCL	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Bản mô tả CTĐT ngành GDTC	Khoa GDTC, Ban PTCT, Phòng Đào tạo	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 2.2: *Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật*

1. Mô tả

Đề cương các học phần trong CTĐT từ năm 2014 được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu của TT08/2011/TT-BGDĐT. Ngành GDTC đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy định dựa vào cấu trúc, nội dung CTĐT. Đề cương các học phần thuộc CTĐT được xây dựng dựa trên Chương trình khung đào tạo hệ đại học ngành GDTC [H2.02.02.01] và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CDR của từng học phần. [H2.02.02.02].

- 1) Thông tin chung về chương trình đào tạo: Tên chương trình đào tạo, ngành đào tạo, trình độ đào tạo.
- 2) Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần (bắt buộc/tự chọn...), giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học (lý thuyết/bài tập/thực hành/thảo luận/tự học ...), giảng viên giảng dạy học phần
- 3) Mục tiêu học phần: mô tả cụ thể mục tiêu kiến thức, kỹ năng, mục tiêu thái độ và năng lực tự chủ, trách nhiệm.
- 4) Mô tả vắn tắt nội dung học phần: giúp người học hình dung tổng thể các nội dung chính và logic của các phần nội dung học phần.
- 5) Nội dung chi tiết của học phần: nêu rõ từng chương, mục, có thể chi tiết đến 3 cấp.
- 6) Học liệu: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu.
- 7) Kế hoạch giảng dạy dự kiến và hình thức tổ chức dạy học mô tả lịch trình chung.
- 8) Quy định đối với học phần và yêu cầu khác đối với giảng viên
- 9) Thông tin phê duyệt của đơn vị và Nhà trường.

Năm 2016, Nhà trường chủ trương áp dụng tiếp cận CDIO trong việc xây dựng và đổi mới CTĐT. Đề cương các học phần cũng được thay đổi đáng kể, được xây dựng theo biểu mẫu mới và ban hành năm 2017.

CTĐT, bản mô tả CTĐT [H2.02.02.03] công bố năm 2017 gồm 36 học phần, mỗi học phần đều có số tín chỉ được xác định bằng một mã số riêng do Trường quy định và ĐCCT đầy đủ các nội dung theo quy định:

1) Thông tin chung về học phần/môn học: tên học phần/môn học, mã học phần/môn học, số tín chỉ, số tiết giảng dạy (lý thuyết - bài tập - thực hành), trình độ đào tạo, điều kiện để học học phần/môn học.

2) Mô tả học phần: nêu vị trí của học phần trong tổng thể chương trình đào tạo, các nội dung cơ bản và những kỹ năng chính được đề cập trong học phần, đóng góp của học phần trong sự phát triển năng lực của người học.

3) Mục tiêu của học phần và CDR của học phần: các mục tiêu của học phần được tham chiếu với các CDR của CTĐT kèm theo thang năng lực mong đợi. Trên cơ sở các mục tiêu của học phần, các CDR được mô tả tương ứng kèm theo phân nhiệm ITU giúp GV và SV nắm được.

4) Đánh giá học phần: mô tả các thành phần đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, tham chiếu với các CDR của học phần tương ứng với từng phương thức đánh giá và tỷ lệ (trọng số) đánh giá. Đánh giá quá trình mỗi học phần thường bao gồm 3 thành phần: 1) Ý thức học tập; 2) Hồ sơ học tập: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài báo cáo, đồ án ...; 3) Đánh giá định kỳ: các bài tập kiểm tra giữa kỳ gồm các hình thức khác nhau như trắc nghiệm online, tự luận.

5) Nội dung và kế hoạch dạy học học phần: bao gồm 1) Nội dung giảng dạy được trình bày theo chương, mục tham chiếu với CDR và các bài đánh giá tương ứng; 2) kế hoạch giảng dạy được mô tả theo từng tuần, nêu rõ các nội dung và hình thức tổ chức dạy học, nội dung tự học và nghiên cứu của SV, tham chiếu với các CDR và các bài đánh giá; 3) Phương tiện hỗ trợ dạy học: nêu rõ các trang thiết bị, điều kiện đặc thù để thực hiện các bài dạy của học phần.

6) Học liệu học tập: bao gồm 2 giáo trình chính và các tài liệu, học liệu tham khảo, mang tính cập nhật.

7) Quy định của học phần

8) Phụ trách học phần: nêu rõ đơn vị được nhà trường phân công phụ trách học phần

9) Thông tin phê duyệt đề cương chi tiết học phần

Với những thông tin và cách mô tả như trên, cả GV và SV đều nắm vững nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy học, đảm bảo đạt CDR mong muốn. Theo yêu cầu của đề cương học phần, mỗi SV sẽ có một hồ sơ học phần bao gồm các minh chứng về hoạt động học tập và kết quả tương ứng, giúp cho việc đánh giá mức độ đạt CDR có cơ sở rõ ràng và minh bạch.

Đề cương chi tiết có đầy đủ mọi thông tin cần thiết giúp cho các đơn vị chức năng dễ dàng hơn trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của môn học, đồng thời giúp các bên liên quan có thông tin đầy đủ và minh bạch về môn học để giám sát quá trình đào tạo của chương trình.

Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Việc xây dựng đề cương học phần theo CDR được rà soát, cập nhật và báo cáo đầy đủ. [H2.02.02.04].

Tất cả đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu. Các đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới, có sự chọn lọc phù hợp với nền văn hóa, xã hội, chính trị của Việt Nam [H2.02.02.05].

2. Điểm mạnh

Tất cả đề cương chi tiết của học phần đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ và tường minh các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận liên quan đến đào tạo, cũng như các bên liên quan giám sát. Đề cương học phần liên tục được thường xuyên cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV về học phần chưa đồng bộ ở tất cả các học phần, việc phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của SV chưa được tiến hành sâu đến các khối kiến thức trong mỗi học phần để có cơ sở cải tiến, điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
----	----------	----------	------------------------	--------------------------------	---------

1	Khắc phục tồn tại	- Từ năm học 2021 - 2022: Khoa GDTC chỉ đạo điều chỉnh, cập nhật đề cương môn học đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng.	Khoa GDTC	Tháng 12/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đưa vào kế hoạch hàng năm: Ban phát triển CTĐT đề xuất việc rà soát và cập nhật đề cương môn học nhằm nâng cao chất lượng; - Đưa vào kế hoạch hàng năm: Khoa GDTC chỉ đạo việc cập nhật đề cương môn học cần tăng cường tham chiếu ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	- Ban phát triển CTĐT; - HĐ KHĐT khoa GDTC;	Tháng 9/2022	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Sau khi CTĐT kèm theo CDR ngành GDTC được Trường Đại học Vinh ban hành năm 2013, 2015, 2017 Khoa Giáo dục Thể chất đã công bố công khai cho người học và GV nội dung của CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu cho SV khóa mới; công bố công khai trên website của nhà trường, subweb của khoa; công thông tin CB; trong các thông báo của Nhà trường cho CB và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bảng tin để các bên liên quan trong và

ngoài trường đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và bản đề cương học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất [H2.02.03.01-02]. Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau như trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Từ năm 2019, Nhà trường đưa vào sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS, Elearning Management System), qua đó thông tin về học phần và giao tiếp dạy học của GV và SV được kết nối và lưu trữ phục vụ quản lý và đánh giá kết quả dạy học một cách thuận lợi [H2.02.03.03]. Hệ thống LMS bước đầu đã hỗ trợ việc học và việc dạy của GV và SV cũng như hỗ trợ quản lý đào tạo hết sức hiệu quả.

Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào các buổi dạy đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và nội dung của hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần mà mình cần đạt. CTĐT ngành GDTC tiếp cận CDIO dành một học phần Nhập môn ngành sư phạm với thời lượng 02 tín chỉ để giúp SV nắm thứ nhất tiếp cận với nghề nghiệp tương lai, trong đó có các nội dung giới thiệu về CTĐT sư phạm, cấu trúc, logic và yêu cầu cần đạt của CTĐT [H2.02.03.04].

Đề nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL, Trường các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần đều được công khai cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các cơ sở giáo dục nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành GDTC, còn chưa hiệu quả. Những đổi mới trong CTĐT gần đây chưa được các cơ sở giáo dục và các sở GD&ĐT biết đến một cách sâu sắc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Góp ý về CTĐT của các bên liên quan	Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả chương trình đào tạo từ nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của sinh viên.	Phòng Đào tạo, Khoa GDTC, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp	Tháng 6 hàng năm	
2	Tiếp tục chia sẻ về bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần trên nhiều kênh công khai khác nhau	Hoàn thiện hệ thống thông tin tương tác giữa học sinh, giáo viên, nhà trường, đơn vị sử dụng lao động như hệ thống CMC, LMS, và các kênh truyền thông xã hội khác . Hoàn thiện phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin phục vụ tốt quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý	Trung tâm công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào	Cải tiến hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7)

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Kết luận tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành GDTC được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực GDTC. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá,... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học; được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Mặc dầu vậy, vẫn còn một số tồn tại như sau: Việc ban hành và thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các bên có liên quan vẫn còn hạn chế; Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Cấu trúc của CTĐT trình độ đại học ngành GDTC được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành GDTC trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các PP dạy và học, KTĐG kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CDR của từng học phần và CDR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành GDTC liên tục được rà soát định kỳ 2 năm/ lần nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể. CTĐT bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát nhấn mạnh việc đào tạo SV có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến GDTC trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Mục tiêu tổng quát được thể hiện thông qua 4 mục tiêu cụ thể: (1) Kiến thức và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTĐH ngành GDTC được Khoa Giáo dục Thể chất xây dựng dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Tính đến thời điểm CTĐT được thẩm định, Khoa đã nhiều lần xây dựng, điều chỉnh CTĐT giáo viên ngành GDTC các hệ (chính quy, vừa làm vừa học). Các văn bản và thực tiễn căn cứ để xây dựng là: Chương trình khung của Bộ GD&ĐT, tham khảo CTĐH của các trường đào tạo giáo viên GDTC (Trường ĐHSP Thái Nguyên, Trường ĐHSP Hà Nội 2); tiếp nhận phản hồi của các cơ sở giáo dục - đơn vị trực tiếp sử dụng người học do khoa đào tạo... CTĐT ngành GDTC được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành. [H3.03.01.01].

Để xây dựng CTĐT cho các bậc học, ngành học, Nhà trường đã dựa trên chương

trình khung của Bộ GD&ĐT ban hành, các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như mức độ đòi hỏi về kiến thức ngành đối với ngành Sư phạm GDTC. CTĐH hiện đại, cập nhật, cung cấp cho người học nhiều thông tin về ngành GDTC [H3.03.01.02]. Chương trình sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa, cấp trường và được công bố công khai trên website của Trường.

Chương trình dạy học (CTDH) theo hướng dẫn của Trường [H3.03.01.03], bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu đào tạo
- CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần
- Nội dung đào tạo
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và của mỗi học phần.

Trong chương trình có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kỳ, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành GDTC trình độ đại học, thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kỳ. Trong mô tả học phần, ĐCCT mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Bên cạnh đó, thực hiện CĐR, chương trình CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: *kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, Rèn luyện NVSP; Kiến tập sư phạm; Thực tập sư phạm*. Trong đó, khối kiến thức chung chiếm 24,0%, khối kiến thức cơ sở ngành chiếm 16,8 %, kiến thức chuyên ngành 52,0 %, Rèn luyện NVSP, Kiến tập, thực tập sư phạm chiếm 7,2 % (không tính các học phần GDQP). Cụ thể:

Bảng 3.1. Bảng tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTĐH

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
1	Khối kiến thức chung	30	00	30	24,0
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	21	00	21	16,8
3	Khối kiến thức chuyên ngành	61	04	65	52,0
4	Rèn luyện NVSP thường xuyên; Thực tập sư phạm	9	00	9	7,2
Tổng		121	4	125	100

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR. Cụ thể là CTDH được thiết kế dựa trên các chủ đề, cấp độ của CĐR, dựa trên bảng phân nhiệm mức độ giảng dạy (ITU) và bảng phân nhiệm trình độ năng lực (Ma trận ITU và TĐNL giữa học phần và CĐR). Đối với từng học phần (môn học) sau khi hoàn thành CTDH, Hội đồng KHĐT khoa yêu cầu GV trong các bộ môn tổ chức rà soát CTDH với CĐR của CTĐT ngành GDTC. CTDH được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo chi tiết với các thông tin về đơn vị đào tạo; thông tin về học phần; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo. [H3.03.01.04].

Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành GDTC đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CĐR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CĐR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực. Các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình. [H3.03.01.05]. Trên tinh thần đó, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đa dạng theo hướng dạy học khám phá, hoạt động hóa người học, phương pháp dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm.... Kiểm tra, đánh giá phối hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, bài kiểm tra, đồ án học tập..., đồng thời có sự hỗ trợ của các phần mềm dạy học và quản lý học tập.

Nhà trường đã tiến hành triển khai thực hiện các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường các năm 2017, 2018 và 2019 nhằm mục đích đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá các khối kiến thức theo tiếp cận năng lực. Các đề tài này nhằm giúp hoàn thiện CTDH nói chung và CTĐT ngành GDTC nói riêng [H3.03.01.06].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của ngành GDTC có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực.

Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn

nhân lực;

3. Điểm tồn tại

CTDH được thiết kế cho các khoá trước khoá 58 (trước 2018) chưa phân nhiệm cụ thể các mục tiêu và trình độ năng lực cho từng học phần cho nên khi thực hiện CTĐT còn chông chéo về việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học. Việc xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong nhiều học phần thuộc CTĐT chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của CĐR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động rà soát CTDH trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học...).	Khoa GDTC	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật kịp thời và có những thay đổi CTDH phù hợp với CĐR đã công bố	Khoa GDTC; Phòng đào tạo	Hằng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				x		

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Các học phần trong CTĐT ngành GDTC có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Các học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc có khả năng đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đặc biệt từ phía nhà tuyển dụng lao động, cựu người học) cho nội dung các học phần/môn học trong CTDH. [H3.03.02.01].

Mỗi học phần trong CTĐT ngành GDTC được cụ thể hóa bằng các mục tiêu và được thể hiện thông qua nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy. [H3.03.02.02].

Các học phần được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra thông qua các khung năng lực cần đạt (ma trận môn học - trình độ năng lực và ma trận môn học - mức độ giảng dạy ITU. Đồng thời, CĐR của các học phần trong CTĐT đã được thiết kế với các mục tiêu rõ ràng, các phương pháp giảng dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR.

CĐR về kiến thức gồm khối kiến thức bắt buộc, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, Kiến tập, thực tập sư phạm và Rèn luyện NVSP.

Ở khối kiến thức chung, để đạt được CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Giáo dục quốc phòng, Nhập môn ngành sư phạm, Tâm lý học, Giáo dục học cung cấp cho người học những kiến thức về tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước, về ngành sư phạm. Học phần Tiếng Anh, Tin học cung cấp cho người học kiến thức về ngoại ngữ, tin học.

Sau khi hoàn thành khối kiến thức chung trong CTDH, người học có hiểu biết hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề GDTC, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước và ngành Giáo dục, công tác quốc phòng an ninh; đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Ở khối kiến thức cơ sở ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần: Giải phẫu và sinh lý người; Toán thống kê trong TĐTT; Y học TĐTT; Sinh lý học TĐTT; Lý luận và PPGDTC; Tâm lý học TĐTT; Phương pháp NCKH TĐTT; Thể

thao trường học cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở mang tính chất tiền đề của ngành học. Người học sẽ có những hiểu biết ban đầu về ngành học và quản lý ngành học, tâm sinh lý lứa tuổi; kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục học. Cũng ở khối kiến thức này, người học được trang bị hiểu biết căn bản về NCKH, biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu; biết cách tiến hành NCKH.

Ở khối kiến thức chuyên ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần cung cấp kiến thức về phương pháp, kỹ thuật dạy học các môn thể thao ở trường phổ thông và tổ chức cho sinh viên thực hành sư phạm. Học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, SV được trang bị những kỹ năng cơ bản, cần thiết để có thể giảng dạy huấn luyện và tổ chức thi đấu công tác trọng tài các môn thể thao. Cụ thể là các học phần như: Thể dục 1; Điền kinh 1; Thể dục 2; Điền kinh 2; Bóng rổ; Bóng ném; Bóng chuyền; Cầu lông; Đá cầu; Bơi lội; Bóng bàn; Bóng đá; Cờ vua; Võ thuật; Quần vợt; Thể hình-khiêu vũ TT; Tự chọn 1 môn thể thao theo định hướng.

Ở khối kiến thức kiến tập, thực tập, rèn luyện NVSP, với hệ Đại học, người học được đi kiến tập 1 đợt; Thực tập 1 đợt và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (Tập giảng). Đây là cơ hội để người học thực hành, vận dụng những kiến thức đã học, đồng thời cũng là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm từ những giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy. Qua đợt kiến tập, thực tập sư phạm, ngoài việc được dự giờ thăm lớp, thực hành dạy học, người học còn được thực tập các hoạt động giáo dục cũng như làm quen với môi trường làm việc tương lai.

CTĐT được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kỳ, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kỳ.

Như vậy, khi hoàn thành CTĐT, người học sẽ đáp ứng được CĐR về khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành, chuyên ngành và thực tập, thực tế, làm tốt công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động thể thao ngoại khóa... [H3.03.02.03].

100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung để đảm bảo đạt được CĐR.

100% các học phần trong CTDH xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR.

100% các học phần trong CTDH có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học

tương thích với nhau nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.04].

2. Điểm mạnh

Chương trình được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần bắt buộc và tự chọn được phân bố hợp lý trong CTĐT. Các học phần thuộc khối Kiến thức Đại cương, Kiến thức Cơ sở ngành, Kiến thức Chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng.

Hồ sơ giảng dạy các học phần trong CTĐT của giảng viên, bao gồm đề cương bài giảng, slide bài giảng, tài liệu giáo trình, các video hình ảnh các môn thể thao... hồ sơ đánh giá quá trình được giảng viên lưu trữ và bảo quản. Hằng năm, Nhà trường tiến hành giám sát và kiểm tra hồ sơ giảng dạy của giảng viên.

Việc khảo sát, đo lường sự hài lòng của người học đối với các học phần đã được tiến hành và góp phần điều chỉnh chương trình giảng dạy cũng như đề cương chi tiết các học phần, các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Nội dung chương trình của một số học phần mới đưa vào chương trình thuộc khối Kiến thức chuyên ngành chưa thể hiện rõ tính đổi mới, kế thừa và cập nhật các thành tích thể thao, chưa có các buổi thực tế cho sinh viên ngành GDTC. Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của CTĐT ngành GDTC.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại phân nhiệm cho các môn học, đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng 01 CĐR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào CĐR	Khoa GDTC; Phòng Đào tạo	Năm 2022	

		chung của ngành để tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ sót các yêu cầu của CĐR ngành GDTC. Định kỳ rà soát, điều chỉnh để các học phần đạt được CĐR của CTĐT			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT để điều chỉnh nội dung cho phù hợp CĐR	Khoa GDTC; Phòng Đào tạo	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở, ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.03.01].

CTDH ngành GDTC được xây dựng dựa trên CĐR của ngành. Cụ thể trong bản mô tả CTĐT của ngành GDTC gồm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, học phần tự chọn. CTDH ngành GDTC được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập, kiến tập và được bố trí giảng dạy trong 4 năm. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện). Các học phần kiến thức chung được dạy 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện

ng nghiệp vụ sư phạm được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. Cấu trúc CTDH thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động.

CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín chuyên ngành trong và ngoài nước. Ngoài ra, hằng năm giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường và Khoa. Nhiều giảng viên trong khoa đã tham gia hoặc chủ biên biên soạn giáo trình một số học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. [H3.03.03.02];

Từ năm 2018, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. CTDH được xây dựng theo CDR nên các môn học được tích hợp một cách hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất hai năm một lần [H3.03.03.03].

Đặc biệt, ngành GDTC đã thiết kế được một quy trình rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên khi học các môn thực hành cho sinh viên điều hành tập giảng phần chuẩn bị của các giờ học. [H3.03.03.04].

Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng nhằm đóng góp vào CDR của ngành. Để có được kết quả này, Khoa và Nhà trường luôn chú ý tới việc lấy ý kiến của người dạy, người học và nhà tuyển dụng về CTDH nhằm hoàn thiện hơn chương trình. Ngoài ra, còn có những nhận xét chương trình của chuyên gia đến từ các cơ sở có kinh nghiệm và uy tín đào tạo ngành GDTC hệ đại học. [H3.03.03.06].

Để bắt kịp yêu cầu mới của xã hội về chất lượng giáo viên GDTC, Khoa luôn

chú ý tổ chức các buổi thực hành nghề nghiệp như công tác trọng tài và tổ chức thi đấu các giải thể thao. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Khoa đã tổ chức cho các Bộ môn hợp, đánh giá nội dung các học phần trong chương trình đào tạo của ngành GDTC, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của chuyên gia và thông qua hội đồng Khoa, hội đồng Nhà trường để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH. [H3.03.03.07].

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành GDTC có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch kế thừa giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CDR của CTĐT ngành GDTC.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình thực hiện chương trình, giảng viên ít có thời gian để thảo luận về nội dung giảng dạy cần phải chỉnh sửa với nhau nên việc thực hiện chương trình giữa các nhóm cùng một học phần đôi lúc không đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan. Trung tâm Kiểm định, Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo,	Trường/Trung tâm kiểm định/ Trung tâm ĐBCL/ Phòng ĐT/Khoa GDTC	Năm học 2021-2022	

		Khoa GDTC thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh làm căn cứ cho việc sửa đổi bổ sung CTĐT theo hướng tiếp cận sát với nhu cầu xã hội.			
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật, định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung những thay đổi CTDH phù hợp với CĐR đã công bố	Khoa GDTC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành GDTC được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Hội đồng KHĐT của Khoa Giáo dục Thể chất chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành GDTC trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. GV khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm

trợ giúp tốt hơn cho SV học tập. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên, CĐR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Trong đào tạo trình độ đại học, PP tiếp cận có vai trò quan trọng. Ngành GDTC cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong Trường Đại học Vinh chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động kiến tập, thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các PP dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập của SV. Kể từ năm 2017, khi Nhà trường áp dụng việc đào tạo theo định hướng năng lực đối với tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học thì CTĐT ngành GDTC đã nhấn mạnh đến PP tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó nhấn mạnh việc dạy và học như thế nào để đạt được CĐR theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kiến thức và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Từ năm 2016, Khoa Giáo dục Thể chất bắt đầu xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận năng lực [H4.04.01.01]; thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện GDTC thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, mục đích yêu cầu cụ thể là: (1) Xây dựng CTĐT nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV theo tiếp cận năng lực cho tất cả các ngành đại học chính quy, (2) Nâng cao chất lượng đào tạo, gắn với nhu cầu xã hội, thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực, nâng cấp CTĐT, tiếp cận với CTĐT quốc tế, liên thông đào tạo tín chỉ với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới, (3) Giúp SV phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực thực tiễn. (4) Đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp, (5) Góp phần thay đổi tư duy tổ chức quản lý đào tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, dịch vụ giáo

dục, đáp ứng yêu cầu của xã hội, (6) Xây dựng CTĐT nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV theo CDIO đúng tiêu chuẩn, phù hợp với thực tiễn của Trường và bắt đầu áp dụng từ khóa đào tạo tuyển sinh năm 2019. [H4.04.01.02].

Theo đó, Khoa Giáo dục Thể chất đã thành lập Ban xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO cấp khoa [H4.04.01.03], đồng thời đã xây dựng mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực CDIO trong hoạt động nghề nghiệp. đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tuyên bố CDR của CTĐT ngành GDTC đã được cụ thể hóa trong từng ĐCCT học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội [H4.04.01.04].

Đối với giảng viên, mục tiêu giáo dục và CDR được các GV quán triệt trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng CDR của CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần [H4.04.01.05].

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu khóa dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu giáo dục ngành GDTC cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên và Hội SV cấp Trường và cấp Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của họ trong quá trình học tập [H4.04.01.06].

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục, dịch vụ giáo dục công được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài lòng [H4.04.01.07]. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa, các nhà tuyển dụng; tất cả cán bộ và nhân viên của Trường được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên, v.v., đồng thời có khảo

sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Mục tiêu của CTĐT được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở một số tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, chưa được công bố đến đông đảo các nhà tuyển dụng ở các khu vực khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và khoa GDTC tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn thông qua website của trường, của khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,... đặc biệt vào các thời điểm như dịp hè, thời điểm tuyển sinh, kết thúc các kỳ học, năm học để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh, khoa GDTC, biết rõ Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu về trường, và ngành GDTC một cách dễ dàng.	-Khoa GDTC -Phòng Đào tạo trường Đại học Vinh - Ban truyền thông trường Đại học Vinh	Hàng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Ban truyền thông Khoa GDTC có các chương trình, hoạt động đặc biệt ở các thời điểm vào kỳ hè, chuẩn bị năm học mới và kết thúc năm học tại các địa phương nhiều hơn nữa để truyền bá được mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và mục tiêu của ngành GDTC. Khoa GDTC có đội ngũ cựu sinh viên và học viên của khoa rất đông và phủ rộng khắp cả nước nên cần phát huy để quảng bá hình ảnh rộng rãi hơn.	Khoa GDTC	Hàng năm	
---	--------------------	--	-----------	----------	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các hoạt động đào tạo của Khoa Giáo dục Thể chất được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập, thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho người học. Khoa không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. [H4.04.02.01].

CTĐT được Hội đồng KHĐT của khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ, với tỉ lệ không quá 20% nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu

phát triển GDTC - xã hội của khu vực và cả nước. [H4.04.02.02].

Từ năm 2016, CTĐT ngành GDTC được xây dựng và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực nhằm tăng cường phát triển năng lực của người học, hình thành ý tưởng - thiết kế - thực hiện - vận hành, theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHV ngày 08-03-2016 của Nhà trường [H4.04.02.03]. Theo đó, CĐR của CTĐT ngành GDTC chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn từ thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp.[H4.04.02.04].

Thực hiện các Công văn hướng dẫn của Nhà trường về kiểm tra, rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục tiếp cận năng lực, GV ngành GDTC đã xây dựng và triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm thuyết trình, trình chiếu, làm mẫu, thảo luận, học tập ngoại khóa theo nhóm... hình thức thi hết môn thường là thực hành, thi tự luận, trắc nghiệm khách quan online, vấn đáp, làm bài tập lớn. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được diễn thị trong các đề cương môn học. Những giờ tự học tự tập luyện ngoại khóa và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [H4.04.02.05].

Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. [H4.04.02.06]. SV có thể đăng ký học ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp SV đạt được CĐR về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia Câu lạc bộ thể thao, CLB trọng tài, tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, và các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập, các giải thể thao phòng trào... [H4.04.02.07].

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, kiến tập, thực tập sư phạm là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 9 tín chỉ. Hàng năm sinh viên được rèn luyện NVSP thường xuyên thông qua làm người chỉ huy qua các buổi học thực hành. Đến năm thứ 3 sinh viên được đi kiến tập sư phạm và kỳ 1 năm thứ 4 sinh viên được thực hành

sur phạm(tập giảng) trước khi đi thực tập sur phạm. Việc thực tập, RLNVSPTX của SV ngành GDTC tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các giảng viên lập kế hoạch, liên hệ và giám sát.

Hàng năm, Khoa đều tổ chức Tháng rèn nghề và Hội thi Sinh viên với rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho SV ngành GDTC nhằm đáp ứng CDR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai.[H4.04.02.09].

Giảng viên của Khoa Giáo dục Thể chất tích cực tham gia chủ trì thực hiện đề tài KHCN cấp trường, cấp khoa nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời tạo động lực và khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động NCKH. SV luôn được khuyến khích tham gia NCKH. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV.[H4.04.02.10].

Hoạt động trao đổi sáng kiến kinh nghiệm diễn ra thường xuyên nhằm nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy cho GV. Cán bộ và GV của Khoa tham gia hiệu quả các hội thảo, tập huấn, seminar từ cấp bộ môn trở lên. [H4.04.02.11]. Ngoài ra, hàng năm, GV của khoa đăng ký dự giờ thao giảng, tham gia các cuộc thi GV dạy giỏi cấp trường để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy.

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ các bên liên quan được đưa vào kế hoạch hàng năm của khoa, của Nhà trường và được xem là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại GV cuối học kỳ, cuối năm học. [H4.04.02.12].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thể thao ngoại khóa Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dạy và học ở một số môn học thực hành còn gặp nhiều khó khăn khi trong nội dung thi đấu thử thì không đủ sinh viên để chia đội thi đấu. Do số lượng sinh viên tuyển sinh ở những năm trở lại đây gặp nhiều khó khăn. Một số học phần chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực

hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế của SV chưa cao; Cơ sở vật chất ở cơ sở 2 còn nhiều thiếu thốn để tổ chức các môn học thực hành đặc thù.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy học tiếp cận CDIO cho giảng viên và sinh viên; - Hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu ngay từ năm đầu đại học; - Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV; - Đề xuất nhà trường tổ chức cho sinh viên chuyên ngành học ở cơ sở 1 để tận dụng cơ sở vật chất trang thiết bị sẵn có và phù hợp với các lớp học thực hành nghề nghiệp của ngành GDTC. - Tăng cường tổ chức các hoạt động TDDT ngoại khóa cho sinh viên chuyên ngành để nâng cao trình độ nghề nghiệp.	Trường/Khoa GDTC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm	- Quan tâm nhiều hơn nữa đến việc học tập của sinh	Khoa GDTC	Hàng năm	

	manh	viên đặc biệt là các CLB học thuật của sinh viên. - Chú ý trau dồi các phương pháp giảng dạy.			
--	------	--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các môn thực hành, các bài thảo luận, kiến tập, thực tập đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành GDTC thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT [H4.04.03.01].

Hoạt động học tập đa dạng có thể giúp SV lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập. SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tham gia các CLB thể thao ngoại khóa, thực hành phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu, tham gia NCKH với GV. GV thực hiện các hoạt động dạy học phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.02]. Việc SV tham gia NCKH, seminar, tập luyện theo nhóm đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết của người học. Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong

Nhà trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học. [H4.04.03.03].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website nhà trường, thư viện trường, qua đó hình thành văn hóa đọc trong SV. [H4.04.03.04].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, SV cuối khóa, triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục công và lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động giúp nhà trường, và Khoa Giáo dục Thể chất có những điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng tiến hành khảo nghiệm thực tế các biểu mẫu thống kê và khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành GDTC [H4.04.03.05].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực và thế giới. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Giảng viên trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Một số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, làm việc độc lập của SV.

Điều kiện sinh viên chuyên ngành các khóa quá ít nên việc tổ chức các hoạt động TDDT nội khóa và ngoại khóa gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, trao đổi với sự tham gia	Khoa GDTC	Hàng năm	

		trực tiếp của SV về những bất cập và cải cách, đổi mới các PPDH theo tiếp cận CDIO; - Mở hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của SV và giải đáp một cách kịp thời. - Rà soát và điều chỉnh nội dung của một số học phần được xem là nặng về lý thuyết hàn lâm mà thiếu tính ứng dụng thực tế. - Thúc đẩy sinh viên thường xuyên luyện tập các môn thể thao ngoại khóa nâng cao trình độ chuyên môn và tạo thói quen học tập và luyện tập thể thao suốt đời.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Thiết kế thêm các hoạt động TDDT ngoại khóa để SV trải nghiệm gắn với đề cương học phần, tạo động lực cho SV hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo CDIO, nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Khoa GDTC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, PP tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành GDTC phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với chuẩn đầu ra của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa Giáo dục Thể chất nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT. Các PP KTĐG đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các PP KTĐG được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các PP mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Quy trình KTĐG kết quả học tập SV ngành GDTC được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh [H5.05.01.01]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế logic, khoa học dựa trên khung CTĐT, mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT ngành GDTC. Tổ hợp các phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập thực hành cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn..., tùy theo đặc thù từng học phần [H5.05.01.02].

Kể từ khoá 58 - năm học 2017 - 2018, Nhà trường áp dụng CTĐT theo tiếp cận CDIO. Đề cương môn học của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai ngay từ đầu khóa đào tạo với quy trình KTĐG kết quả học tập của người học được thiết kế chặt chẽ, bài bản nhằm kiểm soát toàn bộ quá trình học tập của người học [H5.05.01.03]. Nội dung, cách thức KTĐG kết quả học tập môn học của người học được xây dựng từ mục

tiêu, CDR môn học và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (Hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm,...). Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, đánh giá cuối kỳ bằng các hình thức thi thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận [H5.05.01.04] . Đề thi kết thúc các học phần lí thuyết, nội dung thi các học phần thực hành các môn chuyên ngành của ngành GDTC đều được Trưởng bộ môn và Lãnh đạo khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi và nội dung thi theo 5 mức độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, PP và tính khả thi, tính mới, độ khó của bài thi và đề thi. Nội dung KTĐG học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CDR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các bài thi và đề thi [H5.05.01.05].

Bộ 36 học phần thuộc CTĐT ngành GDTC đều được thiết kế theo tiếp cận CDIO. Việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu cách thức KTĐG, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức KTĐG bám sát mục tiêu học phần và CDR cần đạt được [H5.05.01.06].

Trường Đại học Vinh và Khoa Giáo dục Thể chất có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. Theo đó từ năm 2015 trở về trước, Nhà trường áp dụng quy định thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp đại học; từ năm 2016, Nhà trường áp dụng quy định miễn thi tốt nghiệp [H5.05.01.07].

Cho dù Nhà trường đã có những quy định khá đầy đủ về cách thức KTĐG kết quả học tập của người học, tuy nhiên, đối với đặc thù riêng biệt của ngành GDTC thì Khoa và Bộ môn vẫn chưa có những tài liệu hướng dẫn cụ thể, chuyên biệt nhằm xây dựng, sử dụng các phương pháp/ công cụ KTĐG phù hợp với mức độ đạt được CDR một cách phù hợp để nâng cao hiệu quả trong thực tiễn áp dụng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định rõ ràng và đầy đủ về công tác KTĐG kết quả học

tập của người học và không ngừng được cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR của từng học phần và CTĐT.

Đề thi kết thúc học phần, nội dung thi thực hành các môn chuyên ngành của ngành GDTC đều được hội đồng nghiệm thu và phê duyệt dựa trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi, nội dung thi theo các mức độ; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; sự phù hợp về nội dung, kỹ năng, PP và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi.

3. Điểm tồn tại

Việc thiết kế, sử dụng các PP/công cụ KTĐG chủ yếu dựa vào quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Khoa ít tài liệu hướng dẫn cụ thể, chuyên biệt nhằm xây dựng, sử dụng các phương pháp/ công cụ KTĐG phù hợp với mức độ đạt được CĐR ngày càng hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian TH hoặc HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực với tất cả các học phần của CTĐT.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Khoa GDTC, Giảng Viên	Hoàn thành 2021- 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn chỉnh thực hiện các quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (theo CDIO), tăng cường các hình thức đánh giá quá trình, sử dụng kết hợp các hình thức đánh giá, thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức, quy trình đánh giá để đảm bảo cập nhập, phù hợp với CĐR của CTĐT.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Khoa/ Giảng Viên	Thực hiện thường xuyên	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành GDTC - Khoa Giáo dục Thể chất được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Vinh và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

Về thời gian: Các hình thức KTĐG (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm, bài thi thực hành...) có thể thực hiện xuyên suốt thời gian môn học. Theo đó, kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 7 của học kỳ, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc môn học, sau tuần thứ 16 (bao gồm 15 tuần học và 1 tuần dự trữ).

Về trọng số điểm: Giai đoạn 2014 - 2016, trọng số điểm là: chuyên cần (10%), giữa kì (20%), cuối kỳ (70%); thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường. Từ khóa 58 (năm học 2017 - 2018), Nhà trường cải tiến các hình thức KTĐG kết quả học tập của người học tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học, theo đó đánh giá ý thức học tập (10%), hồ sơ học tập (20%), kiểm tra định kỳ (20%) và thi kết thúc môn học (50%) [H5.05.02.01].

Điểm ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Trường, khoa và cổng thông cá nhân SV [H5.05.02.02].

Về nội dung: Việc KTĐG và thi cử phải đảm bảo việc bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm

tra, thi những năm vừa qua của ngành GDTC đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng hình thức thi thực hành và ngân hàng đề thi các môn lý thuyết đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các nội dung thi thực hành và câu hỏi lý thuyết đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học.

Về hình thức: Đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu. Riêng các nội dung thi của môn học thực hành được quy định chặt chẽ và khoa học về hình thức thi phù hợp với từng môn học cụ thể...[H5.05.02.03].

Về tiêu chí đánh giá: Tiêu chí về KTĐG học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần [H5.05.02.04]. Đánh giá kết quả thi thực hành có bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng hợp lý và khách quan được công bố trong những buổi học đầu tiên của học phần, làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành của SV cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể, đồng thời kết quả thi tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp được thông báo đến SV theo đúng tiến độ và quy trình [H5.05.02.05].

SV được cung cấp *Cẩm nang SV* từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí, trọng số và các nội dung liên quan đến công tác KTĐG người học [H5.05.02.06]. Các quy định về kiểm tra - thi được quy định rõ ràng và công bố công khai cho người học thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, hội nghị gặp mặt SV đầu khóa của Khoa Giáo dục Thể chất và trên website của nhà trường (<http://vinhuni.edu.vn>), của khoa (<http://khoagiaoduc.vinhuni.edu.vn>) cũng như tài khoản quản lý học tập trực tuyến của sinh viên tại địa chỉ <http://student.vinhuni.edu.vn> và <http://my.vinhuni.edu.vn> [H5.05.02.07]. Đội ngũ Trợ lý đào tạo, cố vấn học tập của khoa thường xuyên nắm bắt thông tin và hỗ trợ SV trong các hoạt động liên quan đến đào tạo. Vào đầu mỗi học kỳ, SV cũng được GV thông tin đầy đủ về đề cương chi tiết các học phần, quy định về phương pháp và hình thức KTĐG cho từng học phần [H5.05.02.08]. Nhờ những phương án nói trên, SV ngành GDTC được tiếp cận thường xuyên và hiểu rõ các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDTC là rõ ràng, có kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

- Khoa và Nhà trường đã có những phương pháp để chia sẻ thông tin một cách sâu rộng tới người học, thông qua nhiều phương tiện hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ, GV của ngành và của Khoa nắm bắt và hiểu rõ các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận nhỏ người học chưa chủ động trong việc tìm kiếm, nắm bắt các thông tin liên quan đến các hoạt động đào tạo của Nhà trường và của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiến hành bổ sung việc khảo sát lấy ý kiến người học vào thời điểm giữa kỳ học để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.	TTĐBCL/ Khoa/GV	Hoàn thành vào cuối 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực (CDIO), thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.	TTĐBCL/ Khoa/GV	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 5.3: *Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng*

1. Mô tả

PP KTĐG kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, KTĐG và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH Vinh [H5.05.03.01].

Trường đã thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo từ năm học 2007- 2008 và Trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá thường kì và thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, làm bài thi thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H5.05.03.02]. Đặc biệt, trong các năm học gần đây, Nhà trường đã triển khai đánh giá kết quả học tập giữa kì của SV theo hình thức thi trực tuyến đối với các môn học lý thuyết(online test), SV được làm bài thi trực tiếp trên máy tính dựa trên ngân hàng câu hỏi do khoa và Nhà trường xây dựng. Các môn học thực hành khoa cũng chỉ đạo xây dựng các bài thi cụ thể, chi tiết về cả thành tích và kỹ thuật các môn thực hành [H5.05.03.03]. Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, chính xác, công bằng, Nhà trường còn chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ cho công tác KTĐG [H5.05.03.04].

Đối với CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường đưa ra quy chế đào tạo theo CDIO trong đó có quy định về cách thức đánh giá SV bám sát vào năng lực, đảm bảo chính xác đúng độ tin cậy [H5.05.03.05]. Đối với việc xây dựng ngân hàng đề thi các học phần theo hướng tiếp cận CDIO, Nhà trường ban hành quy định về việc xây dựng ngân hàng đề thi nhiều hình thức (tự luận, trắc nghiệm khách quan, đồ án, thực hành,...), trong đó có bản ma trận câu hỏi thi, bản đặc tả ma trận đề thi đảm bảo độ bao phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực SV [H5.05.03.06].

Ngành GDTC đã thực hiện cụ thể các quy định của Nhà trường, các nội dung

về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng GV trong các phiên họp Bộ môn [H5.05.03.07]. GV tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ chuyên cần, và công bố công khai cho SV trước khi kết thúc học phần, trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm các GV báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận [H5.05.03.08].

Đối với ngành GDTC, việc thực hiện các quy định về công tác KTĐG, Bộ môn luôn chú trọng việc xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy [H5.05.03.10]. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành sẽ báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu [H5.05.03.11].

Bên cạnh việc cải tiến quy trình, PP KTĐG, Nhà trường còn nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ CB, GV như tổ chức các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác KTĐG [H5.05.03.12].

Từ khóa 58, đề thi giữa kỳ và cuối kỳ của các học phần được xây dựng và thực hiện theo CTĐT tiếp cận CDIO mà Nhà trường đã ban hành theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017. Quy trình xây dựng đề thi được thực hiện theo các bước sau:

- 1) Nghiên cứu các căn cứ cho quá trình xây dựng đề thi:
 - + Căn cứ vào các văn bản và quy định về cách ra đề thi (Văn bản số 1262) của Hiệu trưởng Nhà trường
 - + Căn cứ vào Bảng mô tả danh mục các CĐR học phần đáp ứng CĐR của CTĐT
 - + Căn cứ vào ĐCCT học phần (trong đó có Bảng Đánh giá môn học *(các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*)
- 2) Tiến hành xây dựng Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần (thể hiện mối tương quan giữa nội dung môn học với trình độ năng lực, mục tiêu đánh giá và số lượng câu hỏi cho từng mục tiêu [H5.05.03.13].)
- 3) Xây dựng ma trận câu hỏi thi (thể hiện mối tương quan giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của SV đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT; tỷ lệ câu hỏi theo từng nội dung môn học và theo từng trình độ năng lực đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT [H5.05.03.14].)

4) Tiến hành xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trên cơ sở Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần và Ma trận câu hỏi thi đã thực hiện ở bước 2 và 3

5) Xây dựng Bảng chỉ dẫn cách thức bốc đề thi tương thích giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của SV đáp ứng CDR của môn học và CTĐT [H5.05.03.15].

Để đánh giá độ tin cậy của đề thi, Khoa dựa vào các công cụ và văn bản sau: (1)- Các văn bản của Nhà Trường liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO và xây dựng đề thi; (2)- Mục tiêu, CDR môn học; (3)- ĐCCT môn học; (4)- Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi; (5)- Ma trận câu hỏi thi; (6)- Ngân hàng câu hỏi thi (7)- Bảng chỉ dẫn cách thức bốc đề thi; (8)- Kết quả thi của SV [H5.05.03.16].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, PP KTĐG được đa dạng hóa, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, nội dung đề cương các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù môn học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần. Từng bước xây dựng các phương pháp đánh giá về độ giá trị, độ tin cậy một cách chuyên nghiệp.	TTĐBCL Khoa GDTC	Thực hiện hàng năm/học kỳ	
	Phát	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện	Trường/TT	Thường	

	huy điểm mạnh	quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (CDIO), đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả học tập và sử dụng phù hợp với đối tượng, tiến tới chuyên nghiệp hóa hoạt động kiểm tra, đánh giá trong đào tạo.	ĐBCL/Khoa/ Cán bộ GD	xuyên	
--	------------------	--	-------------------------	-------	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Công tác chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi của người học được Khoa Giáo dục Thể chất phản hồi kịp thời đến người học theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học của Trường Đại học Vinh. Điểm đánh giá ý thức học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV trên trang thông tin cá nhân của SV chậm nhất 30 ngày sau ngày thi kết thúc học phần [H5.05.04.01]. Trong CTĐT theo tiếp cận CDIO, nhiều học phần triển khai thực hiện thi giữa kỳ và thi kết thúc học phần bằng hình thức trắc nghiệm khách quan trên máy tính, người học có thể nhận ngay kết quả sau khi hoàn thành bài thi của mình [H5.05.04.02].

Toàn bộ kết quả học tập của SV được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai thông qua hệ thống website quản lý học tập của sinh viên, giúp người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.03]. Từ đó, người học có thể phản hồi, đề xuất khiếu nại kết quả học tập hoặc kịp thời có kế hoạch cải thiện kết quả

học tập phù hợp. Ngoài ra, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được Nhà trường giao cho Phòng Công tác chính trị học sinh, sinh viên thông báo tới gia đình của từng sinh viên sau mỗi một học kỳ qua đường bưu điện [H5.05.04.04].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở văn phòng khoa đào tạo, trung tâm đảm bảo chất lượng và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Dữ liệu học tập của người học được sao lưu tự động vào hệ thống máy chủ, bao gồm cả các số liệu thống kê tỷ lệ SV các khóa đạt kết quả xuất sắc, giỏi cũng như sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập sau các năm học. Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ giúp SV có kết quả học tập yếu kém nắm được thông tin và có phương án cải thiện phù hợp [H5.05.04.05].

Cuối mỗi năm học, Khoa Giáo dục Thể chất đều tiến hành tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập. Các thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đã được Khoa sử dụng để cải thiện việc học tập trong các năm học tiếp theo, kết quả cải tiến đã mang lại sự hài lòng cũng như chất lượng của người học. Đội ngũ Trợ lý Đào tạo, Trợ lý ĐBCL, Cố vấn học tập, giảng viên đóng vai trò lớn trong vấn đề tư vấn cho người học để cải thiện việc học tập trên cơ sở kết quả học tập được đánh giá [H5.05.04.06].

Quy định về chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học được thực hiện theo Quyết định Ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014. Riêng với thi vấn đáp và thi thực hành các môn học được công bố công khai sau buổi thi. Bộ môn có trách nhiệm quản lý và phân công CB nhập điểm thi kết thúc học phần trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp điểm về văn phòng khoa chậm nhất 9 ngày sau khi thi kết thúc học phần (2 ngày cắt phách và 07 ngày chấm thi) [H5.05.01.07].

Trong quá trình học, SV có quyền đề nghị Khoa cấp bằng điểm chính thức của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi kết quả học tập cho tất cả các học phần mà SV đã học cho tới thời điểm SV xin cấp bằng điểm [H5.05.01.08].

Nhà trường và Khoa Giáo dục Thể chất đã tổ chức lấy ý kiến về mức độ người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập bằng bảng hỏi trong từng giai đoạn. Kết quả được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả SV đánh giá giảng

viên, Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của SV và các bên liên quan. Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với kết quả học tập thường xuyên được khoa đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của SV [H5.05.04.09].

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá được Khoa và Nhà trường công bố công khai, minh bạch, chính xác thông qua trực tiếp và trên hệ thống quản lý học tập của sinh viên. Các kết quả này giúp bản thân sinh viên và khoa Giáo dục Thể chất có kế hoạch và lộ trình điều chỉnh phù hợp để cải thiện một cách hiệu quả hơn trong quá trình học tập và rèn luyện ở những giai đoạn tiếp theo.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù được nắm bắt thông tin một cách đầy đủ và kịp thời về kết quả học tập, tuy nhiên nhiều sinh viên chưa ý thức được hoặc chưa tự xây dựng được một lộ trình, kế hoạch thích hợp nhằm cải thiện kết quả của bản thân cho những giai đoạn tiếp theo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần thực hiện thông báo kết quả học tập người học đến gia đình sau mỗi kỳ học.	Trường/ Phòng CTHSSV/ Khoa	Năm 2021	
		Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học.	Trường/ TTCNTT/	Năm 2021	Đang thực hiện
		Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả	Trường/ TT CNTT	Năm 2021	Đang thực hiện

		học tập.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quản lí, lưu trữ, phản hồi kết quả thông qua hệ thống quản lí chuyên dụng của trường. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành chương trình đào tạo một cách tốt nhất.	Trường/ TTĐBCL/ Khoa	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường ĐH Vinh hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của người học [H5.05.05.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như *Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, Gặp mặt sinh viên Khoa Giáo dục Thể chất* và trang thông tin điện tử của Trường và của khoa Giáo dục Thể chất, theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định. Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến Bộ phận Một cửa của Phòng Hành chính tổng hợp trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Bộ phận Một cửa sẽ chuyển đơn của SV đến Trung tâm ĐBCL xử lý. Sau khi nhận được đơn, CB chuyên trách của Trung tâm ĐBCL cùng Trợ lý đào tạo của Khoa Giáo dục Thể chất và Tổ trưởng tổ chấm hoặc CB chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến

quá trình chấm thi để phản hồi kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm khoa hoặc Giám đốc Trung tâm ĐBCL đề nghị một CB thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng do Chủ nhiệm khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của đánh giá học phần [H5.05.05.02].

Để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận CB liên quan trong quá trình khiếu nại, Trung tâm ĐBCL đã phân công một số chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan tại bộ phận một của của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ CB phụ trách cấp khoa đến Bộ phận Một cửa, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh chóng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập trên website của nhà trường	TTĐBCL	Năm 2021	
		Ban Chủ nhiệm khoa GDTC sẽ chỉ đạo đội ngũ Trợ lý Đào tạo, Cố vấn	Khoa GDTC	Năm 2021	

		học, TLĐBCL tập xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nhanh, gọn và hiệu quả hơn.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc thực hiện quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của SV	TTĐBCL	Thường xuyên	Đang thực hiện

6. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Mặc dù còn một số điểm tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTC, Khoa Giáo dục Thể chất được thực hiện một cách bài bản, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Vinh để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa Giáo dục Thể chất tập trung vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 5 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 6

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Giảng viên có vai trò quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Với những điều kiện như nhau, nơi nào có được đội ngũ giảng viên có năng lực giảng dạy tốt thì công tác đào tạo, bồi dưỡng ở đó sẽ đạt kết quả cao hơn. Do đó, không thể phủ nhận vai trò của đội ngũ giảng viên đối với việc quyết định chất lượng đào tạo.

Giảng viên là người thiết kế, tổ chức kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho sinh viên, học viên thông qua bài giảng của mình, do đó, họ vừa là người thiết kế vừa là người thi công nhằm đạt được sự thành công của bài giảng.

Muốn xây dựng Khoa Giáo dục Thể chất vững mạnh phải có được một đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt, thành thạo kỹ năng giảng dạy và có thái độ đúng đắn với nghề nghiệp. Vì vậy, xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng vừa là mục tiêu vừa là thành tích của Khoa Giáo dục Thể chất.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Hiện nay, đội ngũ GV trong Khoa Giáo dục Thể chất có 19 GV và 1 chuyên viên được quy hoạch theo 3 bộ môn: Thể dục-Võ-TT dưới nước; Các môn Bóng – Điền kinh; PP giảng dạy. Tổng số CB tham gia công tác đào tạo ngành GDTC có 19 GV và 1 chuyên viên. Hiện độ tuổi bình quân của CB của Khoa là 44,1 tuổi; số CB giảng dạy đạt trình độ Tiến sĩ là 6 (chiếm 30%); số CB đang làm nghiên cứu sinh là 02 (10%); số lượng GVC là 8 (chiếm tỷ lệ 40%) [H6.06.01.03].

Bảng 6.1. Số lượng giảng viên (từ 2015-2020)

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số	Phần trăm có bằng Tiến sĩ (%)
Giáo sư	0	0	0	0
Phó Giáo sư	0	0	0	0
Giảng viên toàn thời gian	13	6	19	30%
Giảng viên không toàn thời gian	0	0	0	0
Giảng viên thỉnh giảng	0	0	0	0
Tổng số	13	6	19	30%

Công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa Giáo dục Thể chất được thực hiện theo đúng quy trình, chặt chẽ, minh bạch, khoa học, phù hợp với Điều lệ Trường Đại học, Quy chế tổ chức hoạt động và Quy định tiêu chuẩn tuyển chọn CB, công chức, viên chức vào công tác của Trường Đại học Vinh. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Định hướng phát triển CB của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Trường Đại học Vinh [H6.06.01.01]. Cụ thể như sau:

Việc tuyển dụng CB đều xuất phát từ nhu cầu của các bộ môn; kế hoạch tuyển dụng được bộ môn đề xuất lên Khoa, thông qua Chi bộ, sau đó, đề nghị lên Đảng ủy và Nhà trường phê duyệt. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, do vậy, Khoa không chỉ tuyển được những SV tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những SV tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc do các trường khác đào tạo. Việc sắp xếp, bố trí CB mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. [H6.06.01.02].

Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bồi dưỡng và đề bạt CB được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích NCKH của các ứng viên [H6.06.01.02].

Đội ngũ GV của Khoa Giáo dục Thể chất được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý các cấp [H6.06.01.01].

Khoa luôn phân công tương đối đồng đều các nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của từng giảng viên [H6.06.02.04].

Những thành tích, đóng góp về giảng dạy, về NCKH, về hoạt động chuyên môn, các hoạt động đoàn thể luôn được Khoa quan tâm và đánh giá cao, tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ [H6.06.01.07] .

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Chi ủy, Ban chủ nhiệm (BCN) Khoa Giáo dục Thể chất đã xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng CB sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H6.06.01.04].

Khoa và Nhà trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn và có hình thức hỗ trợ phù hợp [H6.06.01.05].

Để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho công tác đào tạo, trong thời gian 5 năm vừa qua, Khoa luôn chú ý công tác bồi dưỡng GV trẻ. Những CB trẻ luôn được BCN khoa và bộ môn quan tâm bồi dưỡng, đặc biệt là bồi dưỡng nâng cao chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy của CTĐT [H6.06.01.06].

Việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho CB được giao cho các bộ môn đảm nhận, GV trẻ trước khi đứng lớp đều được một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Đến cuối năm 2021, Khoa sẽ có thêm 2 GV bảo vệ luận án tiến sĩ [H6.06.05.02].

Ngoài ra, GV của khoa, đặc biệt là các GV tham gia đào tạo ngành GDTC đều đã chủ trì hoặc là thành viên nghiên cứu một số lượng lớn các đề tài NCKH cấp trường. Hằng năm, số lượng bài báo được đăng tải trên các tạp chí trong nước và quốc tế của CB trong Khoa trên 20 bài. Nhà trường và Khoa luôn có chính sách khen thưởng kịp thời để động viên GV tích cực NCKH và ứng dụng sản phẩm NCKH phục vụ công tác đào tạo [H6.06.01.07].

Việc bổ nhiệm Trưởng bộ môn theo nhiệm kỳ của Trưởng Khoa, dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của CB để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như quản lý. Quy trình bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. [H6.06.01.08]

2. Điểm mạnh

Khoa đã xây dựng được kế hoạch về bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB phù hợp với yêu cầu công việc của Khoa và theo đúng quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu ... của Nhà trường. Đội ngũ CB, GV của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động bồi dưỡng giáo viên, CB quản lý giáo dục các cấp.

Đội ngũ GV của Khoa tương đối cân đối về tỷ lệ nam/nữ (nam: 68.4%; nữ: 31,6%); có các độ tuổi kế cận nhau, không có sự cách quãng giữa các thế hệ. Đó là điều kiện để hoạt động đào tạo, NCKH của Khoa luôn ổn định, phát triển lâu dài.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyển dụng, bổ sung CB của một số bộ môn trong Khoa chưa đạt chỉ tiêu khi đã có 2 cán bộ nghỉ hưu trong giai đoạn vừa qua. Việc bố trí bổ nhiệm cho các GV có năng lực công tác vừa hoàn thành xong chương trình TS chưa kịp thời nên chưa tạo động lực cho các GV khác tiếp tục đi học tập nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm 1 PGS, 2 NCS bảo vệ luận án TS, cử 1 GV đi học NCS. - Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;	Nhà trường; Phòng TCCB; Khoa GDTC; GV	9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục công tác lập kế hoạch cán bộ để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cả về quy mô và chất lượng, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	Khoa GDTC	9/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tổng số CB tham gia công tác đào tạo ngành GDTC hiện nay có 19 GV và 1 chuyên viên. Hiện độ tuổi bình quân của CB cơ hữu Khoa là 44.1 tuổi; số CB đạt trình độ Tiến sĩ là 6 (chiếm 30%); số CB đang làm nghiên cứu sinh là 02 người (10%) [H6.06.02.01].

Trong giai đoạn từ 2015-2020, số lượng sinh viên ngành GDTC tuyển sinh rất được rất ít. Cụ thể trong công tác tuyển sinh:

Bảng 6.2.1. Thống kê số lượng tuyển sinh trong các năm 2016-2020

Năm	Số lượng tuyển sinh của khoa
2020	31
2019	21
2018	10
2017	12
2016	14

Với những khó khăn chung trong việc tuyển sinh của nhà trường cũng như đặc thù ngành GDTC trên toàn quốc thì trong 5 năm vừa qua khoa đã không tuyển dụng thêm GV để đảm bảo khối lượng lao động cho GV hiện tại.

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, BCN Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển CB trong 5 năm. Căn cứ để BCN Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng CB sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H6.06.02.02].

Bảng 6.2.2. Số GV quy đổi của giai đoạn 2016 - 2021

Trình độ		Giảng viên cơ hữu					Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý				Tổng số GV quy đổi
		GS	P.G S	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	GS là Cán bộ quản lý	P.G S là cán bộ quản lý	Tiến Sĩ Là cán bộ quản lý	Thạc sĩ là cán bộ quản lý	
Hệ số quy đổi		5	3	2	1	0.5	1.5	0.9	0.6	0.3	
Năm học	Tổng số lượng GV										
2016- 2017	21	0	01	04	16	0	0	01	04	2	30,9
2017- 2018	21	0	01	04	16	0	0	01	04	2	30,9
2018- 2019	19	0	0	04	15	0	0	0	04	2	27,0
2019- 2020	19	0	0	04	15	0	0	0	04	2	27,0
2020- 2021	19	0	0	04	15	0	0	0	04	2	27,0

Tỷ lệ SV/GV được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 6.2.3. Tỷ lệ GV quy đổi/SV của giai đoạn 2016 - 2021

Năm	Số lượng GV quy đổi	Số lượng SV ngành GDTC	Tỷ lệ SV/GV
2020-2021	27	31	1,15
2019-2020	27	21	0,78
2018-2019	27	10	0,37
2017-2018	30.9	12	0,39
2016-2017	30.9	14	0,45

Tỷ lệ GV và người học là rất thấp nên khối lượng công việc giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành GDTC không đảm bảo khối lượng giờ chuẩn nếu khoa không giảng dạy cho hệ không chuyên.

Khối lượng công việc của GV, đều được qui đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác*. Trường Đại học Vinh đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, thực hiện hàng năm bằng việc qui đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý. Có văn bản hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, theo chuẩn [H6.06.02.03].

Cuối mỗi năm học, GV tự kê khai giờ chuẩn đã thực hiện với các lĩnh vực công tác được phân công. Về giảng dạy, bao gồm giảng dạy đại học (hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học), giảng dạy Sau đại học, bao gồm: giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án Thạc sĩ; giảng dạy ở hệ không chuyên. Ở mỗi hệ, giờ giảng dạy có công thức quy đổi giờ chuẩn cụ thể, tương ứng với học vị và chức danh của GV [H6.06.02.04].

Về NCKH, bao gồm: Chủ trì và tham gia đề tài NCKH các cấp; xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình; công bố bài báo quốc tế và trong nước; semina khoa học. Tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức qui đổi ra giờ chuẩn. [H6.06.02.05]

Về hoạt động chuyên môn khác, bao gồm: Sinh hoạt tổ chuyên môn, hội họp, học tập nâng cao trình độ, chủ trì xây dựng chương trình mới, xây dựng bài giảng môn học mới, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động xã hội... Các loại hình hoạt động theo quy định đều được quy đổi thành giờ chuẩn [H6.06.02.06].

Các phòng ban - trung tâm chức năng của Nhà trường chịu trách nhiệm giám sát và xác nhận việc kê khai của GV. Hệ thống phần mềm quản lý sẽ thực hiện quy đổi và xác nhận mức độ đạt giờ chuẩn hay vượt giờ chuẩn của GV trên tất cả các lĩnh vực: giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn khác.

Tương ứng với từng chức danh, học vị: GV cao cấp, GV chính, GV có trình độ tiến sĩ, GV có trình độ Thạc sĩ, GV tập sự, giáo viên... Trường Đại học Vinh đều có quy định về số lượng giờ chuẩn tối thiểu cần đạt về giảng dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác [H6.06.02.07].

Không những giám sát, quản lý về số lượng, Trường Đại học Vinh cũng có biện pháp giám sát, quản lý về chất lượng công việc của GV.

Về chất lượng giảng dạy, từng học kỳ, Trường có chủ trương tổ chức các đợt thao giảng cấp Bộ môn, cấp Khoa, cấp Trường cho GV tham gia, tổ chức thảo luận về chất lượng của giờ dạy, rút kinh nghiệm, hướng đến cải tiến về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, cập nhật nội dung dạy học, nâng cao hiệu quả đào tạo.

Hàng năm, Trường Đại học Vinh còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV. Nhờ đó, GV Khoa Giáo dục Thể chất đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, có kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo [H6.06.02.08].

Về chất lượng nghiên cứu khoa học, việc đánh giá các công trình xuất bản và công bố của GV được Nhà trường dựa vào quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước. Nhà trường cũng có Quy định khen thưởng cho các công trình công bố trên các tạp chí có chỉ số ISI, Scopus... của GV [H6.06.02.09].

Về các hoạt động chuyên môn khác, GV nào không đáp ứng đủ số tiết theo quy định, bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ. Tùy thuộc vào tính chất của công việc đảm nhận mà Công đoàn Trường và các tổ chức đoàn thể khác có những quy định khen thưởng cho những cá nhân có nhiều đóng góp. Số liệu cụ thể được trình bày chi tiết ở các bảng thống kê hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác [H6.06.02.10].

2. Điểm mạnh

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành GDTC và hệ không chuyên, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên.

Công việc của đội ngũ GV được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về

khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù, tỷ lệ GV/SV ngành GDTC hiện nay là rất thấp do gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển sinh. Tuy nhiên, để bồi dưỡng lực lượng kế cận của Khoa đặc biệt là các môn đặc thù chuyên sâu so với số lượng GV đã nghỉ hưu thì Khoa chưa đạt kế hoạch tuyển dụng như mong muốn để đáp ứng yêu cầu công việc trong những năm tới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Mở rộng đánh giá, lấy ý kiến người học - Công khai trước các bên liên quan	Nhà trường Khoa GDTC; Phòng TCCB	9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hàng năm của GV.	Khoa GDTC	9/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Việc tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực hoạt thuật) của Khoa được thực hiện theo yêu cầu công việc của Khoa, dựa trên các tiêu chí theo quy định của Nhà trường. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1) *Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt*; 2) *Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ*; 3) *Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc*; 4) *Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp*; 5) *Lý lịch bản thân rõ ràng*. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.03.01]. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, phù hợp với xu thế phát triển chung [H6.06.03.02].

Cụ thể số lượng tuyển dụng trong 5 năm qua như sau:

Bảng 6.3. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2016-2021

Năm học	Giảng viên	Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp loại
2020- 2021	0	0	0
2019 - 2020	0	0	0
2018-2019	0	0	0
2017-2018	0	0	0
2016 -2017	1	Thạc sĩ	Giỏi

Quy trình tuyển dụng GV được tổ chức chặt chẽ, khoa học, gồm các bước: Trường Đại học Vinh thành lập Hội đồng tuyển dụng, tổ chức thi giảng, phỏng vấn. Sau khi có quyết định tuyển dụng, các GV mới đều phải tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày đề cương bài giảng để Bộ môn phê duyệt; dạy thử tại Bộ môn để được góp ý, điều chỉnh trước khi được lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, GV mới thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ [H6.06.03.03].

Khoa Giáo dục Thể chất luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu

chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Phó giáo sư, Giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường [H6.06.03.04].

2. Điểm mạnh

Công tác CB của Khoa được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có kế hoạch cụ thể để tuyển dụng được những GV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt và có năng khiếu các môn thể thao tốt đặc biệt là bóng đá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với Nhà trường tuyển dụng thêm 1-2 GV có chuyên môn nghiệp vụ tốt và có năng khiếu về môn bóng đá để phục vụ công tác giảng dạy và phong trào của khoa và nhà trường.	Nhà trường Khoa GDTC; Phòng TCCB	Năm học 2021-2022	
2.	Phát huy điểm mạnh	Từ đó đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của	Khoa GDTC	2022	

		Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu SV.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.4: *Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.*

1. Mô tả

Ngay từ khâu tuyển dụng, GV đã được kiểm tra, đánh giá chặt chẽ về các mặt phẩm chất nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; năng lực nghiệp vụ sư phạm; năng lực ngoại ngữ, tin học. Khi trở thành GV của Khoa, ngoài việc đạt tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn (Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ) đúng chuyên ngành, đội ngũ GV được tham gia các khóa học bồi dưỡng NVSP giảng viên, bồi dưỡng năng lực về công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV, GV chính, GV cao cấp, có bài thi đánh giá năng lực sau mỗi khóa học và được cấp chứng chỉ. Cụ thể là 100% GV của Khoa có chứng chỉ NVSP *giảng viên*, chứng chỉ *Công nghệ thông tin*, chứng chỉ *Ngoại ngữ*, chứng chỉ *An ninh quốc phòng*, chứng chỉ *Trình độ lý luận chính trị* (phù hợp với từng loại đối tượng) đạt chuẩn quy định [H6.06.04.01].

Nhà trường có quy định rõ ràng về nhiệm vụ giảng dạy và NCKH của GV; có định mức giờ chuẩn cụ thể về giảng dạy và NCKH và các hoạt động chuyên môn khác cho từng đối tượng GV. Định mức trên là cơ sở để Bộ môn, Khoa và Trường đánh giá, xếp loại, tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng hoặc rút kinh nghiệm đối với GV hằng năm [H6.06.04.02].

Nhà trường có các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV. Khoa và bộ môn căn cứ vào các văn bản này, phổ biến rộng rãi để GV có tiêu chí phấn đấu. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để khoa, bộ môn giám sát, đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của GV [H6.06.04.03].

Công tác bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm được triển khai một cách

khoa học, giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, các cấp quản lý ghi nhận được thành tích của GV và có tổng quan về tình hình giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn trong toàn Khoa [H6.06.04.04]. Mặt khác, việc đánh giá chất lượng CB là cơ sở giúp lãnh đạo Khoa xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển CB phù hợp [H6.06.04.05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Cập nhật thông tin về định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác của GV vào đầu năm học. - Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá GV phù hợp; đảm bảo ngày càng nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, khích lệ được GV phát huy tối đa năng lực bản thân.	Nhà trường; Khoa GDTC; Phòng TCCB	9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có	Khoa GDTC	2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển đội ngũ của Khoa được xác định rõ trong phương hướng nhiệm vụ của Khoa. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của CB thông qua báo cáo đánh giá hằng năm, Khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí CB theo từng năm học và theo giai đoạn [H6.06.05.01]. Kế hoạch đào tạo CB hằng năm đều được xây dựng và có sự phê duyệt của Nhà trường, trong đó, có các GV được đi học Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ đúng chuyên ngành. [H6.06.05.02]. Kế hoạch này được triển khai nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa [H6.06.05.03]. Số lượng CB cụ thể được cử đi học trong giai đoạn 2015-2020 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6.4. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2015-2020

Năm học	Số lượng đi học Thạc sĩ	Số lượng đi học Tiến sĩ	Nơi học tập	Nguồn kinh phí
2019-2020	0	0	-	-
2018-2019	0	0	-	-
2017-2018	0	0	-	-
2016-2017	0	2	1 trong nước, 1 nước ngoài	Đại học Vinh Bộ GD&ĐT
2015-2016	0	2	Trong nước	Đại học Vinh

Trong giai đoạn này Khoa có 04 GV có học vị thạc sĩ của Khoa đi làm nghiên cứu sinh và hiện nay đã có 2 người bảo vệ thành công luận án TS. Theo kế hoạch trong năm 2021, khoa có thêm 2 NCS bảo vệ luận án tiến sĩ.

Đội ngũ GV của Khoa luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên

môn. Trong thời gian qua, GV của Khoa luôn chủ động đề nghị được tham gia các lớp nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực sử dụng CNTT trong giảng dạy. Các khóa tập huấn về nghiệp vụ giảng viên, về đổi mới trong GD&ĐT, đổi mới chương trình Giáo dục phổ thông do Trường Đại học Vinh, Bộ GD&ĐT tổ chức đều được GV của Khoa tham gia có hiệu quả [H6.06.05.04].

Khoa có chính sách khen thưởng cho các CB, GV có thành tích trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn: thi đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ [H6.06.05.05].

Khoa và Trường có chủ trương khuyến khích GV trao đổi chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế.

Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát Quy chế về công tác CB [H6.06.05.06] của Nhà trường. Trên cơ sở đó, Khoa lập danh sách CB cần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.05.07].

100% GV của Khoa được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng kế hoạch/tiêu chí của Trường. Các CB trẻ khi về Khoa, được tham gia các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ (các lớp B2), năng lực công nghệ thông tin, NVSP giảng viên. Đội ngũ GV được tham gia các lớp bồi dưỡng GV chính, GV cao cấp, bồi dưỡng quốc phòng an ninh, bồi dưỡng chính trị trình độ trung cấp, cao cấp. Toàn thể GV thường xuyên được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực phát triển chương trình, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học đại học.

2. Điểm mạnh

Khoa có đội ngũ GV 100% là Thạc sĩ trở lên. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...).

3. Điểm tồn tại

Một số GV của khoa nằm trong diện cử đi học tập nâng cao trình độ như đi NCS nhưng còn do dự, còn lầy lý do để từ chối đi học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Đổi mới phương pháp giảng dạy ở các lớp ngoại ngữ mà nhà trường mở nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ cho GV - Có chế tài mạnh mẽ hơn trong việc xử lý đối với GV không đi học tập nâng cao trình độ khi đang còn nằm trong độ tuổi. - Có kế hoạch đăng ký chức danh PGS ngành GDTC	Nhà trường; Khoa GDTC	12/2021	Hàng năm
				12/2021	Hàng năm
				9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập	Nhà trường	2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Với từng chức danh, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng CB giảng dạy. Hàng năm, Khoa tổng

kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.01].

Cụ thể như sau: vào cuối năm học, các tổ bộ môn tổ chức họp tổng kết để đánh giá xếp loại từng CB, GV theo các mức: không hoàn thành nhiệm vụ đối với GV chỉ đạt 60 điểm trở xuống, hoàn thành nhiệm vụ là từ 60 - 69 điểm, lao động tiên tiến là 70 - 89 điểm và chiến sĩ thi đua là 90 - 100 điểm. Sau khi lấy phiếu bình chọn, tổ bộ môn lập biên bản và gửi lên Hội đồng thi đua của Khoa để xem xét. Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp và bỏ phiếu cho các danh hiệu kể trên theo tỷ lệ quy định của Nhà trường và chuyển biên bản lên Nhà trường để Hội đồng thi đua của Nhà trường quyết định [H6.06.06.02].

Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong quy chế hoạt động của Khoa và của quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.06.06.03].

Quyết định của Hội đồng thi đua, khen thưởng của Nhà trường được đưa về Khoa và công khai cho toàn CB, GV trong Khoa. Theo đó, Nhà trường có quy định rất cụ thể về nhiệm vụ giảng dạy và NCKH của các GV theo chức danh. Cụ thể là, trong 1 năm học, ngoài việc giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có các công trình NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Theo quy định của Nhà trường, mỗi Khoa sẽ có 15% số CB, GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua trên tổng số CB, GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến [H6.06.06.04].

Như vậy, hàng năm Khoa đều có 3 CB, GV đạt danh hiệu “chiến sĩ thi đua”, chiếm 15 % trên tổng số CB cơ hữu. Số CB, GV còn lại đạt danh hiệu “lao động tiên tiến”, còn những GV đi học nước ngoài đạt danh hiệu “hoàn thành nhiệm vụ”. Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng(PVCD) luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp. Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng cấp Trường, cấp Bộ và cấp Nhà nước. Việc xem xét khen thưởng cho CB chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước thời hạn hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Bên cạnh đó, Nhà trường có quy định khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành,

có chỉ số trích dẫn cao, với các mức thưởng từ 3.000.000 đ đến 10.000.000 đ/công trình [H6.06.06.05].

Từ năm 2014 đến nay, đã có một số CB, GV của ngành GDTC được khen thưởng vì có bài báo đăng ở tạp chí uy tín trên thế giới [H6.06.06.06]. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho sẽ tạo động lực cho CB, GV phát huy khả năng trong giảng dạy, NCKH và PVCD.

Hàng năm, Khoa tiến hành việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân. Hoạt động này đã giúp CB, GV của Khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Kết quả xếp loại thi đua sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho CB. Thu nhập tăng thêm hàng năm sẽ động viên, khuyến khích CB hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học [H6.06.06.07].

Tất cả GV được tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc của họ. Vì vậy, đội ngũ GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của nhà trường và các cấp có thẩm quyền như Tỉnh, Bộ, Chính phủ [H6.06.06.08].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của GV trong Khoa.

Phần lớn GV Khoa Giáo dục Thể chất đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học. Hàng năm có 3 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các GV cùng bộ môn và với các GV của các tổ bộ môn khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Ngoài ra, số lượng các sản phẩm nghiên cứu chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Yêu cầu giảng viên lập kế hoạch công việc trong năm cụ thể hơn và có các hoạt động phục vụ cộng đồng. - Nhà trường cần thúc đẩy hoạt động của các nhóm nghiên cứu, có cơ chế khuyến khích hiệu quả hoạt động của các nhóm. - Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá. - Khoa và Trường có hình thức khen thưởng vào cuối năm học đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín để tạo động lực hơn nữa cho các giảng viên, đồng thời dựa vào kết quả NCKH của GV để xếp loại GV cuối năm.	Khoa GDTC	12/2020	
			Phòng TCCB	12/2020	
			Phòng TCCB	12/2020	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.		12/2020	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV của ngành. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Đầu năm học, mỗi GV đều phải xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH cá nhân, trong đó, ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH) tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa và Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.01].

Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác [H6.06.07.02].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát, đánh giá chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa, Nhà trường. Các công bố khoa học của Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế. Từ năm 2015 đến nay, mỗi năm CB, GV Khoa đều có một số bài báo đăng ở tạp chí uy tín trong nước và trên thế giới [H6.06.07.03].

Số giờ NCKH theo quy định của Nhà trường được tính theo hệ số lượng như trong bảng sau:

Bảng 6.5. Số giờ NCKH của GV
(trích từ quy chế chỉ tiêu nội bộ, trang 113)

Giảng viên có hệ số lương	Định mức giờ NCKH
≥ 6.2	315
≥ 5.76	260
≥ 4.40	220
≥ 4.32	200
≥ 3.33	175
≥ 2.34	165

Tất cả GV trong khoa đều hoàn thành vượt mức giờ chuẩn NCKH.

Mặt khác, GDTC là ngành đào tạo mang tính thực hành, thực nghiệm và ứng dụng cao, do đó, GV trong Khoa có phong trào NCKH cao. Số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành cao.

Một điểm đáng chú ý khác, GV ngành GDTC nói riêng và toàn trường nói chung được tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Các quy định về quản lý hoạt động NCKH của CB, tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả NCKH đều được phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế dự thảo, lấy ý kiến GV và các nhà nghiên cứu toàn trường, điều chỉnh, sửa chữa, sau đó, mới ban hành và áp dụng [H6.06.07.04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV tham gia các đề tài cấp cấp Bộ, cấp Nhà nước chưa có, nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế. Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước.	Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Khoa GDTC	2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa. - Khuyến khích 100% GV của Khoa vượt định mức số giờ nghiên cứu khoa học hàng năm do Nhà trường đề ra với nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau.	Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Khoa GDTC	2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV của ngành có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại cả chuyên ngành và không chuyên, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Trong

NCKH, tuy tính quốc tế trong nghiên cứu chưa cao, nhưng các kết quả nghiên cứu của GV đều phục vụ thiết thực cho quá trình đào tạo SV ngành GDTC, cho sự nghiệp đổi mới toàn diện về GD&ĐT của đất nước.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển đại học nghiên cứu của Nhà trường.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 6 có 7/7 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 7

ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Nhà trường có quy định chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm ĐBCL, các dịch vụ hỗ trợ khác...) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí: 7.1: *Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm đảm bảo chất lượng, trường thực hành sư phạm và các dịch vụ hỗ trợ khác...) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

1. Mô tả

Trường hiện có 318 nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên chủ yếu được bố trí làm việc tại Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, có trang thiết bị và máy móc hiện đại phục vụ công tác dạy - học và NCKH của cán bộ, giảng viên và người học. Việc thành lập Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (từ năm 2011) cho phép dùng chung các trang thiết bị thí nghiệm tại các khoa thực nghiệm, tạo điều kiện cho công tác nghiên cứu của học viên cao học và nghiên cứu sinh và tạo được các liên kết NCKH trong những ngành gần, đây là một trong những tiền đề cho việc hình thành các trường phái NCKH của Nhà trường. Các nhân viên làm việc ở các phòng thí nghiệm Lí, Hóa, Sinh, Nông học, Thủy sản, Điện, Điện tử viễn thông, Xây dựng, Địa lí, Tài nguyên - Môi trường, tại bộ phận quản trị mạng, phòng học trực tuyến, được đào tạo cơ bản, đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm để phục vụ và hỗ trợ hoạt động giảng dạy và NCKH của Nhà trường; Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Đảm bảo chất lượng, Công nghệ thông tin; Trung tâm bồi dưỡng thường xuyên, các Phòng ban Phòng đào tạo, HSSV, TCCB, quản trị, KH&HTQT...hầu hết có trình độ đại học trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành.

Ngoài đội ngũ GV trực tiếp tham gia công tác giảng dạy, hoạt động chuyên môn và NCKH, đội ngũ nhân viên hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm CNTT, trung tâm ĐBCL, phòng Đào tạo, HSSV và các dịch vụ hỗ trợ khác) đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của Nhà trường và Khoa.

Trường đã phân tích, dự báo nhu cầu, xây dựng đề án vị trí việc làm tại trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống trung tâm CNTT, phòng đào tạo, HSSV, ĐBCL, KH & HTQT và các dịch vụ hỗ trợ khác về công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, trong đó có các vị trí nhân viên nằm ở Khoa Giáo dục Thể chất [H7.07.01.01].

Nhà trường đã có những chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên. Những SV tốt nghiệp tại trường có kỹ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT được giữ lại phục vụ ở các trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lý học vụ, hành chính [H7.07.01.02].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, TT CNTT, TT ĐBCL, phòng đào tạo, HSSV, KH & HTQT và các dịch vụ hỗ trợ khác. [H7.07.01.03].

Nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, TT ĐBCL phòng đào tạo, HSSV, KH & HTQT và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Bên cạnh đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện Nhà trường, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (HTSV&QHDN), vv..., Khoa Giáo dục Thể chất có 01 CB hỗ trợ bao gồm phụ trách công tác văn phòng và quản lý công tác chính trị HSSV. Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 01 cố vấn học tập, 01 CB trợ lý đào tạo, 01 trợ lý ĐBCL. Hầu hết các cán bộ hỗ trợ khác đều có trình độ Thạc sĩ, tiến sĩ đều là các giảng viên chuyên ngành kiêm nhiệm. Các CB hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các GV kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường. Ngoài ra, Khoa Giáo dục Thể chất đã có những chính sách cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc

của Khoa. [H7.07.01.04]. Tuy nhiên, Việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên vẫn chưa được thực hiện hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Giáo dục Thể chất đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

3. Điểm tồn tại

Việc thay đổi liên tục ở vị trí chuyên viên văn phòng và trợ lý QLSV khoa đã làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc cũng như tính liên mạch kế thừa trong công tác quản lý văn phòng và SV. Bên cạnh đó việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Trường tiếp tục rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của khối nhân viên từng đơn vị và trong toàn trường. - Trường cần có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm trong lĩnh vực hỗ trợ phục vụ cộng đồng cho đội ngũ nhân viên. - Đề xuất với Nhà trường ổn định lâu dài vị trí chuyên viên văn phòng kiêm QLSV của khoa GDTC.	Nhà trường Khoa GDTC Phòng ban	5/2021	Hàng năm

2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện đề án vị trí việc làm, quy hoạch chuẩn hoá số vị trí việc làm và số lượng người làm việc ở mỗi vị trí.		12/2021	Hàng năm
----	--------------------	--	--	---------	----------

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trong các chính sách về nhân sự nói chung, chính sách về tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân viên hỗ trợ được Trường quy định cụ thể trong Quy chế về công tác CB [H7.07.02.01].

Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng bao gồm 5 bước: Xác định nhu cầu, tiêu chuẩn và thông báo tuyển dụng; tiếp nhận, sơ tuyển hồ sơ, tiếp xúc, hướng dẫn ứng viên; tổ chức thi; xét duyệt kết quả và công bố kết quả thi tuyển; ký kết hợp đồng làm việc. Hàng năm, xuất phát từ nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Phòng Tổ chức Cán bộ tổng hợp vị trí việc làm và số lượng tuyển dụng, soạn thông báo tuyển dụng đội ngũ nhân viên cho các đơn vị, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Công tác tuyển dụng được tiến hành bằng hình thức xét tuyển thông qua hồ sơ hoặc thi tuyển theo quy định. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai trên cơ sở phân

tích khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Việc điều chuyển, chuyển đổi vị trí công tác nhân viên hành chính hỗ trợ là yêu cầu bắt buộc thường xuyên, áp dụng với tất cả các CB, viên chức của Nhà trường. Nhà trường có chính sách luân chuyển đối với những nhân viên có thời gian đảm nhận vị trí công tác ở một đơn vị liên tục từ 60 tháng trở lên [H7.07.02.02].

Các thông tin tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến đến toàn thể cán bộ giảng viên, nhiên viên và đăng công khai trên trang thông tin điện tử eoffice và ioffice của Nhà trường và trên cổng thông tin vinhuni.edu.vn của Nhà trường. [H7.07.02.03]. Khoa Giáo dục Thể chất luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã ban hành quy chế làm việc, chức năng nhiệm vụ của nhân viên làm việc tại Khoa trong Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Giáo dục Thể chất

2. Điểm mạnh

Trường có quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng; có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ số lượng, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH, quản lý hành chính và phục vụ đào tạo. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác CB của Trường Đại học Vinh.

Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác CB, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành GDTC

3. Điểm tồn tại

Khoa vẫn còn bị động trong việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên cũng như luân chuyển nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Khoa tiến hành khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm, đồng thời	Nhà trường/ Khoa	2021	Hàng năm

		luôn tuân thủ quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ của Nhà trường.	GDTC/ Phòng ban		
2.	Phát huy điểm mạnh	- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo quy định đã ban hành.		2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Nhà trường có Quy định đánh giá xếp loại CB, viên chức theo vị trí việc làm cụ thể, trong đó, có quy định rõ ràng về năng lực của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.01].

Nhân viên tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối CB hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, Thực hiện nhiệm vụ, Tổ chức kỷ luật, Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng CNTT và ngoại ngữ*. Sau đó, Khoa (Phòng/Trung tâm) và Trường sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. [H7.07.03.02]. Ngoài ra, Khoa Giáo dục Thể chất còn có đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đào tạo như TLĐT, TLĐBCL, CVHT, GVCN đều là những CB nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý; năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

Hàng năm, Khoa và Nhà trường đều thực hiện việc đánh giá năng lực nhân viên sau một năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học tới. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ qua các bước: nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá,...Phiếu đánh giá được thiết kế thể hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả

thực hiện nhiệm vụ...[H7.07.03.03].

Hàng tháng các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ, làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đề trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại.

Ngoài ra, việc đánh giá xếp loại cán bộ nhân viên hỗ trợ còn được phản ánh qua ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính của Trường được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến định kỳ hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết sinh viên đều thỏa mãn với chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ.

[H7.07.03.04].

Trích Thống kê kết quả khảo sát

Lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kì 2, năm học 2019-2020

STT	Tiêu chí	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào		
	Thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ thư viện đối với bạn đọc		
a	Tốt (mức độ đáp ứng tới 80% trở lên)	7075	79,8
b	Khá (mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1205	13,6
c	Trung bình (mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	346	3,9
d	Chưa đạt (mức độ đáp ứng dưới 50%)	106	1,2
e	Chưa tiếp xúc	133	1,5
TỔNG		8865	100
2	Trung tâm thực hành- thí nghiệm		
	Thái độ phục vụ của Kỹ thuật viên, giáo viên hướng dẫn thực hành thí nghiệm		
a	Tốt (mức độ đáp ứng tới 80% trở lên)	7044	79,5
b	Khá (mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1175	13,3
c	Trung bình (mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	247	2,8

d	Chưa đạt (mức độ đáp ứng dưới 50%)	80	0,9
e	Chưa tiếp xúc	319	3,6
TỔNG		8865	100
3	Thái độ, tinh thần làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ hành chính trong quá trình đào tạo		
a	Tốt (mức độ đáp ứng tới 80% trở lên)	7044	79,5
b	Khá (mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1237	14
c	Trung bình (mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	351	4
d	Chưa đạt (mức độ đáp ứng dưới 50%)	123	1,4
e	Chưa tiếp xúc	110	1,3
TỔNG		8865	100

Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm. Việc đánh giá xếp loại cán bộ định kỳ hằng tháng và hằng năm giúp đội ngũ cán bộ luôn có động lực cải tiến chất lượng phục vụ sinh viên.[H7.07.03.05]

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có năng lực tốt, PP làm việc khoa học, hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc, vì hiệu quả của quá trình đào tạo. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những CB nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý; năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

3. Điểm tồn tại

Chưa có bộ tiêu chí, công cụ đánh giá các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Cần có những hoạt động hỗ trợ tăng kỹ năng cũng như nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên. - Có kế hoạch phân công hợp lý giúp cho cán bộ kiêm nhiệm ổn định lịch làm việc. - Bổ trợ kỹ năng tin học để giúp nhân viên tăng năng suất cũng như hiệu quả làm việc.	Nhà trường, Khoa GDTC. Phòng TCCB	6/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Cần thiết kế hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ một cách hấp dẫn và thỏa mãn hơn nữa nhu cầu của các cán bộ. - Nhà trường cần có chính sách phù hợp đối với cán bộ giảng dạy làm công tác kiêm nhiệm.	Phòng TCCB		Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 7.4: *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

1. *Mô tả*

Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, Nhà trường và Khoa đã khảo sát nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Từ năm 2017, Nhà trường đã có khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ nhân viên và triển khai các hoạt động bồi dưỡng nhằm đáp ứng những nhu cầu đó. Tuy nhiên công tác này chưa được thực hiện thường xuyên ở các năm liên tục. Năm 2017 có 01 nhân viên của Khoa đã tham gia bồi dưỡng khoá tập huấn 2 tuần về Ứng dụng CNTT cơ bản do Trường tổ chức.

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên đều được tham gia các khóa bồi dưỡng cán bộ về tin học, ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, quốc phòng-an ninh, được tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ. [H7.07.04.02]

Trong 5 năm qua, đã có hơn 100 nhân viên được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ở nước ngoài, tham gia thực hiện các đề tài NCKH... Điển hình là Trung tâm Thực hành-Thí nghiệm có 03 Tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài, 22 Thạc sĩ (trong đó có 2 người đang làm NCS), Ban Giám đốc và 5 tổ trưởng đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính, quốc phòng an ninh. Trường đã có các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên hỗ trợ họ về chế độ chính sách thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Trường [H7.07.04.03].

Nhà trường có phân bổ ngân sách riêng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.04].

2. *Điểm mạnh*

Hàng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB hỗ trợ.

Khoa luôn cử nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù số lượng CB hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành GDTC

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	-Khoa sẽ tiến hành khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ. -Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Nhà trường Khoa GDTC Phòng TCCB	9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cụ thể, chi tiết. Dần tiến tới tự giao tự chủ cho khoa về hoạt động này. -Nhà trường cần mở thêm các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ hỗ trợ.	Nhà trường Khoa GDTC Phòng TCCB	9/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Các quy định về khen thưởng và công nhận danh hiệu của nhân viên đã đạt được. Ngoài ra, Khoa Giáo dục Thể chất cũng có văn bản quy định công việc của các CB hành chính và GV kiêm nhiệm của khoa [H7.07.05.01].

Nhà trường thường xuyên giám sát, theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên qui định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công thông qua hoạt động của phòng Thanh tra - Pháp chế, thông qua bảng chấm công hàng tháng. Khoa Giáo dục Thể chất luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho CB trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.05.02].

Nhân viên đều có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết...được thể hiện rõ trên webside của Khoa và trong đề án vị trí việc làm để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng [H7.07.05.03].

100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. [H7.07.05.04].

Những CB hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD luôn hoàn thành công việc được giao, luôn được Khoa, Nhà trường ghi nhận và xét tặng các danh hiệu

thi đua như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Khoa đã xét khen thưởng kịp thời sau một số các hoạt động cụ thể để tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc, mặc dù chưa có quy định cụ thể cơ chế khen thưởng trong Quy chế hoạt động của Khoa [H7.07.05.05].

2. Điểm mạnh

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ và nhân viên trong Khoa được công bố công khai trên trang web của Khoa. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

3. Điểm tồn tại

Chưa hoàn thiện bộ công cụ đánh giá nhân viên và chính sách khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Khoa xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc cũng như xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ nhân viên trong quá trình làm việc.	Nhà trường Khoa GDTC Phòng ban	9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện giám sát theo dõi hoạt động của nhân viên thường xuyên để việc đánh giá được công bằng công khai, đảm bảo các nhân viên hài lòng về hoạt động thi đua khen thưởng.	Nhà trường Khoa GDTC Phòng ban	9/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Kết luận của tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành GDTC có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt tình, do vậy, công việc được triển khai có hiệu quả. Ngoài ra, Khoa GDTC luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển đại học theo hướng nghiên cứu của Nhà trường.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 7 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 8

NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Giai đoạn 2016 -2020, Khoa Giáo dục Thể chất - Trường Đại học Vinh đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; PP xét tuyển, thi tuyển công khai; mặc dù tuyển sinh khó khăn nhưng trong nhiều năm liên kết quả đầu vào của sinh viên đạt chất lượng tốt điểm chuẩn cao, sinh viên tốt nghiệp ra trường có tỷ lệ tốt nghiệp đạt bằng khá, giỏi, xuất sắc cao, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy - học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học đã góp phần khẳng định uy tín, thương hiệu về chất lượng đào tạo của Khoa trong hệ thống các trường ĐH sư phạm trên cả nước góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung cho nhà trường.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.

1. Mô tả

Ngành GDTC - Khoa Giáo dục Thể chất tuyển sinh đầu vào đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Vinh [H8.08.01.01]. Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình thi tuyển, xét tuyển được xác định rõ ràng, công khai minh bạch trong Thông báo tuyển sinh xét tuyển của Nhà trường và trên Website vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh.

Năm học 2015 - 2016, Nhà trường tổ chức kì thi “Ba chung” của Bộ GD&ĐT. Quy trình xét tuyển được thực hiện rất rõ ràng, minh bạch, cụ thể là: (1) Trường ra Thông báo Điểm chuẩn tuyển sinh đại học, trong đó thông tin rõ chỉ tiêu tuyển sinh của ngành GDTC cho tổ hợp môn xét tuyển (T00) về điểm chuẩn; số lượng trúng tuyển và số chỉ tiêu xét nguyện vọng 2; thông tin xét tuyển nguyện vọng 2. [H8.08.01.02]. (2) Trường công bố phương án xét tuyển đợt 2, với những thông tin đầy đủ về chỉ tiêu, khối, điểm chuẩn NV2 [H8.08.01.03]. (3) Trường công bố Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển cho các bên liên quan [H8.08.01.04].

Nhà trường có quy trình xây dựng tiêu chí và PP tuyển chọn người học trên cơ

sở góp ý của các bên liên quan và tiêu chí, PP tuyển chọn người học trong đó có người học của CTĐT ngành GDTC được rà soát, đánh giá hằng năm. Trên cơ sở đó, năm 2016, chính sách tuyển sinh của ngành GDTC được thay đổi từ hình thức thi tuyển theo khối T00, T01 sang hình thức xét tuyển tổ hợp môn Toán, Sinh, Năng khiếu, hoặc Toán, Văn, Năng khiếu. Các môn Toán, Sinh, Văn dựa vào kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT, môn Năng khiếu được tổ chức riêng.

Từ năm 2017 đến nay Nhà Trường áp dụng các phương thức sau: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2017 và Xét tuyển học bạ THPT với các tiêu chí lấy tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của cả 3 năm THPT (06 học kỳ). Các tổ hợp được tăng lên nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác tuyển sinh của ngành và nâng cao cơ hội xét tuyển đa dạng cho thí sinh dự tuyển với 4 tổ hợp: Toán, Sinh, Năng khiếu(T00); Toán, Văn, Năng khiếu(T01); Văn, Sinh Năng khiếu(T02); Văn, GDCD, Năng khiếu(T05). Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.08.01.05]; [H08.08.01.06]; [H08.08.01.07]. [H08.08.01.08]. Tuy nhiên, ngành GDTC là ngành sư phạm đặc thù nên các em còn phải tham gia thi tuyển năng khiếu TDTT.

- Phương thức xét tuyển

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2018 không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ Xét tuyển học bạ THPT (không xét tuyển đối với các ngành sư phạm) Không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh, với các tiêu chí sau: (1) Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; (2) Tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của năm lớp 12 lấy trung bình từ 6.00 điểm trở lên. Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

+ Xét tuyển thẳng 1.

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT:

a) Đối tượng, hồ sơ, thời gian đăng ký, lệ phí tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển: Trường Đại học Vinh thực hiện theo các quy định của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2018.

b) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các

giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thể giới, Cúp thể giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục thể chất của Nhà trường. Những thí sinh 7 đoạt giải các ngành TDTT thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường

c) Thí sinh đoạt các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất

d) Xét tuyển đối với thí sinh là người nước ngoài: Trường Đại học Vinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh năm 2018. Căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh, kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định cho vào học.

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được phòng Đào tạo, trung tâm ĐBCL tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [H08.08.01.09].

Kết quả thi, xét tuyển được thông báo công khai trên Cổng thông tin tra cứu điểm thi tuyển sinh của Nhà trường; quy trình ra Quyết định trúng tuyển, gửi Giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển được thực hiện đúng quy trình và đúng tiến độ [H8.08.01.10]. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được Nhà trường tổng kết, đánh giá để điều chỉnh cho những năm tiếp theo [H8.08.01.11].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, ngành GDTC đã có số lượng thí sinh được tuyển không nhiều nhưng điểm tuyển và số lượng SV nhập học được thể hiện ở bảng 8.1; số người học đang học CTĐT ngành GDTC được thể hiện ở bảng 8.2. Số liệu thống kê cho thấy điểm chuẩn đầu vào ngành GDTC từ năm 2016 đến 2020 cơ bản vẫn giữ ổn định. Số lượng nộp đơn dự tuyển, số lượng trúng tuyển và số lượng SV nhập học đang tăng lên theo từng năm.

Bảng 8.1. Thống kê tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2016-2017	14	14	0	14	24,5	25	0
2017-2018	12	12	0	12	26	28	0
2018-2019	10	10	0	10	27	28	0
2019-2020	25	25	0	21	26,5	27	0
2020-2021	31	31	0	31	28	28,5	

Bảng 8.2. Thống kê số người học đang học chương trình GDTC
(trong 5 năm học gần nhất)

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2016-2017	14	8	7	7	6	14
2017-2018	12	4	4	4	2	12
2018-2019	10	10	10	10		10
2019-2020	21	18	18	18		21
2020-2021	31	30	30	30		31

Trong những năm qua do nhu cầu xã hội sử dụng lao động ngành GDTC còn ít nên số lượng thí sinh đăng ký thi tuyển vào ngành còn thấp. Tuy nhiên trong vài năm trở lại đây đã cho thấy điểm tích cực khi số lượng người theo học ngành GDTC đã tăng lên theo hàng năm; điểm trung bình của thí sinh trúng tuyển trong vòng 5 năm qua dao động từ 25 đến 28,5 điểm. Xu hướng này cho thấy ngành GDTC (do Trường ĐH Vinh tuyển sinh và đào tạo) ngày càng được xã hội và người học quan tâm, khi nhu cầu giáo viên ngày càng cao, chất lượng đào tạo và chất lượng đầu vào của ngành ngày càng được nâng cao.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của ngành GDTC. Chưa nắm bắt được nhu cầu thị trường sử dụng lao động.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nâng cao hiệu quả hoạt động dự báo nhu cầu dài hạn, tăng cường hoạt động quảng bá tuyển sinh, đa dạng hóa phương thức tuyển sinh - Khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.	Khoa GDTC/Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến, cập nhật chính sách tuyển sinh	Phòng đào tạo	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
1	2	3	4	5	6	7
			X			

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và PP tuyển chọn người học được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường [H8.08.02.01]. Theo đó, từ năm 2016 trở về trước, tiêu chí và PP tuyển sinh ngành GDTC được tiến hành theo đúng quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT với 2 tổ hợp môn: Khối T00 (Toán, Sinh, Năng khiếu); Khối T01 (Toán, Văn và Năng khiếu) thí sinh trúng tuyển dựa vào kết quả kỳ thi chung do Bộ GD&ĐT quy định [H8.08.02.02]. Năm 2017, công tác tuyển sinh khoa thực hiện theo quy chế tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT và phương án tuyển sinh của Nhà trường chuyển từ tuyển sinh theo hình thức ba chung của Bộ GD&ĐT sang hình thức tuyển sinh xét tuyển theo kết quả thi kỳ thi THPT Quốc gia. Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm năng khiếu x 2 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng. Việc xét tuyển dựa theo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và lấy điểm tổng từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu. Sự thay đổi quy chế tuyển sinh có sự ảnh hưởng không nhỏ tới số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học do thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng ở nhiều trường khác nhau.

Cụ thể, năm 2016, ngành GDTC có 14 SV nhập học, Năm 2017 là 12 SV, nhưng đến năm 2018 lại giảm còn 10 SV nhập học, đến năm 2019 tăng lên 21 SV, đặc biệt đến năm 2020 là 31 SV vừa đạt chỉ tiêu của Nhà trường đưa ra. Số SV nhập học từng năm thay đổi liên tục và không ổn định. Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Nhà trường đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm, đồng thời có lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về tiêu chí, PP tuyển chọn đầu vào [H8.08.02.03].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và PP tuyển chọn người học của Trường, Khoa rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành GDTC.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa khảo sát được nhu cầu đầu ra cho sinh viên sau tốt nghiệp để quảng bá tuyển sinh đến tận học sinh có nhu cầu nên chưa tạo ra sự hấp dẫn, thu hút thí sinh dự tuyển; Phương thức tuyển sinh của Trường, Khoa chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực

hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khoa sẽ khảo sát nhu cầu đầu ra của người học để từ đó làm tốt công tác quảng bá tuyển sinh hàng năm - Khoa xây dựng chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp; đảm bảo đa dạng, thực hiện nhiều hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh.	Phòng Đào Tạo, Khoa GDTC	Hàng năm	
		Từ năm học 2021 - 2022, khoa GDTC sẽ phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh.	Khoa/Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Có các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa	Khoa/Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong quy chế đào tạo đại học và quy định CTĐT ngành GDTC của Nhà trường [H8.08.03.01].

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa BCN khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Quản lý SV và Liên chi đoàn khoa, đồng thời khoa thường xuyên tổ chức chỉ đạo các lớp sinh hoạt theo định kỳ 1 tháng/lần với sự tham gia của GV chủ nhiệm nhằm tiếp nhận kịp thời ý kiến của người học [H8.08.03.02]. Ngoài ra, nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học trong *Cẩm nang sinh viên* [H8.08.03.03] nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn, theo đó số lượng tín chỉ tối thiểu đối với các kỳ học chính là 15 TC và tối đa là 30 TC, đối với học kỳ phụ (học kỳ mùa hè) tối đa là 10 TC. Trong trường hợp SV học chậm tiến độ do kết quả thi không đạt ở môn học trước đó, Khoa cho phép SV đăng ký môn học thay thế để đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn. Khoa có cơ chế phản hồi kết quả học tập của người học thông qua nhiều hình thức như thông báo trên trang thông tin SV tại student.vinhuni.edu.vn, thư gửi kết quả kết quả học tập, rèn luyện của SV cho phụ huynh [H8.08.03.04]. Trường, Khoa có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS) [H8.08.03.05]. Nhờ vậy, kết quả học tập và rèn luyện của SV được cải thiện đáng kể qua từng năm học:

Bảng 8.3. Kết quả học tập và rèn luyện của SV năm học 2019 - 2020

Ngành GDTC

Lớp/ Khóa	SL SV	Kết quả học tập					Kết quả rèn luyện				
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu, kém
57A	7	0	6	0	1	0	0	3	4	0	0
58A	4	3	1	0	0	0	0	4	0	0	0
59A	10	0	1	6	3	0	1	4	5	0	0
60A	21	0	0	3	13	5	0	6	15	0	0

Nguồn: Khoa Giáo dục Thể chất - Trường Đại học Vinh

Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong khung CTĐT của ngành, quy chế học sinh, SV của Nhà trường [H8.08.03.06]. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2011 đến 2015, CTĐT gồm 132 tín chỉ. Đối với các khóa tuyển sinh từ 2016 khung CTĐT được chia làm hai giai đoạn: giai đoạn I bao gồm 45 tín chỉ được đào tạo theo nhóm ngành, giai đoạn II bao gồm 80 tín chỉ dành cho ngành đào tạo. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2017, khối lượng học tập được quy định 125 tín chỉ. Khối lượng học tập của SV mỗi kỳ không được vượt quá 21 tín chỉ. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có học lực trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo). SV được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi kỳ học nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ. [H08.08.03.06].

Phương thức KTĐG kết quả môn học được quy định trong ĐCCT học phần cụ thể như sau: [H08.08.03.07]

- Đánh giá quá trình, gồm: Ý thức học tập, hồ sơ học phần và đánh giá định kỳ
- Đánh giá cuối kỳ, gồm các hình thi thức tự luận, trắc nghiệm hoặc đồ án, bao gồm cả về lí thuyết và thực hành
- Thang điểm: điểm 10, được chuyển sang thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định.

Hệ thống thực hiện việc giám sát trên các nội dung về quá trình đăng ký học và học tập, giám sát phẩm chất, thái độ và các hoạt động ngoại khóa. Sau khi đăng ký học thành công, SV sẽ có kế hoạch học tập rõ ràng. GV phụ trách môn học có danh sách

SV tham dự lớp của mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của SV thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua trợ lý quản lý SV, giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức và trung tâm của Nhà trường như Hội sinh viên, Đoàn thanh niên, Trung tâm HTSV&QHDN [H8.08.03.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo và quản lý SV CMC, dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch...

3. Điểm tồn tại

Giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV dựa trên hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập chưa được phát huy đúng mức.

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học;

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lý đào tạo và quản lý SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập và rèn luyện.	Trung tâm CNTT/Phòng đào tạo	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả về công tác chủ nhiệm lớp và CVHT trong công tác giám sát sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện.	Khoa/Trung tâm ĐBCL	Năm 2021	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả về học tập, sinh hoạt ngoại khóa và các hoạt động thi đua khác bởi Cố vấn học tập và đội ngũ GV chủ nhiệm các lớp [H8.08.04.01]. Cố vấn học tập có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, CVHT nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của SV và đề xuất cho BCN các hướng xử lý, hỗ trợ; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan. Khoa Giáo dục Thể chất luôn có các hoạt động và chính sách hỗ trợ SV: SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV dân tộc thiểu số. Các chính sách cấp học bổng cho SV ngành GDTC luôn được phổ biến kịp thời cho SV trong từng năm học. Nhà trường có quyết định về cấp học bổng tài trợ cho SV, năm học 2016-2017 cho 02 sinh viên, mỗi suất 400-500.000 đồng/tháng [H8.08.04.02]. Bên cạnh đó, Khoa luôn có các kế hoạch phân công CB quản lý các địa bàn có HSSV và học viên ngành GDTC tạm trú [H8.08.04.03]. Kết quả đánh giá công tác HSSV của Khoa được đánh giá Khá với tổng điểm đánh giá xấp xỉ trên 70 điểm.

Đối với những SV khóa mới, sau một tháng học tập, lãnh đạo Khoa chỉ đạo Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm, Quản lý sinh viên, Liên chi đoàn, Liên chi hội SV khoa tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ CB, GV, CTĐT, phương thức đào tạo, PP học tập trong trường đại học, tại Khoa Giáo dục Thể chất và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi

gặp mặt SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, GV, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để giải đáp và tư vấn cho SV [H8.08.04.04].

Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, quá hạn thời gian đào tạo. Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện BCN, Cố vấn học tập tư vấn, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV [H8.08.04.05].

Đoàn thanh niên và Hội SV và Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV như: Các giải thể thao; giao lưu văn hóa, các chương trình giáo dục pháp luật về an toàn giao thông... Qua mỗi hoạt động, SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng nghề nghiệp như trau dồi kiến thức và kỹ năng công tác trọng tài các môn thể thao; Kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, kỹ năng tương tác, làm việc nhóm, đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể [H8.08.04.06]. Hàng năm, công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV ngành GDTC do Liên chi đoàn, Liên chi hội SV khoa chủ trì luôn nhận được giấy khen, bằng khen của tổ chức Đoàn các cấp. Thành tích thi đua đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn [H8.08.04.07]. Đặc biệt, hàng năm SV ngành GDTC được tham các hoạt động thi đua trong tháng rèn nghề với hội thi "Nghề vụ sư phạm"; là môi trường tốt cho SV rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp [H8.08.04.08].

Nhà trường tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để SV lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp [H8.08.04.09]. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ học tập và rèn luyện, tư vấn, hướng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm học tập, rèn nghề, khởi nghiệp của SV được hỗ trợ tích cực, thường xuyên từ Trung tâm (HTSV&QHDN), Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp và Sáng tạo của Trường thông qua nhiều hình thức hoạt động đa dạng, hiệu quả, thiết thực như diễn đàn, tư vấn trực tiếp, truyền thông... [H8.08.04.10]. Tỷ lệ SV

sau khi ra trường có việc làm và mức thu nhập của người học của CTĐT tăng dần đều qua từng năm trong giai đoạn 2016 - 4/2021 đã cho thấy hiệu quả của các hoạt động tư vấn, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ trong việc giúp cải thiện kết quả học tập, tình trạng việc làm của người học của CTĐT:

Bảng 8.4. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	37	39	37	15	10
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75,68%	79,59%	94,87%	75%	71,40%
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã được các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học (%).	86,3	82,5	89,1	90,2	
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ được một phần ít</i> các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học (%).	13,7	17,5	10,9	9,8	
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không được</i> các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của	0	0	0	0	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
người học (%).					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100%	79,5%	94,8%		
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	30%	32,7%	0,6%		
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng)	3,5	4,2	4,5		
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	95%	93%	96%		
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	5%	7%	4%		
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0		

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, kết quả phản hồi hầu hết đạt từ mức hài lòng trở lên [H8.08.04.11].

Bảng 8.5. Đánh giá mức độ hài lòng của người học và cựu người học trong 5 năm gần đây

Mức độ	2016	2017	2018	2019	2020
1. Rất hài lòng	90,%	93,%	97,%	98,%	95,5,%
2. Hài lòng	86,%	85,%	87,8,%	88,2,%	87,6%
3. Không hài lòng	0	0	0	0	0

Các hoạt động tư vấn học tập được bộ môn GDTC triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khoá được SV ngành GDTC hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

Hàng năm, khoa luôn chú trọng thực hiện tốt kế hoạch, chương trình hỗ trợ người học, chương trình công tác HSSV theo định hướng của Bộ và Nhà trường. Kết quả đánh giá thực hiện công tác HSSV của khoa đạt loại xuất sắc và tốt.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

3. Điểm tồn tại

Do cơ hội tìm kiếm việc làm của SV ngành GDTC trong thời điểm hiện tại cao, nhu cầu xã hội đáp ứng tốt việc tuyển dụng việc làm cho SV ngành GDTC nên khoa và bộ môn chưa chú trọng nhiều về công tác hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khoa lập kế hoạch chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn bộ CB, GV về việc hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển	Khoa/ Phòng Đào tạo, ban tư vấn tuyển sinh, Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN	Hàng năm	

		dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp, kết nối mạng lưới cựu SV học viên của khoa để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp - Khoa đề xuất với nhà trường cho SV chuyên ngành học ở cơ sở 1 để có điều kiện về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực tổ chức các CLB học thuật ngoại khóa cho SV tham gia rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.			
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.	Khoa/ LCD, LCH sinh viên Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN	Hàng năm	

		Tiếp tục phát huy các hoạt động ngoại khóa của SV			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo quy định TCVN 3981 cho việc dạy và học [H8.08.05.01]. Hiện tại, Trường có 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 50.585,6 m². Theo đó, Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại cơ sở chính (Hội trường A, Giảng đường A4101, A4102, A4201, A4202, giảng đường số 1) và 02 giảng đường ở cơ sở 2 là giảng đường nhà A và nhà C. Từ năm 2016, Nhà trường chỉ đạo, Phòng Quản trị - Đầu tư tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo qui hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá (KTX), các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng qui mô đào tạo và NCKH [H8.08.05.02]. Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Nhà trường đã bố trí 1 phòng làm việc độc lập và 1 phòng tại Thư viện cho GV; các chuyên viên được bố trí 2 người/50 m², có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet. Ngoài ra, trường có 6 sân bóng chuyên, 4 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn ở cơ sở 2 và nhiều sân thể thao trong nhà và ngoài trời phục vụ cho CB, SV với tổng diện tích 35.000 m², 1 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho CB và người học.

Trường, Khoa có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho người học; có 4 nhà KTX 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m², với 237 phòng ở với sức chứa 1145 SV, bình quân diện tích 5,3

m² sử dụng/1 SV theo định mức 6-8 người/1 phòng. SV ngành GDTC được bố trí các phòng ở sạch sẽ và hợp lý. Cụ thể, năm 2018 có 12 SV, năm 2019 có 14 SV và năm 2020 có 20 SV được sắp xếp học tập và sinh hoạt trong KTX của trường. 100% SV phản ánh sự hài lòng khi được tạo điều kiện ở và sinh hoạt tại KTX. Cụ thể là tiền trọ và các phí sinh hoạt khác thấp hơn rất nhiều so với thuê nhà trọ ở ngoài; điều kiện học tập, đi lại thuận tiện và an toàn. Khu KTX được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đảm bảo, sinh viên khoa GDTC ở KTX tại cơ sở 2 được miễn tiền KTX [H8.08.05.03]. Ngoài ra, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí. Không gian học tập và nghiên cứu của SV ngoài giờ học chính khóa được Nhà trường tạo điều kiện tối đa. SV có phòng đọc sách thư viện sạch đẹp, tiện ích; vào dịp ôn thi, các phòng học ở các khu giảng đường A và B mở cửa từ 7h00 - 22h00 các ngày trong tuần nhằm phục vụ việc tự học, nghiên cứu của SV.

Công tác khám sức khỏe và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả [H8.08.05.04]. Giai đoạn 2016-2020, 100% SV Khoa Giáo dục Thể chất được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.05]. SV được cung cấp *Cẩm nang sinh viên* và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của CB cũng như HSSV trong Nhà trường [H8.08.05.06]. Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC), an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.07].

Hàng năm, SV khoa GDTC được lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường, khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Số liệu thống kê cho thấy 100% SV Khoa Giáo dục Thể chất hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường và Khoa [H8.08.05.08].

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

Người học được học tập trong môi trường có đầy đủ tài liệu giáo trình, sách tham khảo, có phòng học tập và nghiên cứu cho sinh viên tự học.

3. Điểm tồn tại

Công tác tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV chưa được Khoa, Trường tổ chức thường xuyên và hiệu quả. Công tác bảo vệ môi trường và xử lý rác thải chưa được đầu tư thích đáng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong năm học 2021-2022, Nhà trường cần bố trí nhiều phòng tự học cho sinh viên tại các giảng đường A,B,D Đề xuất trồng nhiều cây xanh và vệ sinh sạch sẽ khu vực các sân học TDTT tạo môi trường trong lành sạch sẽ mát mẻ cho người học.	- Phòng Quản trị và Đầu tư	Từ năm 2021	
		Tuyên truyền, phổ biến cho sinh viên khoa GDTC thực hiện tốt nếp sống văn hoá trong Nhà trường.	- Khoa GDTC - Đoàn thanh niên, Hội SV	Từ năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy các điểm mạnh sẵn có, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện quy hoạch tổng thể tạo môi trường học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cho người học.	Phòng Quản trị- Đầu tư	Năm 2022	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của khoa GDTC. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của khoa và Nhà trường. Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 9

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Trường Đại học Vinh đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm, nhà thi đấu đa năng, sân vận động và các sân học các môn thể thao khác... với nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, v.v... mà Khoa Giáo dục Thể chất đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hiện nay, Trường Đại học Vinh được UBND tỉnh Nghệ An cho phép sử dụng diện tích đất khá lớn, đủ để xây dựng hệ thống phòng học và phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp cho việc tổ chức đào tạo, đủ điều kiện để mở rộng và phát triển dần qui mô đào tạo [H9.09.01.01].

Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Vì thế, các phòng ban, trung tâm và các khoa đào tạo trong Trường đều được bố trí phòng làm việc riêng biệt. Mỗi trưởng đơn vị được bố trí 1 phòng làm việc độc lập có diện tích 20m²; có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet; mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa từ 40m²- 80m²tùy theo qui mô của từng khoa.

Hiện tại, nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864m² cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các CB, GV và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, GV cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của tổ bộ môn [H9.09.01.02].

Trường Đại học Vinh có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của sinh viên khoa GDTC. Từ năm 2018, tất cả các

phòng học lớn đều có máy điều hòa nhiệt độ. Các phòng học tin học có hệ thống máy vi tính hiện đại kết nối mạng. Các phòng học ngoại ngữ có máy tính nối mạng, có phần mềm phù hợp; trang thiết bị chuyên dụng và hiện đại [H9.09.01.03].

Ngoài ra, Khoa Giáo dục Thể chất còn được trang bị nhà thi đấu, 02 sân vận động và các sân tập của các môn thể thao khác nhau... Đến năm học 2016-2017, với số lượng 19.456 SV chính qui, diện tích phòng học bình quân đạt 2,63 m²/người học, diện tích phòng thí nghiệm, thực hành đạt 0,72 m²/người học. [H9.09.01.04].

Về văn phòng, hiện tại Khoa Giáo dục Thể chất có 02 phòng làm việc ở tầng 3 Nhà hành chính cơ sở 2, 01 phòng chung và 01 phòng của BCN khoa. [H9.09.01.05].

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường. Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành GDTC. [H9.09.01.06].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 63,4% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 28,4% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%)... [H9.09.01.07].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm, nhà thi đấu đa năng, sân vận động lớn và các sân tập các môn thể thao khác nhau với trang thiết bị hiện đại, phù hợp với ngành GDTC, phục vụ cho dạy học lý thuyết, thực hành và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có các phòng nghỉ giữa giờ cho GV khi dạy thực hành ở các khu thể thao. Chưa có không gian để các tổ bộ môn sinh hoạt chuyên môn, trợ lý đào tạo, các cố vấn học tập, các GV làm việc với SV...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng seminar cho các tổ bộ môn, các phòng nghỉ uống nước giữa giờ ngoài khu TDTT...	Phòng Quản trị - Đầu tư; Phòng KHTC	9/2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các điểm mạnh đã có	Phòng Quản trị - Đầu tư; Phòng KHTC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả

Được thành lập năm 1959, hiện nay, Thư viện Trường có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào” (gọi tắt là Trung tâm TTTV). Trung tâm TTTV được sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 29.000m² bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi [H9.09.02.01]. Trung tâm TTTV được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Trung tâm TTTV có những nội quy, quy định rõ ràng nhằm phục vụ bạn đọc tốt hơn.

Trung tâm TTTV có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và người học. Tính đến tháng 8/2016, về tài liệu truyền thống, Trung tâm TTTV có khoảng 26.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.500 luận án và luận văn. [H9.09.02.02]. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hằng năm. [H9.09.02.03]. Các đầu sách của Trung tâm TTTV đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường. Nguồn tài liệu của Trung tâm TTTV được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện [H9.09.02.04]. Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường [H9.09.02.05]. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm TTTV đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Trung tâm TTTV đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Chẳng hạn, năm 2019, Trung tâm TTTV đã tham gia vào Liên hiệp thư viện Việt Nam và đóng kinh phí dùng chung CSDL.[H9.09.02.06].

Trong 5 năm, từ 2014 - 2019, số lượt người học và GV mượn tài liệu đạt 332.533 lượt, bình quân 73.896 lượt/năm, không tính lượt download tài liệu. Công tác chuyên môn nghiệp vụ của thư viện đã được chuẩn hóa, đảm bảo việc liên thông liên kết với các thư viện trong nước và quốc tế. Công tác thông tin, giới thiệu sách luôn được Trung tâm TTTV quan tâm thường xuyên. Số lượng sách, tài liệu tham khảo dùng cho ngành GDTC lên tới 1750 đầu sách. Trong đó, có nhiều tiểu luận, luận văn thạc sĩ về khoa học GD của SV, học viên cao học Trường Đại học Vinh [H9.09.02.07]. Tuy nhiên, số đầu sách tính theo từng chuyên ngành đào tạo chưa đồng đều; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo cao học còn chưa phong phú.

Hiện nay Thư viện hiện đang sử dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử Kipos phiên bản 4.0 [H9.09.02.08]. Để khắc phục một số hạn chế của phần mềm này, ban đọc có thể cập nhật, lấy dữ liệu, khai thác với thư viện ĐHQG Hà Nội, ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh, Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, sử dụng giải pháp thư viện số Elib -Tailieu.vn của công ty TNHH tài liệu trực tuyến VINA... thông qua mạng quốc tế Internet [H9.09.02.09].

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống thư viện của Nhà trường. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành GDTC cho thấy GV và SV rất hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Có 63% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; Có 24.2% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là khá [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh

Trung tâm TTTV của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, đáp ứng cơ bản nhu cầu của người học và GV. Thư viện điện tử cho phép GV và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về từ cơ sở dữ liệu của Trường cũng như từ các thư viện trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành GDTC có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời và còn ít; tài liệu dùng cho đào tạo sau đại học ngành GDTC còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung đề cương chi tiết các học phần còn thiếu Bổ sung các tài liệu chuyên ngành TDTT	Thư viện/khoa GDTC	9/2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các điểm mạnh đã có	Thư viện/khoa GDTC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh đã thành lập Trung tâm Thực hành -Thí nghiệm, ban hành quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của Trung tâm với các đơn vị trong toàn trường [H9.09.03.01]. Nhà trường cũng đã có những quyết định liên quan đến việc quy hoạch phòng thực hành, thí nghiệm, quy định quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị; quản lý có hiệu quả cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.03.02]. Hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm đã được sơ đồ hóa [H9.09.03.03].

Phục vụ cho việc rèn luyện TDDT cho SV, Khoa Giáo dục Thể chất còn được bố trí 02 phòng ở nhà A (cơ sở 2) phục vụ cho sinh viên tự học tập và sinh hoạt...Ngoài ra sinh viên khoa GDTC còn được sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị dụng cụ TDDT để phục vụ cho việc học tập ngoại khóa và thi đấu giao lưu thể thao thường xuyên. Mặt khác, nhà trường còn bố trí cho Khoa 01 phòng kho đựng dụng cụ TDDT ở tầng 1 nhà số 2 làng sinh viên cơ sở 2 [H9.09.03.06].

Tất cả các cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường được bổ sung, sửa chữa hằng năm nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H9.09.03.08]. Mặc dù ở cơ sở 2 một số sân bãi dụng cụ còn chưa được đầy đủ như nhà tập đa năng, nhà học môn bóng bàn, cầu lông, sân tennis, bể bơi...cây xanh ở các sân học TDDT ngoài trời còn ít cây xanh. Tuy nhiên GV và người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng đối với cơ sở vật chất, thiết bị của Nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về cơ sở vật chất cho thấy: có 63,4% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 28,4% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-80%)... [H9.09.03.09].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường thực hành nghề nghiệp đảm bảo đáp

ứng yêu cầu đào tạo của ngành GDTC cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, còn phục vụ tốt cho hoạt động NCKH và thực hiện đề tài, dự án các cấp. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Các phòng thực hành một số môn học còn thiếu hoặc chưa đảm bảo về mặt chuyên môn, khu vực các sân học ngoài trời ở cơ sở 2 không có hệ thống cây xanh mái tôn để có bóng im nghỉ ngơi giải lao khi SV học tập giữa thời tiết trời nắng nóng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với nhà trường trồng thêm nhiều cây xanh ở khu vực các sân TDTT, mua sắm thêm cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo. Đặc biệt đề xuất nhà trường cho sinh viên chuyên ngành học tại cơ sở 1 để tận dụng cơ sở vật chất hiện đại đầy đủ sẵn có.	Nhà trường/ Phòng QTĐT/khoa GDTC	9/2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các điểm mạnh đã có	Nhà trường/ Phòng QTĐT/khoa GDTC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường có Trung tâm CNTT có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng v.v. đều do Trung tâm CNTT đảm nhiệm [H9.09.04.01].

Trường Đại học Vinh được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hiện nay, Trường có 1046 bộ máy vi tính để bàn, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 716 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và điều hành là 330 bộ, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Từ năm 2011, Nhà trường trang bị máy tính xách tay cho tất cả 572 CB quản lý, trưởng bộ môn và các trợ lý đào tạo, các GV có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H9.09.04.02]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet, đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học [H9.09.04.03]. CB, GV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ... @vinhuni.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường.

Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý của CMC để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống iOffice, CMC [H9.09.04.04]. Nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống CNTT trong toàn Trường [H9.09.04.05]. Bên cạnh đó, việc tập huấn CNTT cho CB cũng được tổ chức thường xuyên [H9.09.04.06]. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm, phần mềm CMC được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu của quản lý mới cũng gây nên một số khó khăn cho GV và SV trong quá trình sử dụng.

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về CNTT như sau: có 58.7% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 22.8% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%).

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường đã được tin học hóa, đã sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.

3. Điểm tồn tại

Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS hỗ trợ hoạt động dạy học còn ít chức năng, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường nâng cấp hệ thống CNTT, đặc biệt chú trọng việc phát triển các phần mềm quản lý hoạt động dạy học, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập internet của GV, SV; nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo của ngành. Nâng cấp hoàn thiện phần mềm LMS để phục vụ công tác giảng dạy và học tập cho SV	Nhà trường/ TT CNTT	9/2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các điểm mạnh đã có	Nhà trường/ TT CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh có các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn trên cơ sở các quy định của Chính phủ, Bộ, Ngành liên quan. [H9.09.05.01].

Nhà trường đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn bằng những hành động cụ thể:

Về môi trường, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học. Bên cạnh đó, Nhà trường kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường. Phòng trào “*Chủ nhật xanh*” được phát động và thực hiện thường xuyên tạo cho môi trường cảnh quan của Trường Đại học Vinh thực sự “xanh, sạch, đẹp”. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường; Phun thuốc muỗi và côn trùng định kỳ đảm bảo vệ sinh an toàn cho người học và cán bộ trong nhà trường [H9.09.05.02]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác vệ sinh môi trường như sau: có 66.1% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 25.6% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%). [H9.09.05.02]

Về việc bảo vệ sức khỏe cho CB và HSSV, Trường có Trạm Y tế riêng, với diện tích mặt bằng là 505 m², diện tích sử dụng 360 m², với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của SV khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.09.05.03]. Trạm Y tế thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.09.05.04]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác chăm sóc sức khỏe của Nhà trường như sau: có 51.5% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 29.8% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%).

Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn

được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ [H9.09.05.05]; điều động SV tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ [H9.09.05.06].

Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng, qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ [H9.09.05.07]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh Phòng Bảo vệ, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu, Đội Thanh niên xung kích [H9.09.05.08]. Đến đầu năm 2018, nhằm nâng cao hiệu quả, chuyên nghiệp hóa công tác an ninh trường học, Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty vệ sĩ để bảo đảm an toàn cho con người và tài sản [H9.09.05.09].

Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và trong Nhà điều hành. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng, cụ thể [H9.09.05.10].

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác an ninh, trật tự của Nhà trường như sau: có 64.1% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 26.1 đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70 - 89%).

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho

CB và SV; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của CB và SV.

3. Điểm tồn tại

Một số khu nhà học và làm việc trường chưa có lối đi riêng cho sinh viên khuyết tật; diện tích cây xanh của Trường chưa nhiều đặc biệt tại các khu vực sân học các môn thể thao; thùng rác công cộng trong khuôn viên trường chưa đủ, chưa thực hiện phân loại rác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trồng thêm cây xanh trong khuôn viên trường nhất là khu vực học các môn thể thao, đồng thời qui hoạch lối đi riêng biệt cho SV khuyết tật có thể chủ động đi lại; đặt thêm các thùng rác ở khu giảng đường, thực hiện phân loại rác để đảm bảo vệ sinh, góp phần bảo vệ môi trường.	Nhà trường/ Phòng QTĐT	9/2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các điểm mạnh đã có	Nhà trường/ Phòng QTĐT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trường Đại học Vinh có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp phục vụ cho hoạt động rèn luyện nghề nghiệp của sinh viên, hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác và hoạt động NCKH.

Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; tuy nhiên, đối với ngành GDTC tài liệu có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời. Mặc dù vẫn còn thiếu một số phòng học tập các môn thể thao đặc thù và chưa được trang bị phù hợp với đặc trưng của hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề của SV ngành GDTC nhưng hệ thống phòng học lý thuyết đáp ứng đủ về số lượng, được trang bị hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt hoạt cho động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống CNTT đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 9 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 10

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV ngành GDTC đạt được CDR đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Giáo dục Thể chất nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống. Từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả

Để có CTĐT đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, Khoa Giáo dục Thể chất đã kết hợp với Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.01]. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó các bước khảo sát và tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, để xây dựng và phát triển CTĐT được khoa rất chú trọng [H10.10. 01.02].

Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTĐT được thực hiện định kỳ có tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2013 - 2019, CTĐT ngành GDTC đã được điều chỉnh 3 lần (năm 2013, 2015, 2016, 2017) [H10.10. 01.03]. Lần điều chỉnh năm 2013 theo hướng nâng cao tỷ lệ thực hành, rèn luyện NVSPTX, thực tập rèn nghề cho SV bằng việc xây dựng 4 HP Rèn luyện NVSPTX, bổ sung HP Thực hành PPDH bộ môn, đưa 2 học phần Chuyên ngành làm học phần thay thế tốt nghiệp và được thực hiện từ khóa đào tạo 53, 54. Lần điều chỉnh năm 2015 trên cơ sở giữ nguyên tổng số tín chỉ và cấu trúc CTĐT nhưng thay đổi tên một số HP để phù hợp với định hướng đổi mới hình thức tổ chức của chương trình GDTC. Lần điều chỉnh

năm 2016 theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần bằng việc giảm tổng số tín chỉ từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ được thực hiện từ khóa đào tạo 57. Nhờ vậy, CTĐT ngành GDTC qua điều chỉnh lần này đã đáp ứng được quan điểm tăng cường tính thực hành, rèn luyện kỹ năng; giảm tải nội dung kiến thức mang tính lý thuyết, hàn lâm. Lần điều chỉnh năm 2017 theo hướng đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại theo định hướng phát triển năng lực người học, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội bằng việc xây dựng Khung CTĐT tiếp cận CDIO được thực hiện từ khóa đào tạo 58 [H10.10.01.04].

Đối với SV đang học tập tại trường, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của GV để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTĐT định kỳ. Nhà trường đã xây dựng bộ công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến người học và các bên liên quan đến quá trình đào tạo. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, hoạt động KTĐG và cơ sở vật chất. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết SV (trên 90%) được hỏi ý kiến đều hài lòng với PP và năng lực giảng dạy của GV, hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường ĐH Vinh [H10.10.01.05].

Hàng năm, thông qua việc tổ chức thực tập sư phạm cuối khóa cho sinh viên ngành GDTC, các phản hồi của sinh viên trong quá trình thực tập sư phạm cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTDH là các tư liệu rất quý để nhà trường chỉ đạo các khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTDH ngày càng hoàn thiện hơn [H10.10.01.06].

Hàng năm, thông qua việc tổ chức rèn luyện NVSP, kiến tập, thực tập thực cho SV ngành GDTC, Khoa đã thu thập các phản hồi của SV trong quá trình thực hành, thực tập rèn nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTĐT. Đây là các tư liệu quan trọng và hữu ích để Nhà trường chỉ đạo các khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTĐT [H10.10.01.07].

Nhà trường sau khi kết thúc một khóa học đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi về chất lượng CTĐT ngành GDTC từ người học sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.08]. Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan đã giúp đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT, PP tổ chức đào tạo và đào tạo SV ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường. Hoạt động lấy phản hồi được tiến hành qua hệ thống Phiếu khảo sát online (đối với SV đang học) và qua kênh liên lạc của cựu sinh viên, hệ thống

email, facebook và điện thoại (đối với cựu SV) [H10.10. 01.09].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

Nhà trường chưa bố trí cho Sv ngành GDTC đi thực tế chuyên môn và Khoa chưa tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học để lắng nghe các ý kiến trao đổi từ các bên liên quan về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tiến hành xây dựng mạng lưới các cơ sở giáo dục sử dụng lao động liên kết để có hợp tác chặt chẽ hơn trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT. - Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.	- Phòng CT CTHSSV; - TT ĐBCL; - TT PVS& QHDN - Khoa GDTC	Hàng năm, kể từ năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ theo kế hoạch sẽ tiến hành đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở	- Phòng Đào tạo; - TT ĐBCL;	Hàng năm	

		rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.	- TT PVSV& QHDN - Bộ phận ĐBCL Khoa		
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTĐT ngành GDTC được thiết kế theo 3 khối kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Trường Đại học Vinh có quy trình thiết kế và phát triển CTDH, từ việc xác định mục tiêu, CDR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế... [H10.10.02.01]

CTĐT được thiết lập căn cứ vào CDR ngành GDTC, trường Đại học Vinh và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường [H10.10.02.02]. Từ năm 2013, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành GDTC được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến theo từng khóa học, cụ thể vào các năm 2013, 2015, 2016, 2017 để phù hợp với nhu cầu thực tiễn. CTĐT của khóa học 54 (tuyển sinh năm 2013) áp dụng theo Quyết định số: 2769/QĐ-ĐHV ngày 18/9/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh; khóa học 56 áp dụng theo quyết định 3357/QĐ-ĐHV năm 2015; khóa học 57 áp dụng theo quyết định 1002/QĐ-ĐHV năm 2016; khóa học 58 áp dụng theo quyết định 747/QĐ-ĐHV năm 2017 [H10.10.02.03]. Kể từ năm 2018, học phần Thực tập tốt cuối khóa của CTĐT ngành GDTC (khóa 55, 56, 57) được điều chỉnh, cải tiến tổ chức kết hợp hai hình thức là thực tập tại các cơ sở giáo dục và học kỹ năng mềm [H10.10.02.04].

Việc xây dựng ĐCCT các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật đã được thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường: Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần [H10.10.02.05]; Bộ môn phụ trách xây dựng ĐCCT theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của Khoa, Trường họp và thông qua ĐCCT các học phần [H10.10.02.06]. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT thì việc xin ý kiến đóng góp của phản hồi từ các bên liên quan, phân tích và lựa chọn dữ liệu, đề xuất thay đổi và lấy ý kiến chuyên gia - có cả sự tham vấn của chuyên gia nước ngoài [H10.10.02.07].

2. Điểm mạnh

Xây dựng và phát triển CTDH được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các bên liên quan. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTĐT. Việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH chủ yếu phụ thuộc vào sự chỉ đạo từ phía Nhà trường và sự thay đổi của Chương trình giáo dục phổ thông.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTĐT. Việc cải tiến và phát triển CTĐT sẽ được căn cứ theo chiến lược của Nhà trường và ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	- Phòng Đào tạo; - Khoa GDTC	Hàng năm, kể từ năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy những điểm mạnh đã có	- Phòng Đào tạo; - Bộ phận ĐBCL Khoa	Hàng năm, từ năm 2021	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Quá trình dạy học và các quy định về kiểm tra đánh giá được nhà trường rất chú trọng [H10.10.03.01]. Hàng năm, sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường làm nhiệm vụ thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra, thi về cho các khoa đảm nhiệm cũng như từng Bộ môn để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra, thi [H10.10.03.02].

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành GDTC, Khoa Giáo dục Thể chất cũng đề ra quy trình đánh giá học phần dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì [H10.10.03.03]. Các hình thức KTĐG đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch.

Mặt khác, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức KTĐG cho từng lần KTĐG cụ thể của từng học phần. Các lần KTĐG trong một học kỳ bao gồm: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.04]. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao.

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá quá trình dạy-học và kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT, đồng thời theo dõi, giám sát hoạt động giảng dạy của GV. Đây là căn cứ để Khoa có kế hoạch điều chỉnh CĐR và CTĐT tương thích với nhau. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được người học đánh giá cao [H1.01.03.05].

Việc dự giờ các GV được bộ môn thường xuyên thực hiện trong năm học. Bộ

môn thường xuyên phát động phong trào dự giờ đánh giá đối với tất cả GV, đặc biệt với những GV lần đầu tham gia giảng dạy một học phần mới, nhằm đóng góp ý kiến cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các PP giảng dạy, cách thức tiến hành KTĐG kết quả học tập của người học. Việc làm này được tiến hành ở nhiều học phần khác nhau [H6.06.03.06].

Việc KTĐG kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 70%. Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay đổi, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần và hồ sơ học phần) chiếm tỷ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50% [H6.06.03.07]. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có quy định về trọng số điểm. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Quy định về hình thức KTĐG cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Một số học phần được tổ chức thi đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ theo hình thức Test online.

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện nghiêm túc theo đúng lịch trình của Trung tâm ĐBCL. Việc chấm thi, vào điểm và công bố kết quả thi được thực hiện nghiêm túc theo quy chế của Trường [H10.10.03.08]. Kết quả học tập của SV được quản lý chặt chẽ và được thanh tra kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu KTĐG SV [H10.10.03.09].

Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập thông qua website của Nhà trường; kết thúc mỗi học kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng của Nhà trường phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động KTĐG. 100%

các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành GDTC đều được lấy ý kiến [H10.10.03.10]. Sau khi thu thập dữ liệu và phân tích các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, Khoa và Bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp Trường cũng như cấp bộ môn qua đó GV xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học được tổ chức và thực hiện bài bản, chất lượng ngày càng cao.

Quy trình KTĐG được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc khách quan và được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn. Các hình thức KTĐG đa dạng, linh hoạt, phù hợp

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thường xuyên thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của GV, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tăng cường lấy ý kiến từ người học, đồng nghiệp về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Thực hiện rà	Khoa GDTC	Kể từ năm 2021	

		soát, trích dẫn tài liệu trong các bài thi, tiểu luận của sinh viên.			
2	Phát huy điểm mạnh	Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên hơn nữa để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra	- Phòng CTCT HSSV; - Bộ phận ĐBCL Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Trong những năm qua Khoa rất chú trọng đến hoạt động NCKH và đây là hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường Đại học Vinh [H10.10.04.01]. Nhà trường và Khoa Giáo dục Thể chất có quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của GV và SV. Hàng năm, GV và SV khoa tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học.

Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận

các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [H10.10.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và người học trong toàn trường [H10.10.04.03]. Hàng năm, GV Khoa Giáo dục Thể chất luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng PP PPGD; Hàng năm Khoa cử GV và SV tham gia các Hội nghị khoa học chuyên ngành GDTC-TDĐT nhằm giao lưu giữa các GV cũng như người học với những GV, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước về lĩnh vực TDĐT [H10.10.04.04].

Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành nhiều. [H10.10.04.05]. Số lượng và các loại hình nghiên cứu của GV trong 5 năm học vừa qua thống kê cụ thể như sau:

Bảng 10.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	1	1	3	1	3,5
4	Tổng		1	1	1	3	1	3,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 3,5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,78

Bảng 10.2. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)

								quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	2	1	1	6,0
3	Sách tham khảo	1,0	2	0	0	0	0	2
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		2	0	2	1	1	8,0

*** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số sách (quy đổi): 48,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 1,24

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động giảng dạy tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu được sử dụng làm tài liệu học tập và nghiên cứu cho SV trong quá trình đào tạo [H10.10.04.06].

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH) [H10.10.04.07].

Hàng năm, nhà trường thông báo đăng ký đề tài NCKH SV [H10.10.04.08] để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành GDTC đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo như: Lựa chọn các giải pháp nâng cao chất lượng các môn thể thao; Ứng dụng các bài tập chuyên môn nhằm nâng cao thành tích thể thao... Vận dụng các hệ thống lý thuyết hiện đại của khoa học chuyên ngành TDTT vào quá trình dạy học các môn học ở trường phổ thông,... Đồng thời, từ đó giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các tiểu ban do Hội đồng KHĐT khoa đề xuất. Các đề tài tiêu biểu được cử tham gia các Hội thảo khoa học chuyên ngành, Hội nghị SV NCKH chuyên ngành của các trường đào tạo TDTT. Công tác NCKH của SV tiếp tục phát triển, số lượng đề tài tăng nhanh, chất lượng các đề tài tốt và tương đối đồng đều, số SV tham gia ngày càng nhiều. [H10.10.04.09].

Thành tích NCKH của SV được thống kê qua các bảng sau:

Bảng 10.3. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT
tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ, Ngành*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	3	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	3	2	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ, Ngành hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Bảng 10.4. Thành tích NCKH của SV

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	0	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

2. Điểm mạnh

Khoa Giáo dục Thể chất có đội ngũ GV có năng lực và tích cực tham gia nghiên cứu khoa học; có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV tham gia NCKH

Các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là PVCĐ và kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm khoa chưa tổ chức Hội nghị SV NCKH thường xuyên, các đề tài SV NCKH cấp trường chưa được chú trọng và tham gia đầy đủ, Các đề tài NCKH đang

còn ít được ứng dụng vào việc giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thúc đẩy GV trong đơn vị tích cực làm tốt công tác NCKH để góp phần nâng cao công tác đào tạo của khoa - Hình thành các nhóm NCKH theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo. - Tổ chức Hội nghị SV NCKH cấp khoa tạo môi trường học tập và NCKH trong SV từ đó lựa chọn các đề tài xuất sắc tham gia Hội nghị SV NCKH cấp trường và cấp ngành toàn quốc.	- Khoa GDTC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Có chính sách khuyến khích, tạo động lực trong NCKH đối với các NCKH (viết bài đăng tạp chí quốc tế có chỉ số ISI, SCI và Scopus, hội thảo khoa học bằng tiếng Anh,...) - Tăng cường các nghiên cứu ứng dụng, gắn với	- Trường Đại học Vinh, - Khoa GDTC	Hàng năm	

		thực tiễn của địa phương.			
--	--	---------------------------	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 10.5: *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến*

1. Mô tả

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) hỗ trợ tốt công tác giảng dạy, học tập và NCKH tại trường ĐH Vinh [H10.10.05.01].

Trung tâm TTTV của Nhà trường đã nhiều hoạt động hỗ trợ như: phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc Thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. Kết quả thăm dò lấy ý kiến cho thấy, GV và SV ngành GDTC về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của Trung tâm TTTV [H10.10.05.02]. Tính đến tháng 8/2018, Trung tâm TTTV có khoảng 1750 đầu sách dành cho ngành GDTC, 129 loại báo và tạp chí, 455 luận án và luận văn và gần 20 tài liệu, giáo trình ngành GDTC [H10.10.05.03]. Hàng năm, thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ GV và sinh viên.

Về CNTT đã được Nhà trường chú trọng trong mọi hoạt động. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của Trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm CNTT), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi người

học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT [H10.10.05.04].

Về phía Khoa, BCN khoa GDTC phân công giáo viên chủ nhiệm quản lý lớp, hàng tháng giáo viên chủ nhiệm tham dự các phiên họp của lớp để nắm bắt tình hình để có thể hỗ trợ tốt nhất đến người học. Bên cạnh đó, Khoa có cố vấn học tập trẻ trung năng động nhiệt tình sát sao với SV để giúp đỡ tư vấn cho các em được tốt hơn trong học tập và rèn luyện, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở cố vấn học tập duy trì đều đặn lịch làm việc với SV 2 lần/1 tuần [H10.10.05.05].

Khoa có Trợ lý đào tạo, Trợ lý ĐBCL, Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của CB công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành GDTC có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website của Khoa, Trường và thông qua cuộc họp của CB lớp đầu năm, các cuộc họp với quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, v.v [H10.10.05.06].

Sau khi thu tập những ý kiến phản hồi từ những đối tượng sử dụng dịch vụ, với những thông tin phản hồi của SV liên quan và thuộc thẩm quyền xử lý của cấp Khoa, BCN khoa cùng với các thành viên liên quan (Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, Quản lý HSSV & chuyên viên văn phòng, GV chủ nhiệm) sẽ có cuộc họp để đưa ra những phương án xử lý kịp thời. Những phản hồi liên quan tới cấp Trường, Ban giám hiệu trường sẽ có quyết định những chỉ đạo về từng bộ phận liên quan [H10.10.05.07].

Quy trình cuối cùng và chặt chẽ để kiểm chứng lại hiệu quả của những điều chỉnh là những cuộc họp rà soát chất lượng dịch vụ nhằm cải tiến chất lượng. Với những nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Giáo dục Thể chất nói riêng luôn mong muốn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đạt chất lượng nhất cho những CB, GV và người học.

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh

giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của trường Đại học Vinh;

3. Điểm tồn tại

Một số mục nhỏ về cơ sở vật chất, tư liệu chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Phòng quản trị cần rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt. - Thư viện cần đầu tư mua thêm sách chuyên ngành TDTT và các tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận CDIO.	Phòng QT&ĐT Thư viện	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi học phần. Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, người học, nhà tuyển dụng)	Nhà trường và khoa GDTC	2021	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trong những năm gần đây, Nhà trường và khoa đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị dân chủ sinh viên”, “Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên”, “Hội nghị CB trẻ” và “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng năm Nhà trường và khoa thường xuyên tiến hành các cuộc họp báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp căn cơ, hiệu quả [H10.10.06.01].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình dạy học, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của người học ngành GDTC được thực hiện mang tính hệ thống. Phòng Công tác CT HSSV là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.02]. Trường Đại học Vinh đã xây dựng quy trình, ban hành quy định về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, trên cơ sở đó lập kế hoạch khảo sát và hướng dẫn các bộ phận trong việc triển khai khảo sát. Nhà trường thực hiện việc khảo sát trực tuyến (dựa trên sự tích hợp ở phần mềm quản lý đào tạo CMC) thông qua gửi đường link cho các bên liên quan. Ngoài ra, việc khảo sát được thực hiện bằng việc gửi phiếu điều tra (bản cứng) cho các đối tượng liên quan [H10.10.06.03]. Trên cơ sở kế hoạch khảo sát, Nhà trường thông báo tới các đơn vị liên quan và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H10.10.06.04]. Năm 2016, Khoa cũng đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong việc phát triển CTĐT ngành GDTC theo hướng tiếp cận CDIO. Bằng PP phát phiếu điều tra gửi đến 5 đối tượng bao gồm SV, cựu SV, GV, nhà khoa học và nhà tuyển dụng. Thông tin thu thập là cơ sở để Khoa GDTC cải tiến và phát triển chuẩn đầu ra, CTĐT [H10.10.06.05].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức thực hành Rèn luyện NVSP thường xuyên thông qua các môn học thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm cho SV của ngành. Bộ môn PP lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động rèn luyện NVSP, lên

kế hoạch đi kiểm tra thực tập sư phạm ở các trường phổ thông. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.06.06].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến định kỳ. Hàng năm, phòng CT CTHSSV tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập [H10.10.06.07]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, các đơn vị đầu mối (phòng CT CTHSSV, Khoa Giáo dục Thể chất) gửi kết quả khảo sát cho các Bộ môn, cho GV giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học [H10.10.06.08]. Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, Khoa GDTC phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển CTDH [H10.10.06.09].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường phân tích các thông tin phản hồi về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin - Tăng cường tuyên truyền cho người học về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính	Phòng Công tác CT HSSV Khoa GDTC	Từ năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi học phần. Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, người học, nhà tuyển dụng)	Phòng Công tác CT HSSV Khoa GDTC	Từ năm 2021	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo của ngành GDTC được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo

dục, GV, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Hoạt động NCKH thông qua đề tài, bài viết cho hội nghị, hội thảo luôn được GV và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và người học trong dạy-học và NCKH.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có 6/6 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 11

KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Trường Đại học Vinh là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho vùng Bắc Miền Trung. Ngành GDTC là ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh chất lượng đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển đại học cũng như kỳ thi THPT quốc gia hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Sau khi trúng tuyển, SV được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hàng năm Nhà trường và Khoa Giáo dục Thể chất đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT Khoa GDTC tập trung nghiên cứu theo định hướng NCKH của Trường và Khoa. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống ĐBCL.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng Công tác CT HSSV và đội ngũ Quản lý SV chịu trách nhiệm quản lý tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của người học. Hàng năm tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành GDTC được xác lập và giám sát chặt chẽ [H11.11.01. 01].

Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Quản lý SV của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên BCN Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Quản lý sinh viên, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập đều có sự

trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Quản lý sinh viên, Cố vấn học tập; Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học (minh chứng). Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường [H11.11.01.01.02]. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV Khoa GDTC được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, SV thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.01.03]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm [H11.11.01.04] được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

Bảng 11.1. Tỷ lệ sinh viên thôi học giai đoạn 2016-2020
ngành GDTC

TT	Năm tuyển sinh (khóa đào tạo)	SL SV nhập học	Tỷ lệ SV thôi học	Trong đó, tỉ lệ thôi học (%)			
				Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4 và tiếp theo
1	2016 (Khóa 57)	14	8/57,1%	4/28,6%	3/21,4%	1/7,1%	0
2	2017 (Khóa 58)	12	8/66,7%	3/25%	5/41,7%	0	0
3	2018 (Khóa 59)	10	0/0	0	0	0	0
4	2019 (Khóa 60)	21	1/4,76%	1/4,76%	0	0	0
5	2020 (Khóa 61)	31	1/3,22%	1/3,22%	0	0	0
	Cộng	88	18	9	8	1	0

Nguồn: Phòng Công tác Chính trị - HSSV

Giai đoạn 2016 - 2020, tỉ lệ sinh viên thôi học dao động trong mức từ 3,22% đến 66,6%, bình quân chiếm khoảng 20,5% so với số lượng sinh viên nhập học. Nếu xét theo năm 2018 trở lại đây thì tỉ lệ thôi học của các khóa đào tạo có xu hướng giảm mạnh.

Bảng 11.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2016-2020
ngành GDTC

TT	Khóa (niên khóa)	SL SV nhập học	Tỷ lệ SV tốt nghiệp	Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp (%):			
				Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6 trở đi
(A)	(B)	(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khóa 53 (2012- 2016)	37	37	0	37	0	0
2	Khóa 54 (2013- 2017)	49	39	0	39	10	0
3	Khóa 55 (2014- 2018)	39	37	0	37	2	0
4	Khóa 56 (2015- 2019)	20	15	0	15	5	0
5	Khóa 57 (2016- 2020)	14	10	0	10	4	0
	Cộng	159	138	0	138	21	0

Nguồn: Phòng Đào tạo

Tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn, cũng như tổng tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành GDTC giai đoạn này có tỷ lệ cao. Điều này chứng tỏ Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp thường xuyên, tích cực hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo, đã thực hiện giám sát và cải tiến kết quả đào tạo của ngành GDTC.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lí và hỗ trợ sinh viên đến cấp Khoa/Viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

- Chưa thực hiện những đối sánh về tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học giữa ngành GDTC của trường Đại học Vinh với CTĐT ngành GDTC của các trường đại học trong

nước và quốc tế.

- Chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu hướng tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thực hiện phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2021 – 2022, do Khoa GDTC (đầu mối) phối hợp với phòng CTCT-HSSV.	- Phòng CT CTHSSV; - Khoa GDTC	Năm 2022	
		- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với ngành GDTC của các trường đại học trong nước và quốc tế từ năm học 2021 – 2022, do Khoa GDTC làm đầu mối.	- Khoa GDTC	Năm 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	- Ban hành Sổ tay nghiệp vụ về sinh viên thôi học, chậm tốt nghiệp từ năm học 2021 – 2022, do Trung tâm ĐBLC làm đầu mối	- TT ĐBCL; - Khoa GDTC	Năm 2022	
		Khoa ban hành nhật ký tư vấn cho người học sau khi thôi học (Phòng CT CTHSSV hỗ trợ) từ năm học 2021 - 2022.	- Phòng CT CTHSSV; - Khoa GDTC	Năm 2022	
		- Nâng cấp phần mềm hệ thống quản lý CMC để tăng cường giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2021 – 2022, do Trung tâm CNTT chủ trì.	- TT CNTT; - Bộ phận ĐBCL Khoa	Năm 2022	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả:

Từ năm 2008, khoa Giáo dục Thể chất bắt đầu thực hiện quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm. Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có khoảng 70,71 - 96,72% SV ngành GDTC hoàn thành chương trình đúng thời hạn và được cấp bằng cử nhân sư phạm GDTC.

Bảng 11.3. Bảng tỉ lệ SV tốt nghiệp của 5 khóa học gần nhất

Khóa học	Số SV	Tỷ lệ % tốt nghiệp		
		3 năm	4 năm	> 4 năm
2013-2017 (K53)	37	0	37=100%	0
2014-2018 (K54)	49	0	39 =79,5%	10=20,4%
2015-2019 (K55)	39	0	37 =94,8%	2=5,12%
2016-2020 (K56)	20	0	15 = 75%	5=25%
2017-2021 (K57)	14	0	10 = 71,4%	4=28,6%

Số liệu trên cho thấy đa số SV ngành GDTC hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo. BCN khoa có các buổi họp với Cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Số liệu trên cũng cho thấy tỷ lệ phần trăm SV của ngành GDTC hoàn thành CTĐT qua từng năm học rất cao, đều ở mức trên 71,4% trở lên. Qua bảng trên cho

chúng ta thấy từ khóa học K54 trở đi tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm có giảm so với trước. Nguyên nhân là từ khóa học này nhà trường áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên là trình độ ngoại ngữ bậc B1 khung tham chiếu châu Âu nên tỷ lệ sinh viên chậm tốt nghiệp có phần tăng lên theo hàng năm. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

2. Điểm mạnh

Khoa thường xuyên cập nhật tiến trình học tập của sinh viên để đảm bảo thời gian tốt nghiệp của người học, hoạt động học tập được giám sát

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa và Trường đã luôn cập nhật tiến trình học tập của SV, song một số SV chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, đặc biệt là điều kiện đầu ra (chúng chỉ ngoại ngữ B1), do vậy vẫn còn tình trạng SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên ngành GDTC. - Rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp	- Trợ lý đào tạo - Hội đồng đào tạo khoa - Phòng Đào tạo	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của người học đảm	- TL QLSV - TL Đào tạo - Cố vấn học tập	2022	

		bảo tỉ lệ tốt nghịệp sớm và tốt nghịệp đúng hạn cao			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, Trường Đại học Vinh đã thành lập Trung tâm (HTSV&QHĐN), là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Trường Đại học Vinh với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV [H11.11.03.02]; có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện phân tích, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Khoa cũng phân công, giao nhiệm vụ cho trợ lý quản lý SV duy trì liên lạc và định kỳ thu thập thông tin của SV sau tốt nghiệp, phân tích và báo cáo cho BCN Khoa để có định hướng hỗ trợ, giúp đỡ [H11.11.03.03].

Về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của Nhà trường năm 2015 cho thấy, SV ngành GDTC có việc làm với tỷ lệ trên 95% và năm 2017 là gần 80% [H11.11.03.04]. Môi trường làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.4: Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp Ngành: GDTC

Năm tốt nghiệp	Số lượng SV được Khảo sát	Số lượng SVTN có việc làm	Tỷ lệ (%)	Khu vực làm việc			
				Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh	Tự tạo VL
2016	37	37	100%	70%	0%	20%	10%
2017	49	39	79,5%	79,5%	12,6%	10,9%	9,2%
2018	39	37	94,8%	94,8%	0%	0,6%	0%

Nguồn: Trung tâm DV, HTSV & QHDN- Trường Đại học Vinh

Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp ngành GDTC chiếm tỷ lệ tương đối cao từ 79,5% đến 100%. SV tốt nghiệp ngành GDTC làm việc chủ yếu ở môi trường nhà nước, số SV làm việc trong môi trường doanh nghiệp tư nhân, liên doanh nước ngoài và tự tạo việc làm chiếm tỷ lệ rất thấp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Khoa và Trường hướng đến trong CTĐT ngành GDTC.

2. Điểm mạnh

SV tốt nghiệp ngành GDTC đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; khoa đã có những hình thức giám sát và đối sánh nhằm nâng cao chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm nhưng đang còn ít đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh.	- Trung tâm DV, HTSV & QHDN - Khoa GDTC	Hàng năm, kể từ năm 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi, cung cấp và hỗ trợ thông tin việc làm cho SV đã tốt nghiệp.	- Trung tâm DV, HTSV & QHDN - Khoa GDTC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hoạt động NCKH của sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và khoa GDTC [H11.11.04.01]. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành GDTC bao gồm các đề tài NCKH được nghiệm thu, tham gia các sinh hoạt học thuật như seminar khoa học của bộ môn, các buổi bảo vệ luận văn thạc sĩ, báo cáo khoa học của các đề tài nghiên cứu, tham gia viết bài công bố trên các tạp chí khoa học, các dự án khởi nghiệp. Hàng năm, Khoa giao cho các bộ môn triển khai công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên, tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH cấp khoa, lựa chọn những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường [H11.11.04.03], [H11.11.04.04].

Hội đồng khoa học khoa, bộ môn kết hợp với phòng KH&HTQT chuyên trách quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động NCKH của người học [H11.11.04.01]. Các quy định về đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, hồ sơ đánh giá sản phẩm nghiên cứu được quy định cụ thể [H11.11.04.02], [H11.11.04.06].

Nhà trường và khoa cũng đã thực hiện đối sánh về loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học giữa các ngành trong trường và với ngành GDTC của các trường đại học trong nước [H11.11.04.05].

Trường Đại học Vinh đã xây dựng chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường. Các đề xuất NCKH phù hợp với khả năng của người học và phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường [H11.11.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chiến lược cụ thể về hoạt động NCKH. Các quy định, hướng dẫn

về quá trình thực hiện cũng như đánh giá đề tài rõ ràng, cụ thể. Các đề xuất NCKH phù hợp với khả năng của người học.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH chưa cao, nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường nguồn lực cho hoạt động NCKH của người học.	- Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Khoa GDTC	Hàng năm, từ năm 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các đề xuất NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với chiến lược phát triển KHCN của nhà trường.	- Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Khoa GDTC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Tổ chức các hội nghị CB, viên chức và Hội nghị CB chủ chốt là hoạt động hàng năm của Nhà trường nhằm lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới để cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đối với công tác tổ chức và quản lý đào tạo

[H11.11.05.01]. GV và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị CB viên chức và tham gia đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Phòng, Ban để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của CB trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các CB GV của các đơn vị trong đó có đóng góp ý kiến của khoa GDTC.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên, hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và sinh viên, đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn thể sinh viên, góp phần khai thông thông tin, giúp khoa và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường [H11.11.05.02].

Mỗi học kỳ, Nhà trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.03]. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2018 Nhà trường thành lập ban chỉ đạo và thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2018 tại trường Đại học Vinh [H11.11.05.04].

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Quản lý SV khoa [H11.11.05.05]. Từ đó, bộ phận chức năng của Khoa tổng hợp ý kiến để báo cáo BCN khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa và các Bộ môn nhằm áp dụng các giải pháp kịp thời để cải tiến chất lượng đào tạo và phản hồi tới người học.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT [H11.11.05.06] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Ngoài ra, Trường và khoa Giáo dục hàng năm cũng tiến hành khảo sát vị trí việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng. [H11.11.05.07].

Bảng 11.5. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây

	2016	2017	2018	2019	2020
1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	95%	93%	96%	89%	97%
2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	5%	7%	4%	11%	3%
3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	0	0

Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của SV ngành GDTC. Tuy nhiên, nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và PVCĐ.

Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của Ngành.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đối sánh chưa được thực hiện thường xuyên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	Trung tâm HTSV&QHDN	- Trung tâm	Tháng	

	phục tồn tại	tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng;	HTSV&QHDN - Phòng CTCT-HSSV; - Khoa GDTC.	7/2022	
		- Từ năm 2021-2022: Khoa GDTC thực hiện đối sánh với các CTĐT trong trường và với CTĐT ngành GDTC của các trường đại học trong nước và quốc tế.	- Khoa GDTC	Tháng 8/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện định kỳ, thường xuyên và xử lý đầy đủ thông tin phản hồi cho mục đích cải tiến chất lượng CTĐT và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của nhà trường	Bộ phận ĐBCL, các GV Khoa/Viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Nhờ có sự hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng SV GDTC có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao; SV ngành có năng lực được đào tạo đạt chất lượng đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng, đặc biệt trong môi trường làm việc của các cơ sở giáo dục trong nước, các doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế thông qua tỷ lệ hài lòng cao từ các ý kiến phản hồi của các bên liên

quan đối với SV ngành GDTC.

SV tích cực tham gia hoạt động NCKH với sự hỗ trợ, hướng dẫn khoa học của đội ngũ GV khoa. Tuy nhiên, Khoa cần tăng cường cơ chế, chính sách khuyến khích SV làm NCKH và đẩy mạnh việc đào tạo cho SV các kỹ năng mềm... nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của môi trường làm việc luôn thay đổi trong xu thế hội nhập quốc tế.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC tự đánh giá tiêu chuẩn 11 có 5/5 tiêu chí đạt.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường, Trường Đại học Vinh - cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với tầm nhìn trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á, CTĐT ngành GDTC được xem là chương trình then chốt. Do đó việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, PP dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì. Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành GDTC tiếp cận năng lực đã đạt được những kết quả, thành công quan trọng.

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy

- Mục tiêu CTĐT của ngành GDTC được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học; được xác định và mô tả rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung. CĐR của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng làm căn cứ để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả người học được xác định rõ ràng bởi các kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng, thái độ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. CĐR của CTĐT đã được xây dựng một cách khoa học, có chú trọng đến ý kiến đóng góp của các bên liên quan. CĐR cơ bản phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có nhấn mạnh đến vị trí việc làm và khả năng học tập của người học sau khi tốt nghiệp. CĐR được công bố công khai rộng rãi là cơ sở để sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học, phản ánh sứ mạng của Nhà trường.

- Bản mô tả CTĐT ngành GDTC đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp

ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

- Các học phần trong CTĐT ngành GDTC có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận môn học - CĐR và phân nhiệm ma trận ITU. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống website của nhà trường. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa đào tạo thứ 58 của nhà trường.

- Khoa GDTC đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của sinh viên cũng như việc kiến tập, thực tập, thực tế tại các cơ sở giáo dục và các trung tâm huấn luyện, CLB TĐTT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của khoa GDTC thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra.

- Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa GDTC đưa ra đã tạo động lực cho SV ngành GDTC rèn luyện các kỹ năng, giúp SV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho SV tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Việc đánh giá kết quả học tập của ngành GDTC đảm bảo tính phù hợp với CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có những điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn công việc của người học sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDTC là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học. Công tác

đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa trên CDR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

- Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Nhà trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể về năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Đồng thời, hoạt động đánh giá được tổ chức thường xuyên (hàng năm) dựa trên các tiêu chí có sẵn. Như vậy, năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán, công bằng. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (như giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

- Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc. Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức, quy định bổ nhiệm của Nhà trường được xác định và phổ biến công khai. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

- Trường Đại học Vinh có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh và công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; mục tiêu đào tạo được công khai các chính sách tuyển sinh ngành GDTC được xác định rõ ràng và cập nhật thường xuyên, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Có các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa

- Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học

được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học. Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa GDTC triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của sinh viên; bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được SV ngành GDTC hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

- Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Có phòng học thực hành và sân bãi riêng cho từng môn học của ngành GDTC, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành GDTC.

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có một số loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt chuyên ngành GDTC cho người học và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

- Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

- Trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trường có Trạm y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho giảng viên và sinh viên ngành GDTC nói riêng và toàn trường nói chung.

- Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi

hàng năm. Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên. Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Đại học Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

- Khoa GDTC chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa, đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Khoa GDTC có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành GDTC. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được

từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

- Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

- Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của Ngành.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

- Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu CTĐT còn hạn chế. Quá trình khảo sát thị trường lao động chưa được toàn diện, rộng rãi, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

- Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà quản lý, doanh nghiệp vẫn chưa thực sự được họ chú ý và quan tâm để góp ý cho chương trình đào tạo.

- Do CTDH mới được xây dựng theo tiếp cận năng lực (CDIO) từ Năm học 2016-2017 nên vẫn còn có sự chòng chéo về kiến thức giữa một vài môn học để đáp ứng CĐR. Có môn học phục vụ quá nhiều CĐR và cũng còn một số CĐR có ít môn học đảm nhiệm

- Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan. Sinh viên tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực, đây là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học.

- Việc cho sinh viên có môi trường tiếp xúc với thực tế các doanh nghiệp thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn cuối của khóa học; Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập tuy đa dạng nhưng chưa được thực hiện thường xuyên trong suốt học kỳ (mới chỉ tập trung khảo sát vào thời điểm đầu kỳ học và cuối kỳ học).

- Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại

hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học. Việc đánh giá độ giá trị, độ tin cậy còn chưa thực sự có tính chuyên nghiệp.

- Việc thông báo kết quả học tập của người học đến gia đình vào cuối mỗi năm học chưa thực sự phát huy được hiệu quả của việc cung cấp kết quả học. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh chóng.

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên.

- Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Ngành và Nhà nước chưa có, số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

- Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác

- Nhà Trường chưa có quy trình xây dựng tiêu chí và PP tuyển chọn người học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Tiêu chí, PP tuyển chọn người học, trong đó có người học của CTĐT ngành GDTC chưa được rà soát, đánh giá hàng năm.

- Do cơ hội tìm kiếm việc làm của sinh viên ngành GDTC trong thời điểm hiện tại là cao, mà nhu cầu xã hội chưa đáp ứng tốt việc tuyển dụng việc làm cho sinh viên ngành GDTC nên Khoa cần chú trọng công tác hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

- Cần có thêm nhiều phòng tự học ở các giảng đường cho sinh viên, có thêm các nhà học thực hành cho từng môn học phù hợp. Ngành GDTC chưa có phòng sinh hoạt chuyên môn riêng, cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của sinh viên, giảng viên ngành GDTC chưa đa dạng, Tốc độ mạng internet tại các phòng học máy tính còn chưa ổn định, đôi lúc còn gây gián đoạn hoạt động đào tạo của giảng viên và người học.

- Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT và CDR chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

- Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực

sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

- Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số người học chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến người học nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát giảng viên theo quy định của Nhà trường nhưng phần mềm CMC chưa thống kê, tổng hợp được. Chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu hướng tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, Chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên chậm tốt nghiệp.

- Chưa có những phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên và rà soát, điều chỉnh phù hợp về CTĐT để SV có thể tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH chưa cao, nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

3. Kế hoạch hành động

Khắc phục những tồn tại ở trên, nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDTC thì cần thiết phải thực hiện một số nội dung sau:

- Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn đối với các bên liên quan. Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động tích cực hơn. Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả chương trình đào tạo từ phía cơ sở giáo dục sử dụng lao động, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động cụ thể mời chuyên gia giáo dục, trung tâm huấn luyện TĐTT và các CLB TĐTT, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của sinh viên.

- Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT:

+ Hàng năm, Khoa cần xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình và công cụ; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát; bổ sung phương pháp khảo sát. Mở rộng quy mô khảo sát đặc biệt chú trọng lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động;

+ Căn cứ vào kế hoạch xây dựng và phát triển CĐR, CTĐT hàng năm của Nhà trường, Hội đồng KHĐT Khoa cần thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR

để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và nâng cao chất lượng đào tạo;

- + Mở rộng hình thức công bố công khai CĐR CTĐT như thông qua các trang mạng xã hội như facebook, instagram, zalo, youtube...bên cạnh các kênh truyền thống như website, tờ rơi quảng bá, cẩm nang sinh viên, truyền hình.

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết. Chủ động rà soát CTDH trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học...).

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.

- Thường xuyên điều chỉnh, cập nhật đề cương môn học đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng.

- Rà soát lại phân nhiệm cho các môn học, đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng 01 CĐR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào CĐR chung của ngành để tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ sót các yêu cầu của CĐR ngành GDTC. Định kỳ rà soát, điều chỉnh để các học phần đạt được CĐR của CTĐT

- Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan.

- Tăng cường số môn học và tín chỉ mang tính thực hành, kỹ năng, cũng như số tín chỉ/môn học trong các học phần tự chọn.

Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và khoa GDTC tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn thông qua website của trường, của khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,... đặc biệt vào các thời điểm như dịp hè, thời điểm tuyển sinh, kết thúc các kỳ học, năm học, qua các giải thể thao ngành giáo dục và các đợt tổ chức Hội khỏe phù đồng học sinh hàng năm của các sở Giáo dục & Đào tạo để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh, khoa GDTC và ngành GDTC, biết rõ triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu về trường, khoa và ngành GDTC một cách dễ dàng.

- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy

học tích hợp cho giảng viên và sinh viên;

- Hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu ngay từ năm đầu đại học;

- Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV;

- Tăng cường tổ chức hàng năm các chương trình thực tế tham quan các cơ sở giáo dục, trung tâm huấn luyện, các CLB TDTT để sinh viên có tầm nhìn sát thực về công việc tương lai.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, trao đổi với sự tham gia trực tiếp của SV về những bất cập và cải cách, đổi mới các PPDH theo tiếp cận CDIO;

- Mở hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của SV và giải đáp một cách kịp thời.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực với tất cả các học phần của CTĐT.

- Khoa tiến hành bổ sung việc khảo sát lấy ý kiến người học vào thời điểm giữa kỳ học để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.

- Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần. Từng bước xây dựng các phương pháp đánh giá về độ giá trị, độ tin cậy một cách chuyên nghiệp.

- Cần thực hiện thông báo kết quả học tập người học đến gia đình sau mỗi kỳ học. Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập. Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập trên website của nhà trường

- Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nhanh, gọn và hiệu quả hơn.

- Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các giảng viên, nghiên cứu viên

- Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;

- Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học cho giảng viên.

- Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước, Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế. Bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ tin học cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ
- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo vị trí việc làm
- Tăng ngân sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ
- Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm, NCKH
- Tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường
- Phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh
- Có kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;
- Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lý đào tạo và quản lý SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập và rèn luyện.
- Khoa cần lập kế hoạch chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn bộ CB, GV về việc hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp, kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp
- Bố trí nhiều phòng tự học lý thuyết và các sân bãi học thực hành ngoại khóa cho sinh viên. Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng xê mi na cho ngành GDTC nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung.
- Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc. Cải thiện tốc độ mạng internet tại các phòng học máy tính.
- Tổ chức nhiều Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.
- Đề xuất với Nhà trường xuất bản các giáo trình phục vụ nhu cầu của người học
- Lập danh mục học liệu, đề nghị Nhà trường mua thêm các giáo trình của một

số trường đại học chuyên về TDTT, xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học.

- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với ngành GDTC của các trường đại học trong nước và quốc tế từ năm học 2020 - 2021, do Khoa GDTC làm đầu mối.

- Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên ngành GDTC

- Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**

Tên chương trình đào tạo: **Giáo dục Thể chất**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								4.70	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					4					
Tiêu chuẩn 3								4,30	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								4,60	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4,90	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,20	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4				4						

Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				4				4,40	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1				4				4,60	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				4,50	6	100
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,40	5	100
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,60	50	100

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành GDTC

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/9/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
 - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TDV
 - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452 Số fax: 038 3855 269
E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1961
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Giáo dục Thể chất
 - Tiếng Anh: Department Physical education
13. Tên viết tắt của ngành thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Giáo dục Thể chất
 - Tiếng Anh: Physical education
14. Tên trước đây (nếu có):

- Tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất
- Tiếng Anh: Physical education

15. Mã CTĐT: 7.14.02.06

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Chương trình đào tạo ngành Thể dục

17. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Tầng 3 Nhà A cơ sở 2 Trường Đại học Vinh QL46 xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

18. Số điện thoại liên hệ:.....; Số fax:

E-mail: khoagdtc@vinhuni.edu.vn; Website: www/http/khoagdtcvinhuni

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 1994

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1994

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1998

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Năm 1994, Khoa GDTC được thành lập theo Quyết định số 3090/GD-ĐT, ngày 27/10/1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trải qua 27 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa GDTC đã đào tạo hàng ngàn Cử nhân và Thạc sĩ GDTC khẳng định được vị thế của mình đối với sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Hiện nay, Khoa có 20 cán bộ, trong đó có 19 giảng viên với 06 TS, 13 ThS (có 02 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh). Năm 1994 đến nay, Khoa GDTC đã có 26 khóa học chính quy với trên 2.500 sinh viên chính quy tốt nghiệp ra trường. Khoa GDTC hiện nay đang đào tạo 66 sinh viên và 22 học viên cao học Ngoài ra, Khoa còn đào tạo cho hàng chục nghìn sinh viên tại chức đã tốt nghiệp, hiện tại Khoa đang đào tạo hơn 300 học viên hệ VLVH.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã xuất bản được hàng chục giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng chục bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa GDTC đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp trường và cấp trường trọng điểm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành nói riêng và Nhà trường nói chung.

Sau 27 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng

được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng nhiều. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trên địa bàn.

Chức năng, nhiệm vụ

- *Chức năng*: Khoa GDTC có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học ngành GDTC, nghiên cứu khoa học, phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo, kinh tế- xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, xã hội, quản lý nhà nước.

- Nhiệm vụ:

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

+ Đào tạo Cử nhân sư phạm GDTC và Thạc sỹ GDTC có trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu xã hội.

+ Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển giáo dục đào tạo, kinh tế- xã hội của địa phương và đất nước.

+ Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về GDTC và TDTT.

+ Đào tạo liên thông từ Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học theo hình thức VLVH.

+ Đào tạo công tác GDTC cho sinh viên hệ không chuyên Nhà trường.

+ Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Hoạt động đào tạo

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Khoa luôn xác định hoạt động đào tạo là hoạt động cơ bản và có ý nghĩa sống còn. Hoạt động đào tạo của Khoa được biểu hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

- Hệ đại học chính quy chuyên ngành GDTC:

Đây được xem là hệ đào tạo xương sống của Khoa. Từ khi thành lập Khoa (1994) đến nay, Khoa đã xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần cho ngành GDTC qua nhiều lần sửa đổi. Tất cả các chương trình này được xây dựng mang tính khoa học và cập nhật. Từ năm học 2007- 2008, cùng với toàn Trường, các ngành đào tạo chính quy của Khoa đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khoa cũng đã công bố được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo đại học chính quy

GDTC theo hướng tiếp cận CDIO. Hoạt động đào tạo hệ đại học chính quy của Khoa luôn được thực hiện đúng quy định. Các hoạt động dạy, học, thi và đánh giá được tổ chức một cách cơ bản, khoa học, công bằng và khách quan.

- *Hệ đào tạo Sau đại học:*

Đây là một mảng đào tạo đang ngày càng phát triển do nhu cầu nâng cao trình độ của xã hội và uy tín, thương hiệu của nhà trường. Hiện tại Khoa đang đào tạo Thạc sĩ các chuyên ngành GDTC. Để nâng cao chất lượng và đảm bảo uy tín đào tạo, Khoa chú trọng đến việc quản lý học viên cả về thời gian và chất lượng học tập nghiên cứu. Việc kiểm tra, đánh giá, luôn chặt chẽ từ khâu dạy, ra đề thi, coi thi và chấm bài. Chuyên ngành sau đại học đã phát triển khá mạnh mẽ các hướng nghiên cứu gắn với yêu cầu phát triển giáo dục, kinh tế- xã hội của địa phương và của cả nước.

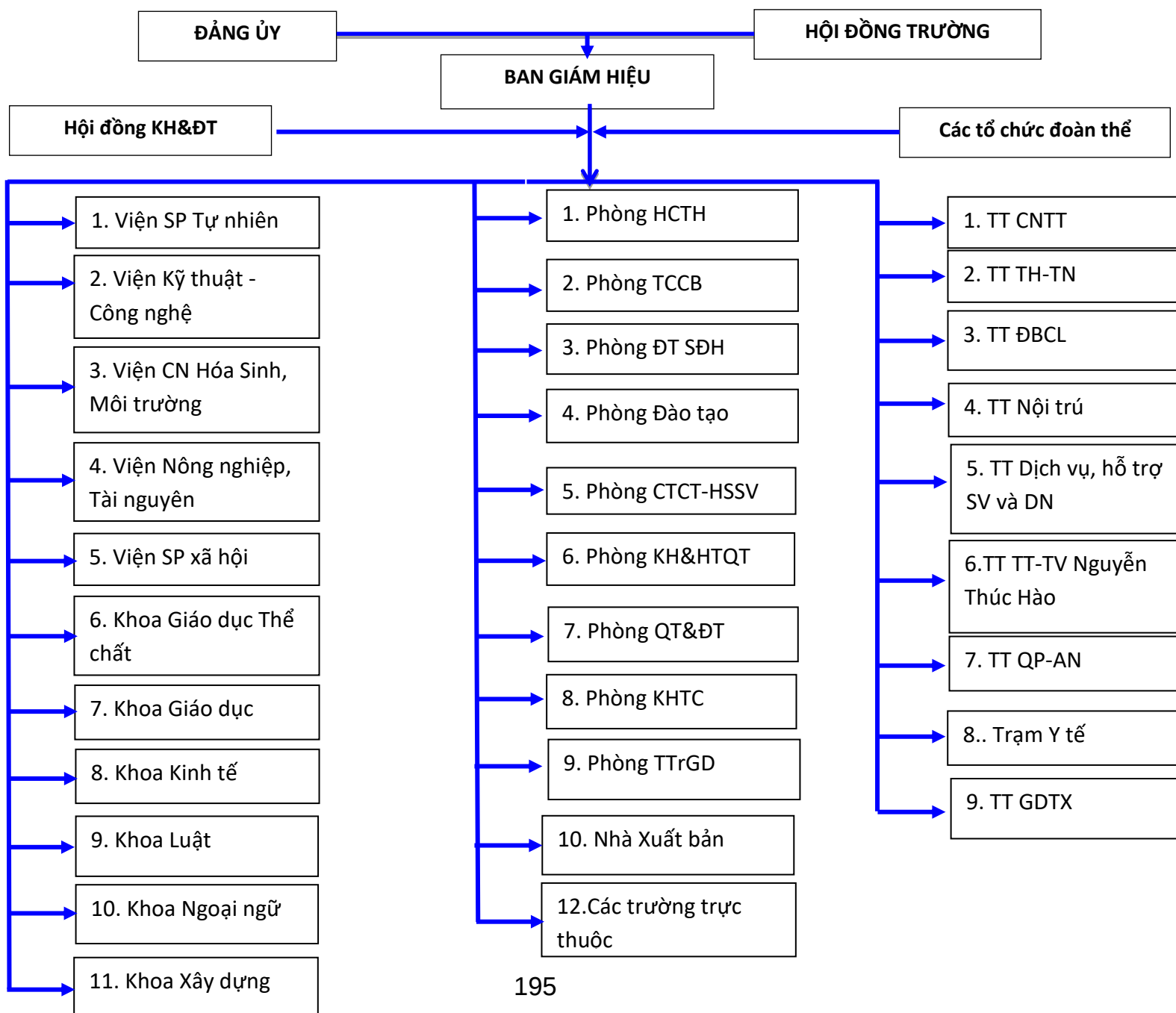
Ban chủ nhiệm Khoa, các Bộ môn và đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học của Khoa xác định, đây là bậc đào tạo cán bộ cốt cán của ngành TDTT có chất lượng cao cho đất nước. Khung chương trình, chương trình chi tiết ngành Cao học do Khoa quản lý, đào tạo đều được biên soạn công phu, nghiêm túc, khoa học và cập nhật. Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, đồng thời với việc đổi mới khung và nội dung chương trình, các cán bộ đào tạo sau đại học của khoa đã biên soạn chương trình chi tiết của hơn 10 chuyên đề đào tạo cao học thạc sĩ theo học chế tín chỉ.

- Trải qua 27 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa GDTC đã được khen thưởng:

- + Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc;
- + Tập thể lao động giỏi;
- + 03 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + 06 Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- + 05 Giấy khen Tỉnh Đoàn cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

Cơ cấu tổ chức trường Đại học Vinh



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh					
1	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐ Trường	Nguyễn Ngọc Hiền	1975	TS	0912.574484	hiennn@vinhuni.edu.vn
2	Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng	1977	GS.TS	038.3733888	bangnh@vinhuni.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Trần Bá Tiến	1972	TS	0943299777	tientb@vinhuni.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thu Cúc	1978	TS	0932 341 888	cucntt@vinhuni.edu.vn
5.	Chủ tịch Công đoàn	Phạm Thị Bình	1971	TS	0983.551387	binhpt@vinhuni.edu.vn
	Khoa Giáo dục Thể chất					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng khoa	Nguyễn Ngọc Việt	1963	TS	0912745565	vietnn@vinhuni.edu.vn
2	Phó Trưởng khoa	Lê Minh Hải	1962	Ths	0913566671	hailm@vinhuni.edu.vn
	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Trí Lục	1974	TS	0912920272	lucnt@vinhuni.edu.vn
	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Mạnh Hùng	1975	TS	0912169906	hungnm@vinhuni.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Đảng bộ Bộ phận	Nguyễn Ngọc Việt	1963	TS	0912745565	vietnn@vinhuni.edu.vn
2	Công đoàn	Nguyễn Thị Lại	1975	Ths, Chủ tịch	0912921197	laint@vinhuni.edu.vn
3	Liên chi đoàn	Phạm Anh Vũ	1990	ThS, Bí thư	0947286288	vupa@vinhuni.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4	Liên chi hội sinh viên	Nguyễn Thị Mỹ	1999	Sinh viên, LCH trưởng	0336669321	my2503200089@gmail.com
III.	Các trợ lý hành chính					
1	Trợ lý đào tạo	Lê Thị Như Quỳnh	1990	ThS	0974217160	quynhln@vinhuni.edu.vn
2	Trợ lý ĐBCL	Văn Đình Cường	1980	TS	0912356804	cuongvd@vinhuni.edu.vn
3	Cố vấn học tập	Dương Trọng Bình	1980	ThS	0904468446	binhdt@vinhuni.edu.vn
4S	Trợ lý QLSV & Văn phòng khoa	Nguyễn Hữu Hà	1973	CN	0989809187	hanh@vinhuni.edu.vn
IV.	Các bộ môn					
1	Thẻ đục-Võ và TT dưới nước	Nguyễn Mạnh Hùng	1975	TS, TBM	0912169906	hungnm@vinhuni.edu.vn
		Châu Hồng Thắng	1971	ThS, PBM	0912239258	thangch@vinhuni.edu.vn
2	Bóng – Điền kinh	Nguyễn Trí Lục	1974	TS	0912920272	lucnt@vinhuni.edu.vn
		Đậu Bắc Sơn	1971	ThS, PBM	0913568689	sondb@vinhuni.edu.vn
4	Phương pháp giảng dạy	Võ Văn Đăng	1981	TS TBM	0917256622	dangvv@vinhuni.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 01

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	14	6	20
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	14	06	20

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	06	06	0	5	0	0
5	Thạc sĩ	13	13	0	5	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	19	19	0	10	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 19 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	6	6	0	5	0	0	13,5
5	Thạc sĩ	1	13	13	0	5	0	0	14,5
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	
	Tổng		54	54	0		0	0	28

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	2	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	06	31,2	5	1	0	2	3	1	0
5	Thạc sĩ	13	68,8	8	5	0	3	9	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	19	100	13	6	0	5	12	2	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44,1 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 31,2%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 68,8%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	0
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	5,3	80
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	5,3	20
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	15,8	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	73,9	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	14	14	0	14	24,5	25	0
2017-2018	12	12	0	12	26	28	0
2018-2019	10	10	0	10	27	28	0
2019-2020	25	25	0	21	26,5	27	0
2020-2021	31	31	0	31	28	28,5	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	24	40	21	5	22
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	122	81	45	41	66
Hệ không chính quy	0	0	0	132	308
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	65	40	65	135	45
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	108	67	38	31	55
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	6	4	7	15	5
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	10,8m ²	10,0m ²	9,3m ²	9,6m ²	9m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	1	0	0	1	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,82%	0%	0%	2,44%	1,52%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	24	16	5
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	37	49	39	20	04
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	37	39	37	15	10
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75,68%	79,59%	94,87%	75,0%	71,4%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	86,3%	82,5%	89,1%	90,2%	
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	13,7%	17,5%	10,9%	9,8%	
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	0%	0%	0%	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	100,0%	79,5%	94,8%	-	-

- Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	30,0%	32,7%	0,6%	-	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng)	3,5	4,2	4,5	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	28/37 75,7%	31/39 79,5%	27/37 73,0%	-	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	08/37 21,6%	06/37 15,4%	08/37 21,6%	-	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	01/37 2,7%	02/37 5,1%	02/37 5,4%	-	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	-
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	-
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	1	1	3	1	3,5
4	Tổng		1	1	1	3	1	3,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 24,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 44,55%

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016			
2	2017			
3	2018			
4	2019			
5	2020			

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	3	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	3	2	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	2	1	1	6,0
3	Sách tham khảo	1,0	2	0	0	0	0	2
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		2	0	2	1	1	8,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 40

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 48

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	3	2	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	3	2	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	1	2	3	5	19,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	15	8	9	11	9	52
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		17	9	11	14	14	71,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 341,4

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 56

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	<i>Tạp chí khoa học quốc tế</i>	<i>Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước</i>	<i>Tạp chí / tập san cấp trường</i>
Từ 1 đến 5 bài báo	0	14	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	01	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	01	18	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	0	0	1	0	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	0	0	1	1
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		2	0	0	1	1	3

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 11

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:6

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	01	01	-
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	01	01	-

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	-
2017-2018	-
2018-2019	-
2019-2020	-
2020-2021	-

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ, Ngành*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	3	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	3	2	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	0	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 441.265

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 26.780

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 280 m² Nơi học: 6.500m² Nơi vui chơi giải trí: 20.000 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 6.500 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 98,5 m²/1 SV

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.082 đầu sách.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho

hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1,116 bộ cho toàn bộ sinh viên chính quy của trường.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,37 máy tính/ 1 người học chính quy.

Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 19

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 31,6

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 68,4

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): Năm học 2020 – 2021: 66 SV

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 3,47

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): Năm 2015 - 2016: 75,68%; Năm 2016 - 2017: 79,59%; Năm 2017 - 2018: 94,87%; Năm 2018 - 2019: 75,0%; Năm 2019 - 2020: 71,4%.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Năm 2015 - 2016: 86,3%; Năm 2016 - 2017: 82,5%; Năm 2017 - 2018: 89,1%; Năm 2018 - 2019: 90,2%.

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Năm 2015 - 2016: 13,7%; Năm 2016 - 2017: 17,5%; Năm 2017 - 2018: 10,9%; Năm 2018 - 2019: 9,8%.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): Năm 2015 - 2016: 70,0%; Năm 2016 - 2017: 46,8%; Năm 2017 - 2018: 94,2%;

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): Năm 2015 - 2016: 30%; Năm 2016 - 2017: 32,7%; Năm 2017 - 2018: 0,6%;

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): Năm 2015 -

2016: 3,5; Năm 2016 - 2017: 4,2; Năm 2017 - 2018: 4,5;

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):
Năm 2015 - 2016: 95,0%; Năm 2016 - 2017: 93,0%; Năm 2017 - 2018: 96,0%.

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Năm 2015 - 2016: 5,%; Năm 2016 - 2017: 7,0%; Năm 2017 - 2018: 4,0%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,5%

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 71,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,37 máy tính/ 1 người học chính quy.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 98,5 m²/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 10,5 m²/1 SV

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

Số: *122* /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày *15* tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
các ngành Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục Thể chất
và Tài chính - Ngân hàng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH, ngày 28/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV, ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-ĐHV, ngày 30/10/2019 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2019 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục Thể chất và Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trường các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL. ✓



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất

(Kèm theo Quyết định số: 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Trần Bá Tiến	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Ngọc Việt	Trưởng khoa GDTC	Phó Chủ tịch
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thư ký
5	Ông Hoàng Vĩnh Phú	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
7	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
8	Bà Đặng Thị Thu	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
9	Ông Đinh Đức Tài	Phó Trưởng phòng PT phòng KH&HTQT	Thành viên
10	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyển Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
11	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
12	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
13	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Thành viên
14	Ông Nguyễn Trí Lực	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Thành viên
15	Ông Lê Minh Hải	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Thành viên
16	Ông Võ Văn Đăng	TBM PPGD GD Thể chất	Thành viên
17	Ông Châu Hồng Thắng	Phó TBM Thể dục - Võ và TT dưới nước	Thành viên
18	Ông Văn Đình Cường	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thành viên
19	Nguyễn Thị Mỹ	Sinh viên lớp 59, GD Thể chất	Thành viên

Danh sách này gồm có 19 người./.



DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Giáo dục Thể chất**

(Kèm theo Quyết định số: 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thành viên
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
5	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
6	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
7	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Anh Lương	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
9	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
10	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
11	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
12	Ông Đào Quang Thắng	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
13	Bà Trần Thị Thái	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
14	Ông Đậu Bắc Sơn	Phó TBM Bóng - Điền kinh	Thành viên
15	Ông Trần Đức Thành	Giảng viên Khoa GD Thể chất	Thành viên
16	Bà Đậu Thị Bình Hương	Giảng viên Khoa GD Thể chất	Thành viên
17	Ông Phạm Anh Vũ	Bí thư LCĐ Khoa GD Thể chất	Thành viên
18	Bà Nguyễn Thị Lái	Giảng viên Khoa GD Thể chất	Thành viên
19	Bà Trần Thị Ngọc Lan	Giảng viên Khoa GD Thể chất	Thành viên
20	Ông Dương Trọng Bình	CVHT Khoa GD Thể chất	Thành viên
21	Bà Ngô Thị Như Thơ	Giảng viên Khoa GD Thể chất	Thành viên
22	Bà Lê Thị Như Quỳnh	Trợ lý ĐT Khoa GD Thể chất	Thành viên
23	Ông Phan Sinh	Giảng viên Khoa GD Thể chất	Thành viên
24	Ông Nguyễn Quốc Đăng	Giảng viên Khoa GD Thể chất	Thành viên
25	Ông Nguyễn Hữu Hà	Trợ lý QLSV Khoa GD Thể chất	Thành viên

Danh sách này gồm có 25 người./.



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Ngành Giáo dục Thể chất)

(Kèm theo Quyết định số 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
NHÓM 1:			
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.			
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Trưởng nhóm
2	Bà Lê Thị Như Quỳnh	Trợ lý ĐT khoa GD Thể chất	Thư ký
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Ông Trần Đức Thành	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thành viên
5	Ông Đào Quang Thắng	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
NHÓM 2:			
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			
1	Ông Võ Văn Đăng	TBM PPGD GD Thể chất	Trưởng nhóm
2	Bà Đậu Thị Bình Hương	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thư ký
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Ông Nguyễn Quốc Đăng	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thành viên
5	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
NHÓM 3:			
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.			(10 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			
1	Ông Nguyễn Trí Lục	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Hữu Hà	Trợ lý QLSV khoa GD Thể chất	Thư ký
3	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
4	Ông Phạm Anh Vũ	Bí thư LCD khoa GD Thể chất	Thành viên
5	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 4:			
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.			(12 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.			
1	Ông Nguyễn Ngọc Việt	Trưởng khoa GD Thể chất	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thư ký
3	Ông Đậu Bắc Sơn	Phó TBM Bóng - Điền kinh	Thành viên
4	Ông Phan Sinh	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thành viên
5	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 5:			
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Ông Lê Minh Hải	Phó Trưởng khoa GD Thể chất	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Lài	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thành viên
4	Ông Nguyễn Anh Lương	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên

NHÓM 6: Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.			(11 tiêu chí)
1	Ông Châu Hồng Thắng	Phó TBM Thể dục - Võ và TT dưới nước	Trưởng nhóm
2	Bà Lê Thị Như Quỳnh	Trợ lý ĐT khoa GD Thể chất	Thư ký
3	Bà Trần Thị Ngọc Lan	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thành viên
4	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Trần Thị Thái	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
NHÓM 7: - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Ông Văn Đình Cường	Giảng viên khoa GD Thể chất	Trưởng nhóm
2	Bà Ngô Thị Như Thơ	Giảng viên khoa GD Thể chất	Thư ký
3	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
4	Ông Dương Trọng Bình	CVHT khoa GD Thể chất	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất

1. Mục đích tự đánh giá

- Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.
- Đăng kí kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/01/2016 - 31/12/2020).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Giáo dục Thể chất* được thành lập theo Quyết định số 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 / 01 /2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, Hội đồng gồm có 19 thành viên (có danh sách kèm theo).

4.2. Ban Thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách gồm 25 người (có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm 1	25/01/2021 - 05/07/2021	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	25/01/2021 - 05/07/2021	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 3	25/01/2021 - 05/07/2021	
4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4	25/01/2021 - 05/07/2021	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	25/01/2021 - 05/07/2021	

6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 6	25/01/2021 - 05/07/2021	
7	Báo cáo tự đánh giá, Danh mục MC Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Nhóm 7	25/01/2021 - 12/07/2021	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1 và 2	- Phân tích tiêu chí (1-6); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (1-6); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Giáo dục Thể chất, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
2	Tiêu chuẩn 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (7-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (7-12); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Giáo dục Thể chất, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
3	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (13-34); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Giáo dục Thể chất, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV& QHDN; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
4	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
5	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT, Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH - TN - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
6	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Giáo dục Thể chất, phòng Đào tạo, TT ĐBCL; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động, ... có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (04/01/2021 - 17/01/2021)	- Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (Khoa Giáo dục Thể chất) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 (18/01/2021 - 24/01/2021)	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục để nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 4 - 12 (25/01/2021 - 28/03/2021) (Thời gian nghỉ tết từ ngày 10/02/2021 đến ngày 16/02/2021)	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 13 - 19 (29/03/2021 - 16/05/2021)	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 20 (17/05/2021 - 23/05/2021)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 21 - 22 (24/05/2021 - 06/06/2021)	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). - Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 23 - 25 (07/06/2021 - 21/06/2021)	- Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 26 - 27 (22/06/2021 - 05/07/2021)	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; - Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 28 (06/07/2021 - 12/07/2021)	- Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.


GS.TS. Nguyễn Huy Bằng